NHỊ TẤN

NHẠC TÀI TỬ NAM BỘ

Tập III

Trung Tâm Văn Hóa Quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử Quận 8
Năm 1997

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Nhị Tấn

Nhạc Tài Tử Nam Bộ

TẬP 3

Trung Tâm Văn Hóa quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử quận 8
– 1997 –
Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Nhị Tấn

Phần Chánh Biên

Trung Tâm Văn Hóa quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử quận 8
– 1997 –
Digitized by www.namkyluctinh.org

F – BỘ THẬP THỦ LIÊN HUỜN

1 – PHẨM TUYẾT

(48 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

1 -		(- -)	Tồn	(CỘNG)
2 -	Liu	(CỘNG)	Tồn Ú Xáng	(LIU)
3 -	Tồn Xê	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
4 -	Cống Xê	(XANG)	Tồn Xang Cống	(XỀ)
5 -	Tồn	(- -)	Xàng Cống	(- -)
6 -	Ú Líu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
7 -		(- -)	Tồn	(XANG)
8 -	Xể Xê	(XANG)	Xang Xự	(XANG)
9 -		(- -)	Tồn	(XANG)
10 -	Xế Xê	(XANG)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
11 -	Tồn	(LIU)	Lỉu Líu Liu	(XỀ)
12 -	Xê Xê	(XANG)	Xê Xự Xang	(HÒ)
13 -	Tồn	(LIU)	Ú Xáng	(LIU)
14 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
15 -	Liu	(- -)	Liu Xề	(- -)
16 -	Cộng Cộng	(XỀ)	Tồn Xề Cộng	(LIU)
17 -	Liu Ú	(- -)	Ú Liu	(- -)
18 -	Ú Ú	(LIU)	Liu Ú	(XÁNG)
19 -	Xang	(Ù)	Ù Xang	(- -)
20 -	Xế Xế	(XANG)	Xế Ù	(XANG)
21 -		(- -)	Tồn	(XANG)
22 -	Xê	(XANG)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
23 -	Tồn	(LIU)	Liu	(- -)
24 -	Xề	(CỘNG)	Xề Ú	(LIU)
25 -	Cộng	(- -)	Cộng Liu	(- -)
26 -	Ú Ú	(TỒN)	Liu	(- -)
27 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(Ú)
28 -	Ú Ú	(LIU)	Ú Xề	(CỘNG)
29 -	Xề	(- -)	Xề Cộng	(- -)
30 -	Liu Lỉu	(LIU)	Liu Cộng	(- -)
31 -	Tồn	(LIU)	Lỉu Líu Liu	(XỀ)
32 -	Liu Liu	(CỘNG)	U Ú	(LIU)
33 -	Liu	(LIU)	Liu Xề	(- -)
34 -	Ú Liu	(CỘNG)	Líu Cổng Xê	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

F – THẬP THỦ LIÊN HUỜN

Thập thú nhân gian

Soạn lời : Trần Ngọc Thạch

1 – PHẨM TUYẾT
Thú Cầm

1 - (- -) Gió (nhẹ)
2 - Gió (nhẹ) trên tầng (cao)
3 - Ríu (rít) tiếng chim (ca)
4 - Cỏ (cây) và lá (hoa)
5 - Trời xuân (- -) mát dịu (- -)
6 - Ta họp (bạn) vui thú ca (cầm)
7 - (- -) Cầm (ca)
8 - Là một (- -) thú thanh (cao)
9 - (- -) Bên (nhau)
10 - Cùng (so) dây nắn (phím)
11 - Hán (Dương) bến xưa êm (đềm)
12 - Bá Nha (- -) gặp Chung Tử (Kỳ)
13 - Cùng (kết) bạn tâm (giao)
14 - Trong (muôn) ngàn âm (điệu)
15 - Cung bổng (- -) cung trầm (- -)
16 - Tiếng (nhạc) và ca (ngâm)
17 - Tri kỷ (- -) tri âm (- -)
18 - Người (xưa) kết bạn tâm (đồng)
19 - Bây (giờ) chúng ta (- -)
20 - Tiếp nối (tình) nghĩa cầm (ca)
21 - (- -) Nước (non)
22 - Đẹp (thay) muôn hình muôn (vẻ)
23 - Cảnh sắc (- -) thiên nhiên (- -)
24 - Còn âm (nhạc) tự ngàn (xưa)
25 - Mang nặng (- -) tâm tư (- -)
26 - Khi lòng (- -) hân hoan (- -)
27 - Tiếng (tơ) như tiếng reo (vang)
28 - Giữ mùa (xuân) muôn hoa nở (rộ)
29 - Còn mang (nặng) tâm sự (- -)
30 - Cung (buồn) ảm đạm (- -)
31 - Nghe (như) muôn mảnh tơ (lòng)
32 - Vỡ tan (- -) theo tiếng tơ (run)
33 - Tình cảm (- -) tràn đầy (- -)
34 - Bè bạn (- -) vui cảnh sum (vầy)

Digitized by www.namkyluctinh.org

35 -	Xang	(XỪ)	Xừ Xang	(XÊ)
36 -	Ú Líu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
37 -	Xang Xang	(XỰ)	Xang Hò	(- -)
38 -	Là Là	(HÒ)	Là Xự	(XANG)
39 -		(- -)	Xê	(XỰ)
40 -	Xang Xang	(- -)	Cống Xê	(XANG)
41 -	Tồn	(CỐNG)	Cống Xê	(XANG)
42 -	Xang Xang	(XỰ)	Xự Xang	(- -)
43 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
44 -	Liu Liu	(XỀ)	Tồn Xề Cộng	(LIU)
45 -	Xáng	(XÁNG)	Xáng Ú	(- -)
46 -	Xáng Xáng	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
47 -	Liu	(LIU)	Liu Xề	(- -)
48 -	Ú Líu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)

2 – NGUYÊN TIÊU

(32 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

1 -	Tồn	(XÁNG)	Xáng Ú	(- -)
2 -	Xáng Xáng	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
3 -	Tồn	(LIU)	Tồn Cộng	(- -)
4 -	Xể Xê	(XANG)	Xang Xê	(CỐNG)
5 -		(- -)	Tồn	(LIU)
6 -	Ú Ú	(- -)	Liu Xáng	(Ú)
7 -	Tồn	(LIU)	Tồn Cộng	(- -)
8 -	Líu Líu	(- -)	Líu Cống Xê	(XANG)
9 -	Tồn	(TÀNG)	Tồn Xê	(- -)
10 -	Cống Cống	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
11 -	Là Là	(HÒ)	Là Xự	(- -)
12 -	Xê Xang	(XỰ)	Xang Cống Xê	(XANG)
13 -		(- -)	Tồn	(XANG)
14 -	Xang Xế	(XANG)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
15 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
16 -	Cống Xê	(XANG)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
17 -		(- -)	Tồn	(CỘNG)
18 -	Liu Liu	(CỘNG)	Liu Liu	(Ú)
19 -	Xáng Xáng	(XÁNG)	Xáng Liu	(- -)
20 -	Ú	(- -)	Liu Ú	(- -)
21 -	Xáng	(- -)	U Xáng	(- -)
22 -	Xế Xang	(TỒN)	Xế Xang	(- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

35 - Lắng (nghe) thời gian (trôi)
36 - Theo (tiếng) phách song (lang)
37 - Âm (điệu) dâng tràn (- -)
38 - Bao (tình) cảm chứa (chan)
39 - (- -) Bên (ngoài)
40 - Vất vả (- -) cuộc nhân (sinh)
41 - Tay (trắng) rồi cũng trắng (tay)
42 - Sang giàu (- -) mặc ai (- -)
43 - Đời (ta) trong âm (nhạc)
44 - Thanh tao (- -) ngày tháng tiêu (dao)
45 - Quên những (lúc) gian lao (- -)
46 - Với âm (thanh) và bè (bạn)
47 - Trong cảnh (- -) thanh nhàn (- -)
48 - Vòng danh (lợi) ta chẳng (màng)

2 – NGUYÊN TIÊU
Thú Kỳ

1 - Sớm (nắng) chiều mưa (- -)
2 - Ngày (nóng) hay đêm (lạnh)
3 - Chẳng (qua) thời tiết (- -)
4 - Bên bàn (cờ) ta chẳng (thiết)
5 - (- -) Nhìn (xem)
6 - Thế gian (- -) nào khác (chi)
7 - Bon chen (- -) danh lợi (- -)
8 - Thế sự (- -) cũng như bàn (cờ)
9 - Cũng miệt (mài) đấu tranh (- -)
10 - Đấu tranh (- -) để sinh (tồn)
11 - Bên nhau (nhìn) cuộc cờ (- -)
12 - Thanh (nhàn) một buổi tiêu (dao)
13 - Kẻ trước (- -) người sau (- -)
14 - Ta (đua) tài đấu (trí)
15 - Đôi (xe) và đôi (ngựa)
16 - Sĩ tượng (- -) và cặp (pháo)
17 - Thế công (- -) thế thủ (- -)
18 - Nhằm (đạt) thế thượng (phong)
19 - Thí (chốt) phá thí xe (- -)
20 - Dụng mưu (- -) chống mưu (- -)
21 - Nhìn bên (ngoài) thảnh thơi (- -)
22 - Nhưng khi (vào) cuộc chơi (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

23 -	Xê	(- -)	Xê	(- -)
24 -	Xê Xang	(HÒ)	Xê Xang	(- -)
25 -	Ú Ú	(LIU)	Liu Ú	(- -)
26 -	Xế Xang	(HÒ)	Xáng Ú	(- -)
27 -	Xáng	(XÁNG)	Xáng	(- -)
28 -	Hò Hò	(Ú)	Hò Ú	(- -)
29 -	Xế Xáng	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
30 -	Liu Liu	(XỀ)	Liu Cộng	(- -)
31 -	Liu Liu	(TỒN)	Xáng Ú	(- -)
32 -	Xế Xáng	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)

3 – HỒ QUẢNG

(12 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

1 -	(- -)	Tồn	(CỐNG)	
2 -	Hò Hò	(- -)	Cống Xê	(XANG)
3 -		(- -)	Tồn	(XANG)
4 -	Xế Xự	(XANG)	Xang Cống	(HÒ)
5 -	Xự	(HÒ)	Hò Xự	(- -)
6 -	Xang Xê	(CỐNG)	Xê Xang	(XÊ)
7 -	Tồn	(TÀNG)	Tồn Xê	(- -)
8 -	Cống Líu	(XÊ)	Cống Xê Xang	(HÒ)
9 -	Xự Xự	(XANG)	Xự Xự	(HÒ)
10 -	Cống Líu	(XÊ)	Cống Xang	(XÊ)
11 -	Líu	(LÍU)	Líu Cống	(- -)
12 -	Cống Xê	(XANG)	Xê Xự Xang	(HÒ)

4 – LIÊN HƯỜN

(40 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

1 -		(- -)	Cống	(XỰ)
2 -	Xang Xang	(HÒ)	Xang Xang	(XỰ)
3 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
4 -	Cống Xê	(XANG)	Xang Xê	(CỐNG)
5 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
6 -	Cống Xê	(XANG)	Xang Xê	(CỐNG)
7 -		(- -)	Cống	(XỰ)
8 -	Xang Xang	(HÒ)	Xang Xang	(XỰ)
9 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
10 -	Cống Xê	(XANG)	Xang Xê	(CỐNG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

23 - Lòng nặng (- -) mưu toan (- -)
24 - Thoát cảnh (ngoài) thế gian (- -)
25 - Ta đến (chốn) Bồng Lai (- -)
26 - Nhìn Bắc (Nam) nhị Tiên (- -)
27 - Quân hết (- -) tướng chết (- -)
28 - Rời (chốn) non Tiên (- -)
29 - Bước chân (- -) về cõi (tục)
30 - Rộn ràng (- -) người ngựa (- -)
31 - Đâu tướng (- -) đâu xe (- -)
32 - Chỉ (thấy) toàn sĩ (tượng)

3 – HỒ QUẢNG
Thú Thi

1 - (- -) (Cảnh)
2 - Vắng vẻ (- -) chốn non (xa)
3 - (- -) Bóng (trăng)
4 - Nửa (khuya) huyền dịu mơ (màng)
5 - Cảnh (chiều) êm đềm (- -)
7 - Lai (láng) thú làm (thơ)
8 - Bên (ly) rượu cay (nồng)
9 - Hay (bên) một chung (trà)
10 - Ta (đếm) thời gian (qua)
11 - Canh tàn (- -) ngơ ngẩn (- -)
12 - Tóc (ta) rụng bơ (phờ)

4 – LIÊN HƯỜN
Thú Họa

1 - (- -) Mơ (màng)
2 - Một (hình) dáng yêu (kiều)
3 - (- -) Lần (tay)
4 - Điểm (tô) tranh Tố (Nữ)
5 - Tranh (kia) như đùa (cợt)
6 - Tình (si) chàng họa (sĩ)
7 - (- -) Êm (đềm)
8 - Lá (vàng) rụng bên (thềm)
9 - (- -) Ngoài (kia)
10 - Xa (xa) chiều nghiêng (nắng)

Digitized by www.namkyluctinh.org

11 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
12 -	Cống Xê	(XANG)	Xang Xê	(CỐNG)
13 -		(- -)	Tồn	(CỘNG)
14 -	Liu	(LIU)	Liu Xề	(CỘNG)
15 -	Tồn	(TÀNG)	Tồn Cộng	(- -)
16 -	Liu Liu	(CỘNG)	Liu Xáng	(Ú)
17 -		(- -)	Ú Ú	(LIU)
18 -	Cống Cống	(XANG)	Xang Xê	(CỐNG)
19 -	Tồn	(TÀNG)	Tồn Cống	(- -)
20 -	Liu Lủu	(LIU)	Líu Xang	(XÊ)
21 -	Xang	(XANG)	Xang Xê	(- -)
22 -	Cống Cống	(TỒN)	Xê	(- -)
23 -	Tồn	(CỐNG)	Xê Cống Líu	(XÊ)
24 -	Líu Cống	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
25 -	Là Là	(HÒ)	Là Xự	(- -)
26 -	Xang Xang	(HÒ)	Xang Xang	(XỰ)
27 -	Là Là	(HÒ)	Là Xự	(- -)
28 -	Xang Xang	(HÒ)	Xang Xang	(XỰ)
29 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
30 -	Liu	(LIU)	Liu Xàng	(XÊ)
31 -	Xang	(XANG)	Xê	(- -)
32 -	Cống Cống	(TỒN)	Tang Xê	(- -)
33 -	Tồn	(CỐNG)	Xê Cống Líu	(XÊ)
34 -	Cống Cống	(XÊ)	Toồn Xê Xang	(XỰ)
35 -	Líu	(LÍU)	Líu Xự	(- -)
36 -	Xê Xang	(HÒ)	Xang Xang	(XỰ)
37 -	Là Là	(HÒ)	Là Xự	(- -)
38 -	Xế Xáng	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
39 -	Liu Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
40 -	Xáng Xáng	(Ú)	Xáng Liu	(Ú)

5 – BÌNH NGUYÊN

(44 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

1 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
2 -	Cống Xê	(XANG)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
3 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
4 -	Xê Xê	(XANG)	Xang Xang	(XÊ)
5 -		(- -)	Xang	(XÊ)
6 -	Cống Líu	(- -)	Xê Xang	(XỰ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

11 - Vàng (phai) pha sắc (lục)
12 - Khói (lên) vầng mây (xám)
13 - (- -) Lá (rụng)
14 - Đong (đưa) theo ngọn (gió)
15 - Nhẹ (nhàng) bay lượn (- -)
16 - Dìu (dặt) buổi hoàng (hôn)
17 - (- -) Thời (gian)
18 - Ngừng (trôi) trong khoảnh (khắc)
19 - Êm (đềm) tỉnh vật (- -)
20 - Càng (ngắm) càng suy (tư)
21 - Trời (xuân) nhởn nhơ (- -)
22 - Thu (buồn) xác xơ (- -)
23 - Hạ (trắng) cũng bơ (vơ)
24 - Mùa (đông) với đợi (chờ)
25 - Cũng (nhờ) tay người (- -)
26 - Vẽ (nên) muôn cảnh (đời)
27 - Sắc (màu) hài hòa (- -)
28 - Cảnh (đời) vẫn còn (hoài)
29 - Tơ (lòng) rung (động)
30 - Say (sưa) với gió (trăng)
31 - Việc đời (chẳng) băn khoăn (- -)
32 - Mặc bao (lời) dối gian (- -)
33 - Giá (vẽ) và bút (lông)
34 - Ta (vui) với cảm (hoài)
35 - Ta (vẽ) ta nhìn (- -)
36 - Chìm (trong) lảng quên (đời)
37 - Nhưng (không) gì bằng (- -)
38 - Soi (gương) ta tự (họa)
39 - Mỗi (ngày) ta nhìn lại (ta)
40 - Để (ta) hiểu thêm (ta)

5 – BÌNH NGUYÊN
Thú Rượu

1 - (- -) Cạn (ly)
2 - Lắng (nghe) men nồng (cháy)
3 - Rượu (ngon) và bè (bạn)
4 - Tiếng (nhạc) và lời (ca)
5 - (- -) Lời (ca)
6 - Tha thiết (- -) bên ly rượu (nồng)

Digitized by www.namkyluctinh.org

7 -	Là Là	(XỰ)	Là Xự Xang	(XÊ)
8 -	Cống Xê	(XANG)	Cống Xê	(- -)
9 -	Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
10 -	Cống Xê	(XANG)	Xê Cống Líu	(XÊ)
11 -	Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
12 -	Xê Xang	(XỰ)	Xang Hò	(CỐNG)
13 -	Cống	(CỐNG)	Cống Hò	(- -)
14 -	Xự	(XỰ)	Là Hò	(- -)
15 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
16 -	Xê Xê	(XANG)	Xang Xang	(XÊ)
17 -	Xê	(XANG)	Xang Xê	(- -)
18 -	Líu Cống	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
19 -	Là Là	(HÒ)	Là Xự Xang	(XÊ)
20 -	Cống Xê	(XANG)	Xê Cống Líu	(XÊ)
21 -	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
22 -	Cống Xê	(XANG)	Xê Cống Líu	(XÊ)
23 -	Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
24 -	Xê Xang	(XỰ)	Xang Hò	(XÊ)
25 -	Liu Liu	(CỘNG)	Cộng Liu	(- -)
26 -	Ú Xáng	(LIU)	Tồn Cộng Liu	(XỀ)
27 -	Tồn Tàng	(CỐNG)	Líu Xê	(- -)
28 -	Cống Líu	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XỰ)
29 -	Xang Xang	(TỒN)	Xang Xự	(- -)
30 -	Xang Xang	(HÒ)	Hò Là	(- -)
31 -	Cộng Cộng	(XỀ)	Liu Cộng	(LIU)
32 -	Cộng Cộng	(- -)	Liu Ú Xáng	(LIU)
33 -	Xự	(XỰ)	Xự Xang	(- -)
34 -	Là Hò	(XỰ)	Xự Xang	(--)
35 -	Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(HÒ)
36 -	Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
37 -	Xê Xang	(XỰ)	Xự Xang	(XÊ)
38 -	Cống Xê	(XANG)	Cống Xê	(- -)
39 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
40 -	Liu Liu	(- -)	Líu Cổng Xê	(XANG)
41 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
42 -	Cống Líu	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XỰ)
43 -	Là Hò	(- -)	Là Xự	(- -)
44 -	Xang Xự	(XANG)	Xang Cống Xê	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

7 - Êm (đềm) một khúc Nam (Xuân)
8 - Nửa (tỉnh) nửa say (- -)
9 - Say (tỉnh) tâm hồn ngất (ngây)
10 - Ngày (xưa) ông Khuất (Nguyên)
11 - Sống (giữa) cuộc đời ngửa (nghiêng)
12 - Người (say) còn ông (tỉnh)
13 - Ông càng (tỉnh) càng buồn (- -)
14 - Bỏ đi (dạo) sông hồ (- -)
15 - Nên (ông) thành người xa (lạ)
16 - Với cuộc (đời) đổi trắng thay (đen)
17 - (Còn) ta (- -)
18 - Say tỉnh (- -) với bạn (bè)
19 - Việc (đời) gát bỏ ngoài (tai)
20 - Đời say (ta) cũng say (- -)
21 - Đời tỉnh (- -) ta cũng tỉnh (ngay)
22 - Ta (không) thích làm Khuất (Nguyên)
23 - Vì đã (có) bạn bè quanh (ta)
24 - Những (tình) cảm thiết (tha)
25 - Bạn bè (và) rượu ngon (- -)
26 - Rượu (ngon) không có bạn (hiền)
27 - Không mua không (phải) không tiền (- -)
28 - Bình (Nguyên) một khúc êm (đềm)
29 - Ta (tỏ) nỗi niềm (- -)
30 - Bên ly (rượu) vơi đầy (- -)
31 - Rót (đầy) rồi lại (vơi)
32 - Men nồng (- -) đã mềm (môi)
33 - Ôi cuộc (đời) quanh ta (- -)
34 - Kiếp người (đầy) phong ba (- -)
35 - Nên rượu (ngon) và bạn (hiền)
36 - Giúp quên (đời) trong phút đảo (điên)
37 - Chí lớn (nào) còn giữ trong (tay)
38 - Rượu giúp (ta) lảng khuây (- -)
39 - Một thoáng (quên) ưu tư phiền (muộn)
40 - Ngoảnh lại (- -) trăng đã xế (tà)
41 - (- -) Giờ (đây)
42 - Chí lớn (- -) trong thiên (hạ)
43 - Tuy không đầy (- -) bầu rượu (- -)
44 - Nhưng cũng (đầy) men đắng suy (tư)

Digitized by www.namkyluctinh.org

6 – TÂY MAI

(23 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

1 -		(- -)	Tồn	(XANG)
2 -	Xang Xê	(XANG)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
3 -	Tồn	(CỘNG)	Liu Cộng Liu	(Ú)
4 -	Tồn	(XÁNG)	Xế Xáng Xáng	(LIU)
5 -	Tồn	(LIU)	Liu Ú Xáng	(LIU)
6 -	Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
7 -	Tồn	(CỘNG)	Liu Cộng Liu	(Ú)
8 -	Tồn	(XÁNG)	Xế Xáng Xáng	(LIU)
9 -	Tồn	(LIU)	Liu Ú Xáng	(LIU)
10 -	Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
11 -	Liu	(LIU)	Liu Cộng	(- -)
12 -	Liu Liu	(XỀ)	Cộng Liu	(- -)
13 -	Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
14 -	Xự Xự	(XANG)	Xang Xế	(XANG)
15 -	Xê	(XÊ)	Xế Xang	(- -)
16 -	Xang Xê	(CỐNG)	Xê Líu	(XÊ)
17 -	Xê Xê	(XỂ)	Xê Xang	(- -)
18 -	Xang Xê	(CỐNG)	Xê Cống Líu	(XÊ)
19 -	Cống Líu	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
20 -	Là Là	(HÒ)	Là Xự	(- -)
21 -	Là	(HÒ)	Là Xự Xang	(XÊ)
22 -	Cống Líu	(- -)	Xê Xê Xang	(XỰ)
23 -	Là Là	(HÒ)	Là Xự	(- -)

7 – KIM TIỀN

(26 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

1 -	Tồn Là	(Ú)	Liu	(- -)
2 -	Tồn Tàng	(XÊ)	Cống	(- -)
3 -	Tồn Là	(Ú)	Xáng	(- -)
4 -	Ú Liu	(CỘNG)	Liu Liu	(XỀ)
5 -	Cộng	(CỘNG)	Cộng Liu	(- -)
6 -	Cống Xê	(XANG)	Xang Xang	(XÊ)
7 -	Cống Xê	(XANG)	Cống	(XÊ)
8 -	Tồn Tàng	(LIU)	Liu	(- -)
9 -	Xề Xề	(CỘNG)	Liu	(- -)
10 -	Cộng Tồn	(LIU)	Liu	(- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

6 – TÂY MAI
Thú Trà

1 - (- -) Nhẹ (tay)
2 - Rót (chung) trà thơm (ngát)
3 - Bên (ngoài) trời lộng gió (cao)
4 - Gió (hát) khúc xuân (ca)
5 - Ngước (lên) trời rộng bao (la)
6 - Ngoảnh (trông) trần gian nhỏ (hẹp)
7 - Chật (chội) kiếp phù (du)
8 - Đành (phải) bó gối ngâm (thơ)
9 - Bạn hữu (- -) giờ cách (xa)
10 - Người (yêu) còn ngoảnh (mặt)
11 - Ta (ngồi) cô độc (- -)
12 - Mượn chung (trà) suy tư (- -)
13 - Cay (đắng) đầy lòng (ta)
14 - Trời (xuân) còn chút giá (băng)
15 - Một (chén) trà ngon (- -)
16 - Sưởi (ấm) lòng cô (đơn)
17 - Cuộc (sống) bon chen (- -)
18 - Toan (tính) và dối (gian)
19 - Thôi (thôi) kiếp phong (trần)
20 - Trả (về) phong trần (- -)
21 - Bây (giờ) tay trắng (tay)
22 - Tay trắng (- -) nhưng ta (còn)
23 - Hương (trà) đậm đà (- -)

7 – KIM TIỀN
Thú bè bạn

1 - Trăng (thanh) gió cao (- -)
2 - Bạn (bè) sum hiệp (- -)
3 - Trăm (năm) nhân thế (- -)
4 - Nhìn quanh (- -) có bao (người)
5 - Họp (bạn) cùng ta (- -)
6 - Thưởng thức (- -) chén trà tâm (giao)
7 - Với hương (vị) thơm ngát thanh (cao)
8 - Lưu, Quan, (Trương) ngày xưa (- -)
9 - Tình (nặng) nghĩa sâu (- -)
10 - Dù (không) đồng sanh (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

11 -	Xề Xề	(CỘNG)	Liu	(- -)
12 -	Cống Xê	(XANG)	Xang	(- -)
13 -	Xê Xê	(XANG)	Xê Cống	(XÊ)
14 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
15 -	Cống	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
16 -	Là Là	(HÒ)	Là Xự Xế	(XANG)
17 -	Xự Xự	(XANG)	Xế Xê	(XANG)
18 -	Xế	(XẾ)	Xế Xang	(- -)
19 -	Xê Xể	(CỐNG)	Xê Xang	(XÊ)
20 -	Xê	(XẾ)	Xê Xang	(- -)
21 -	Xể	(CỐNG)	Xê Xang	(XÊ)
22 -	Cống Cống	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
23 -	Là Là	(HÒ)	Là Xự	(- -)
24 -	Là	(HÒ)	Là Xự Xang	(XÊ)
25 -	Cống Cống	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
26 -	Là Là	(HÒ)	Là Xự	(- -)

8 – XUÂN PHONG

(10 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

1 -	Hò Là	(HÒ)	Là Xự	(- -)
2 -	Là Hò	(XANG)	Xang Xự	(- -)
3 -	Xang Xang	(XÊ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
4 -	Liu	(LIU)	Liu Cộng	(- -)
5 -	Ú Líu	(XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
6 -	Hò Là	(HÒ)	Là Xự	(- -)
7 -	Là Là	(HÒ)	Xang Xang	(XỰ)
8 -	Xang Xang	(XỰ)	Xang Hò	(CỐNG)
9 -	Liu Liu	(XỀ)	Cộng Liu	(- -)
10 -	Cống Xê	(XANG)	Cống Xự	(XANG)

9 – LONG HỔ

(7 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

1 -	Ú	(Ú)	Liu Cộng	(- -)
2 -	Ú Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
3 -	Xê	(XÊ)	Líu Líu	(XÀNG)
4 -	Cống	(CỐNG)	Xê Xang Xê	(CỐNG)
5 -	Ú Ú	(LIU)	Liu Cống Líu	(XÊ)
6 -	Líu Líu	(- -)	Cống Xê	(- -)
7 -	Xang Xang	(XÊ)	Xang Cống Xê	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

11 - Thề (cùng) đồng tử (- -)
12 - Giữa vườn (đào) kết giao (- -)
13 - Chốn phong (trần) vui buồn có (nhau)
14 - (- -) Giờ (đây)
15 - Chẳng phải (- -) nơi vườn (đào)
16 - Bên chén (- -) trà thơm (ngon)
17 - Anh em (- -) tình vẫn thiết (tha)
18 - Không thề (- -) tử sanh (- -)
19 - Mà tình (nghĩa) chẳng kém (xưa)
20 - Cũng vui (thú) hàn huyên (- -)
21 - Dù tuổi (tác) có khác (nhau)
22 - Bạn vong (niên) cũng vẫn đậm (đà)
23 - Tình (nồng) chan hòa (- -)
24 - Trên đường (đời) những lúc vắng (xa)
25 - Ta vẫn (- -) mơ một (ngày)
26 - Một (giờ) sum vầy (- -)

8 – XUÂN PHONG
Thú yêu đương

1 - Tình (nầy) trao trọn (- -)
2 - Đời ta (không) phiền muộn (- -)
3 - Lòng ta (- -) tình thiết (tha)
4 - Thủy (chung) sâu đậm (- -)
5 - Kết (nguyền) cùng lửa (hương)
6 - Thiên (Đường) vô tận (- -)
7 - Nhìn dương (trần) nhiều lận (đận)
8 - Ta (cười) cho nhân (thế)
9 - Không biết (gì) yêu đương (- -)
10 - Chỉ lo (- -) bán buôn kiếp (người)

9 – LONG HỔ
Thú đợi chờ

1 - Xuân (qua) hè lại (- -)
2 - Thu (muộn) đông lê (thê)
3 - Hoa (mai) khoe vàng (tươi)
4 - Phượng (vĩ) khoe đỏ (thắm)
5 - Thu hát (- -) khúc lá (rơi)
6 - Cùng với (- -) gió đông (- -)
7 - Ta (ca) khúc chờ (mong)

Digitized by www.namkyluctinh.org

10 – TẨU MÃ

(34 câu, nhịp đôi, song lang nhịp chiếc)

1 -		(XÊ)	Xang Xự	(- -)
2 -	Xang Là	(HÒ)	Là Xự	(- -)
3 -	Xang Xang	(XỰ)	Xự Xang	(- -)
4 -	Cống Cống	(- -)	Cống Xê	(XANG)
5 -	Xê	(XÊ)	Xang Xự	(- -)
6 -	Xang Là	(HÒ)	Là Xự	(- -)
7 -	Xang Xang	(XỰ)	Xự Xang	(- -)
8 -	Xang Xang	(XỰ)	Là Hò	(- -)
9 -		(- -)	Liu Liu	(CỘNG)
10 -	Liu Liu	(CỘNG)	Líu Líu	(XÊ)
11 -	Líu Cổng	(- -)	Cống Xê	(XANG)
12 -	Xang Xang	(XỰ)	Xang	(XÊ)
13 -	Xể Xê	(XANG)	Xang Xê	(- -)
14 -	Cộng Cộng	(TỒN)	Tàng Liu	(- -)
15 -	Ú	(Ú)	Ú Xáng	(- -)
16 -	Ú	(Ú)	Ú Liu	(- -)
17 -	Ú	(Ú)	Ú Xáng	(- -)
18 -	Ù Xang	(XÊ)	Xế Xang	(- -)
19 -	Ú	(Ú)	Ú Liu	(- -)
20 -	Ú Ú	(LIU)	Liu Cộng Liu	(XỀ)
21 -		(- -)	Xề	(LIU)
22 -	Liu Xề	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
23 -	Cống Cống	(CỐNG)	Xê Xang	(- -)
24 -	Cống Xê	(XANG)	Xê Cống	(XÊ)
25 -	Liu Liu	(XỀ)	Xề Liu	(- -)
26 -	Liu Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
27 -	Xang Xang	(XỰ)	Xự Xang	(- -)
28 -	Liu Liu	(XỀ)	Xề Liu	(- -)
29 -	Liu Liu	(XỀ)	Liu Liu	(CỘNG)
30 -	Liu Liu	(CỘNG)	Líu Cổng Xê	(XANG)
31 -	Cổng Líu	(CỔNG)	Xê Xang	(- -)
32 -	Cống Xê	(XANG)	Xê Cống	(XÊ)
33 -	Liu Liu	(XỀ)	Cộng Liu	(- -)
34 -	Xang Xê	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

10 – TẨU MÃ
Thú cô đơn

1 - Kìa đàn (chim) bay lượn (- -)
2 - Cặp (kè) đôi bạn (- -)
3 - Đâu (được) bằng ta (- -)
4 - Tận hưởng (- -) thú cô (đơn)
5 - Kìa hoa (kia) nở rộ (- -)
6 - Từng (đàn) bướm lượn (- -)
7 - Đâu (được) bằng ta (- -)
8 - Cô đơn (thật) đậm đà (- -)
9 - Năm (canh) ngồi mơ (mộng)
10 - Trăng (muộn) và sao (thưa)
11 - Kết bạn (- -) tâm (đồng)
12 - Gió mây (- -) còn có (đôi)
13 - Gió thổi (- -) mây trôi (- -)
14 - Cõi dương (trần) bao la (- -)
15 - Lạnh lùng (một) mình ta (- -)
16 - Ngồi đếm (- -) sao rơi (- -)
17 - Sao rơi (- -) thấp thoáng (- -)
18 - Sương (rơi) thấm ướt (- -)
19 - Cúi (mặt) suy tư (- -)
20 - Ngao ngán (- -) một kiếp (người)
21 - Kiếp người (- -) bao năm (- -)
22 - Lạc (thú) cõi nhân (gian)
23 - Không gì (bằng) cô đơn (- -)
24 - Buồn (vui) một mình (ta)
25 - Ngọt bùi (- -) sót xa (- -)
26 - Gặm (nhấm) thú đau (thương)
27 - Rã rời (- -) tâm tư (- -)
28 - Ôm một (niềm) cô đơn (- -)
29 - Cô đơn (nầy) ta giữ (trọn)
30 - Giữ trọn (- -) suốt một (đời)
31 - Ta khóc (- -) ta cười (- -)
32 - Khóc cười (- -) ta với (ta)
33 - Cuối (đời) bôn ba (- -)
34 - Vẫn hưởng (- -) thú cô (đơn)

Digitized by www.namkyluctinh.org

G – CỬU NHĨ

HỘI NGUƠN TIÊU

(32 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

Lớp I :	1 -		(- -)	Tồn	(XANG)
		Xang Xảng	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
	2 -	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
		Xế Xáng	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	3 -		(- -)	Liu	(XÀNG)
		Xàng Xàng	(- -)	Xàng Liu	(CỘNG)
	4 -	Liu Cộng	(- -)	Xê Xàng	(- -)
		Xàng Xàng	(LIU)	Liu Xàng	(- -)
	5 -	Liu Liu	(XÀNG)	Liu Cộng	(LIU)
		Liu Liu	(- -)	Cộng Liu	(U)
	6 -	Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
		Xê Xang	(HÒ)	Xáng Cộng Liu	(U)
	7 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
		Xế Xáng	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	8 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Cống	(- -)
		Ú Liu	(CỘNG)	Líu Cộng Xê	(XANG)
	9 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
		Xê	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	10 -	Xang Xể	(- -)	Xê Xang	(- -)
		Cống Xê	(XANG)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	11 -		(- -)	Tồn	(XANG)
		Xang Xảng	(- -)	Xảng Xang	(HÒ)
	12 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
		Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
Lớp II :	13 -		(- -)		(- -)
			(- -)	Xê	(XANG)
	14 -	Xang Xê	(CỐNG)	Xê Xang	(- -)
		Xang Xê	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	15 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
		Xê Xể	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	16 -	Xang Xể	(- -)	Xê Xang	(- -)
		Xế Xáng	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	17 -		(- -)	Tồn	(LIU)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

G.- CỬU NHĨ

HỘI NGUƠN TIÊU
Thúy Kiều hoa viên ngộ

Soạn lời : Cao Hoài Sang

<u>Lớp I</u> : 1 - (- -) Từ (Kim)
Trở lại (- -) đến nơi gia (đàng)
2 - Lối (cũ) tưởng khách giai (nhân)
Lòng xuân (- -) thêm ngẩn (chạnh)
3 - (- -) (Sầu)
Đông thôi (- -) càng khó (gạt)
4 - Nghĩ thêm (luống) châu mày (- -)
Ai khéo (- -) trêu bày (- -)
5 - Giải cấu (nầy) biết mai (sau)
Trăm năm (- -) duyên hài có (nên)
6 - Hồn (bướm) trót mấy (canh)
Lẫn bụi (- -) hồng đêm (thanh)
7 - Nhìn tim (lụn) dầu hao (- -)
Tỉnh mê (- -) kề bên (triện)
8 - Lam (kiều) chốn cũ (- -)
Nào thấy (- -) Liễu Chương (Đài)
9 - (- -) Nhìn (qua)
Phong (- -) cảnh một (vùng)
10 - Khe nước (- -) trắng ngần (- -)
Bóng giai (-) nhân vắng (bặt)
11 - (- -) Ngẩn (ngơ)
Đâu (- -) biết chốn (nào)
12 - Hỏi lối (- -) nguồn đào (- -)
Mượn gió (chiều) lên đường tìm (hoa)

<u>Lớp II</u> : 13 - (- -) (- -)
(- -) Nhìn (xem)
14 - Kín cổng (- -) cao tường (- -)
Lòng dạ (- -) luống ngổn (ngang)
15 - (- -) (Nơi)
Gần trông (- -) thấy một (tòa)
16 - Ngô Việt (- -) ấy nhà (- -)
Giang hồ (- -) đà vắng (khách)
17 - (- -) Dịp (may)
Khiến (- -) mình lại (gặp)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	18 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
		Xế Xáng	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	19 -		(- -)	Tồn	(LIU)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
	20 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
		Ú Liu	(CỘNG)	Liu Cộng Xê	(XANG)
	21 -		(- -)	Xê	(XANG)
		Xang Xê	(- -)	Xê Xang	(HÒ)
	22 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
		Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	23 -	Xang Xê	(- -)	Xang Hò	(- -)
		Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	24 -	Tồn Xự	(- -)	Xang Xê	(- -)
		Xang Xê	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
Lớp III :	25 -		(- -)	Xê	(XANG)
		Xang Xê	(- -)	Xê Xang	(HÒ)
	26 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
		Xê Xang	(HÒ)	Tồn Xế Xáng	(U)
	27 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
	28 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
		Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xáng	(U)
	29 -		(- -)	Xê	(XANG)
		Xang Xê	(- -)	Xê Xang	(HÒ)
	30 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
		Xê Xang	(HÒ)	Tồn Xế Xáng	(U)
	31 -		(- -)	Tồn	(U)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
	32 -	Liu Cộng	(- -)	Xê Xàng	(- -)
		Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Liu	(- -)

BÁT BẢN CHẤN

(72 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

Lớp I :	1 -		(- -)	Hò	(XÊ)
		Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
	2 -	Xang Xê	(- -)	Líu Xự	(- -)
		Xang Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	3 -		(- -)	Líu	(XỰ)
		Xự Xự	(- -)	Xự Xang	(HÒ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

18 - Lấy điều (- -) du học (- -)
Thuê nhà (- -) toan gặp (mặt)
19 - (- -) Mừng (thôi)
Ba (- -) sanh âu (hẳn)
20 - Túi đờn (- -) cặp sách (- -)
Đề huề (- -) kíp dọn (sang)
21 - (- -) Thấy (hiên)
Lãm (- -) Thúy chữ (vàng)
22 - Cây đá (- -) sẵn sàng (- -)
Duyên trời (- -) dành chi (đây)
23 - Hiên tây ghé (mắt) hoa tường (- -)
Bặt bóng (- -) hồng vào (ra)
24 - Hai trăng (đầy) lân la (- -)
Mong mỏi (- -) khách tiên (nga)

<u>Lớp III</u> :

25 - (- -) Ngẫu (nhiên)
Phải (- -) buổi êm (trời)
26 - Vẫng tiếng (- -) nơi cội đào (- -)
Bóng hồng (- -) dường thướt (tha)
27 - Chàng kíp xóc (áo) bước ra (- -)
Hơi hương (- -) còn thơm (nực)
28 - Nhìn quanh (đâu) thấy dạng (- -)
Trên nhành (đào) kìa kim (thoa)
29 - (- -) Đưa (tay)
Vói (- -) lấy về (nhà)
30 - Người ấy (- -) với báu nầy (- -)
Có duyên (- -) gì chăng (ai)
31 - (Nào) hay bởi kim (thoa)
Đôi bên (- -) nhờ đặng (gặp)
32 - Cùng nhau (- -) thề vàng (- -)
Phỉ nguyền (- -) trước mai (- -)

BÁT BẢN CHẦN
Thúy Kiều tống Trọng qui tang

Soạn lời : Cao Hoài Sang

<u>Lớp I</u> :

1 - (- -) (Đôi)
Lứa (- -) đôi phỉ (nguyện)
2 - Duyên trời (- -) sắp đặt (- -)
Vàng đá (- -) hẹn non (sông)
3 - (- -) (Trọng)
Trân trọng (- -) mấy (lời)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	4 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
		Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	5 -		(- -)	Líu	(XỰ)
		Xự Xự	(- -)	Xự Xang	(HÒ)
	6 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
		Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	7 -	Xang Xảng	(XÊ)	Xể Xê Xang	(HÒ)
		Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	8 -	Xê Xang	(HÒ)	Xang Xự	(- -)
		Xê Xang	(XỰ)	Xang Xể	(XÊ)
Lớp II :	9 -		(- -)	Hò	(XÊ)
		Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
	10 -	Xang Xê	(- -)	Líu Xự	(- -)
		Xang Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	11 -		(- -)	Líu	(XỰ)
		Xự Xự	(- -)	Xự Xang	(HÒ)
	12 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
		Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	13 -		(- -)	Líu	(XỰ)
		Xự Xự	(- -)	Xự Xang	(HÒ)
	14 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
		Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	15 -	Xang	(XÊ)	Xể Xê La	(XỀ)
		La La	(XỀ)	Xứ Phạn La	(HO)
	16 -	Xang Xê	(- -)	La Xề	(- -)
		Liu Liu	(XỀ)	Ú Phạn Lủ	(LIU)
Lớp III :	17 -		(- -)	Liu	(PHẠN)
		Phạn Liu	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
	18 -	Liu Cộng	(- -)	Cộng Liu	(- -)
		Liu Xàng	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
	19 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
		Ú Liu	(- -)	Cổng Líu	(XÊ)
	20 -	Xang Cống	(- -)	Líu Cống Xê	(XANG)
		Xừ Xang	(XÊ)	Líu Xàng Xê	(CỐNG)
	21 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
		Ú Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	22 -		(- -)	Xê	(XANG)
		Xang	(- -)	Xê Líu	(XỰ)
	23 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xự	(- -)
		Xang Líu	(- -)	Xự Xang	(XÊ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

4 - Dầu vật (đổi) sao dời (- -)
Thề nguyền (- -) nào lảng (xao)
5 - (- -) (Trao)
Khăn quạt (- -) đôi xuyến (vàng)
6 - Nầy của (tin) đôi đàng (- -)
Một lời (- -) gìn thủy (chung)
7 - Đêm xuân (-) đượm hương (nồng)
Chốn thơ (- -) phòng sánh (vai)
8 - (- -) Mặt (- -)
Nhìn mặt (- -) càng thêm (tươi)

<u>Lớp II</u> :

9 - (- -) Thiềm (cung)
Bóng (- -) soi tỏ (rạng)
10 - Chén quỳnh (- -) vơi cạn (- -)
Nầy phỉ (- -) lúc đêm (xuân)
11 - (- -) (Họa)
Phát (- -) họa vừa (rồi)
12 - Lựa vận (- -) thi đề (- -)
So tài (- -) lành đôi (bên)
13 - (- -) (Nhặt)
Khoan (- -) nhặt tiếng (cầm)
14 - To nhỏ (giọng) phù trầm (- -)
Rối ruột (- -) tằm chàng (Kim)
15 - (Ngơ) ngẩn (nhìn)
Càng (- -) say huê (dung)
16 - Trong giá (- -) trắng ngần (- -)
Phải cung (- -) thiềm đây (chăng)

<u>Lớp III</u> :

17 - (- -) (Xuân)
Đêm (- -) xuân đương (nồng)
18 - Lòng (- -) bâng khuâng (- -)
Đồng tâm (- -) nguyền ghi (tạc)
19 - Non thề (- -) cùng biển (hẹn)
Mấy (- -) tiếng tất (giao)
20 - Dầu (vật) đổi sao (dời)
Tang thương (- -) gìn chẳng (đổi)
21 - Canh gà (- -) nghe đã (lụn)
Nhìn nhau (- -) khó chia (tay)
22 - (- -) Tin (đâu)
Bên (- -) tai gọi (vào)
23 - (Kiều) vội (- -)
Vả (- -) trở buồng (thêu)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	24 -		(- -)	Tồn (XÊ)
		Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu (XỰ)
	25 -	Là Là	(HÒ)	Là Xự (- -)
		Xự Xang	(XÊ)	Líu Hò (- -)
Lớp IV :	26 -	Tồn	(CỘNG)	Ú Liu (XỀ)
		Cộng Liu	(XỀ)	Tồn Xề Cộng (LIU)
	27 -	Tồn Cộng	(- -)	Liu Xề (- -)
		Cộng Liu	(XỀ)	Cộng Liu (- -)
	28 -	Tồn	(XANG)	Xảng Xang Xang (HÒ)
		Xê Xang	(- -)	Hò Xự (XANG
	29 -	Xang Xê	(- -)	Xang Xự (- -)
		Xê Xang	(XỰ)	Hò Xự Xang (XÊ)
	30 -		(- -)	Xang (XÊ)
		Xê	(- -)	Cống Xê (XANG)
	31 -	Tồn	(CỘNG)	Ú Liu (XỀ)
		Cộng Liu	(XỀ)	Cộng Xàng (LIU)
	32 -	Tồn Cộng	(- -)	Liu Xề (- -)
		Cộng Liu	(XỀ)	Cộng Liu (- -)
Lớp V :	33 -		(- -)	Tồn (U)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Xáng (LIU)
	34 -	Xề Phạn Liu	(U)	Xáng U Liu (PHẠN)
		Phạn Liu	(U)	Xáng U Liu (XỀ)
	35 -		(- -)	Tồn (XỀ)
		Xề	(- -)	Cộng Liu (XỀ
	36 -	Tồn Cộng	(- -)	Liu Xề (- -)
		Cộng Liu	(XỀ)	Cộng Tồn (LIU)
	37 -	Tồn Cộng	(- -)	Liu Xề (- -)
		Cộng Liu	(XỀ)	Tồn Liu (- -)
	38 -		(- -)	Tồn (U)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Xáng (LIU)
	39 -	Xề Phạn Liu	(U)	Xáng U Liu (PHẠN)
		Phạn Liu	(U)	Xáng U Liu (XỀ)
	40 -		(- -)	Tồn (XỀ)
		Xề	(- -)	Cộng Liu (XỀ)
	41 -	Tồn Cộng	(- -)	Liu Xề (- -)
		Cộng Liu	(XỀ)	Cộng Tồn (LIU)
	42 -	Tồn Cộng	(- -)	Liu Xề (- -)
		Cộng Liu	(XỀ)	Tồn Liu (- -)
Lớp VI :	43 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu (XỀ)
		Ú Liu	(XỀ)	Tồn Xề Liu (CỘNG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

24 - (- -) Nầy (thơ)
Kim (- -) Sanh tiếp (đặng)
25 - Gia đồng (mới) đem sang (- -)
Thúc phụ (- -) từ đường (- -)

<u>Lớp IV</u> : 26 - Nên (- -) lịnh xuân (đường)
Dạy trở (- -) lại Liêu (Dương)
27 - Đất khách (- -) dặm ngàn (- -)
Sanh kíp (về) hộ tang (- -)
28 - Chàng nghe (-) nỗi kinh (hoàng)
Băng mình (- -) vào đài (trang)
29 - Đuôi đầu (- -) kể nỗi (- -)
Sự (- -) tình trong (tâm)
30 - (- -) Vì (tang)
Nên (- -) mới chia (tay)
31 - Ngàn (- -) dặm đã (đành)
Chia (- -) cách ba (đông)
32 - Chỉ (thắm) buộc lòng (- -)
Ai (gở) cho xong (- -)

<u>Lớp V</u> : 33 - (- -) Tóc (tơ)
Lời (- -) chẳng cạn (phân)
34 - Cách (- -) xa muôn (dặm)
Há (- -) thưa thớt (lòng)
35 - (- -) Để (lời)
Xin (- -) khá gìn (vàng)
36 - Cho (- -) đành lòng (- -)
Người gốc (bể) kẻ ven (mây)
37 - Ruột (rối) bời bời (- -)
Kiều nghe (dập) sầu tây (- -)
38 - (- -) Ông (Tơ)
Ghét (- -) bỏ chi (nhau)
39 - Chưa (- -) vui sum (hiệp)
Đã (- -) chia đôi (đàng)
40 - (- -) Thề (lòng)
Tháng (- -) đợi năm (chờ)
41 - Trót nguyện (- -) một thề (- -)
Mái tóc (- -) dầu đổi (thay)
42 - Non nước (- -) còn dài (- -)
Còn nhớ (ngày) hôm nay (- -)

<u>Lớp VI</u> : 43 - (Thương) thân (chàng)
Gió mưa (- -) ngoài muôn (dặm)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	44 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
		Xàng Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	45 -		(- -)	Xê	(XANG)
		Xang	(- -)	Xê Xang	(HÒ)
	46 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
		Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	47 -	Xang	(XÊ)	Xang Hò	(- -)
		Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	48 -	Tồn Xự	(- -)	Xang Xê	(- -)
		Xang Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	49 -	Xang	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XỀ)
		Xề Cộng	(LIU)	Lủu Liu Cộng	(XỀ)
	50 -	Xề Cộng	(- -)	Liu Xề	(- -)
		Cộng Liu	(XỀ)	Cộng Tồn	(LIU)
	51 -	Tồn Cộng	(- -)	Liu Xề	(- -)
		Cộng Liu	(XỀ)	Tồn Liu	(- -)
	52 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(XỀ)
		Ú Liu	(XỀ)	Tồn Xề Liu	(CỘNG)
	53 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
		Xàng Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
LớpVII :	54 -	Xế Xáng	(TỒN)	Liu	(- -)
		Xê Xang	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
	55 -	Xế Xáng	(TỒN)	Liu	(- -)
		Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(- -)
	56 -	Tồn Xang	(XÊ)	Xang Xự	(- -)
		Xang Xê	(- -)	Xể Xê Xang	(HÒ)
	57 -	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Xang	(- -)
		Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(- -)
	58 -		(- -)	Tồn	(XANG)
		Tang	(- -)	Tồn Xang	(XÊ)
	59 -		(- -)	Xang	(XÊ)
		Xang	(XỂ)	Xể Xê	(XANG)
	60 -	Xế Xáng	(TỒN)	Liu	(- -)
		Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(- -)
	61 -	Tồn	(XẾ)	Xể Xê Xang	(HÒ)
		Ú Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	62 -	Tồn	(XANG)	Cống Líu	(XÊ)
		Xang Xê	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	63 -	Xế Xáng	(TỒN)	Liu	(- -)
		Xê Xang	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

44 - Mấy lời (- -) trân trọng (- -)
Sầu dập (- -) dả lụy (tràn)
45 - (- -) Buộc (yên)
Quảy (- -) gánh vội (vàng)
46 - Chia sẻ (- -) bước đàng (- -)
Tách dặm (- -) ngàn trẫy (sang)
47 - Phong cảnh (- -) quê nhà (- -)
Cuối trời (- -) nhìn nhạn (thưa)
48 - Chạnh người (- -) gió mưa (- -)
Thêm nặng (- -) gánh tương (tư)
49 - (Kiều) (còn)
Đứng (- -) dựa bên (ngoài)
50 - Như tơ (- -) rối lòng (- -)
Mạch sầu (- -) đượm khó (ngăn)
51 - Tan tiệc (- -) đề huề (- -)
Song đường (đã) đến nơi (- -)
52 - Nhìn xem (- -) khắp tư (bề)
Sai nha (- -) cùng bộ (hạ)
53 - Xông vào (- -) đã chật (- -)
Làm huyên (- -) náo một (nhà)

<u>Lớp VII</u> : 54 - Mộc (già) buộc ông (- -)
Cùng (- -) Vương (Quan)
55 - Sự (bởi) đâu (- -)
Vì (đứa) bán tơ (- -)
56 - Duyên (- -) hội ngộ (- -)
(Nghĩa) thâm (tình)
57 - Nặng (hoằng) đôi vai (- -)
Thôi (phải) liệu toan (- -)
58 - (- -) Đền (ơn)
Trọn (- -) nghĩa dưỡng (sanh)
59 - (- -) Chuộc (cha)
Kiều (- -) phải bán (thân)
60 - Bạc (lượng) ba trăm (- -)
Thì (việc) mới êm (- -)
61 - (Đã) một lời (thề)
Đành (phụ) rãy từ (đây)
62 - Sanh (thành) trước phải (lo)
Báo (- -) đền cho (xong)
63 - Nỗi (sự) tình (- -)
Hỡi (- -) chàng Kim (Lang)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	64 -	Xáng Xáng	(- -)	Tồn Liu	(- -)
		Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(- -)
LớpVIII:	65 -	Liu Liu	(XÁNG)	Lủu Liu	(XÀNG)
		Liu Liu	(XỀ)	Tồn Xề Phạn	(LIU)
	66 -		(LIU)	Xáng Xáng	(XÀNG)
		Liu Liu	(XỀ)	Tồn Xề Phạn	(LIU)
	67 -	Xáng	(XÀNG)	Liu Liu	(CỘNG)
		Liu	(- -)	Xề Cộng	(LIU)
	68 -	Liu Liu	(XỀ)	Phạn Liu	(- -)
		Ú Liu	(CỘNG)	Líu Cổng Xê	(XANG)
	69 -	Liu	(PHẠN)	Lủu Liu	(PHẠN)
		Liu	(XỀ)	Tồn Xề Phạn	(LIU)
	70 -		(LIU)	Xáng Xáng	(XÀNG)
		Liu Liu	(XỀ)	Xề Phạn	(LIU)
	71 -	Xáng	(XÀNG)	Liu Liu	(CỘNG)
		Liu Liu	(XỀ)	Xề Phạn	(LIU)
	72 -	Liu Liu	(XỀ)	Phạn Liu	(- -)
		Lủu Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)

IV – CÁC BÀI NHẠC LỄ

XÀNG XÊ

(64 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

Lớp I :	1 -		(- -)	Xê	(XANG)
(Lớp đầu)		Xê Xang	(XỰ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
	2 -	Tồn	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
		Hò Là	(XỰ)	Xang Cống Liu	(XÊ)
	3 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
		Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	4 -	Tồn	(CỐNG)	Xê Xang Cống	(XÊ)
		Xế Xáng	(U)	Liu Cộng Ú	(LIU)
	5 -	Tồn	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
		Cộng Liu	(U)	Liu Cộng Liu	(Ú)
	6 -	Tồn	(XÊ)	Xang Xự Xê	(XANG)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
	7 -	Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(XỀ)
		Xề Tồn	(- -)	Cộng Ú	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

64 - Thấu (cùng) chăng (- -)
Nơi (Liêu) Dương (- -)

Lớp VIII : 65 - Thôi thôi (thiếp) cam (lòng)
Phụ (- -) chàng từ (đây)
66 - Hạt (mưa) sá chi phận (hèn)
Tấc cỏ (- -) đền ba (xuân)
67 - Nông nỗi (nầy) phải cam (chịu)
Nhắn gởi (- -) cậy băng (nhân)
68 - Gặp người (quận) Lâm Thanh (- -)
Ấy chàng (- -) Mã Giám (Sanh)
69 - (- -) Thôi (thôi)
Phận (- -) bèo từ (đây)
70 - (Vóc) ngọc mình (vàng)
Đem (- -) vùi bụi (nhơ)
71 - Lời (thề) nguyền xin (cậy)
Thay duyên (- -) nợ nơi (em)
72 - Chị cam (phận) nổi trôi (- -)
Vùi (xương) trắng xứ (người)

IV – CÁC BÀI NHẠC LỄ

XÀNG XÊ
Thúy Kiều vịnh tích

Soạn lời : Cao Hoài Sang 1940

Lớp I : 1 - (- -) (Tài)
Sắc xưa (- -) nào ai kịp (sánh)
2 - Kiều (Vân) Bắc Kinh quê (ngụ)
Vốn con (nhà) thi lễ trâm (anh)
3 - (- -) Cửa (Khổng)
Vương (- -) thị nối (giòng)
4 - Thi (phú) cầm kỳ lãu (thông)
Vóc xuân (xanh) mặn nồng cả (hai)
5 - Thúy (Vân) tư dung khác (vời)
Đúng vừa (- -) tuần cặp (kê)
6 - Khuông (trăng) nét ngài nở (nang)
Sắc điểm (tô) do tay Thợ (Tạo)
7 - (Hương) nồng (nàn)
Thơ (- -) thới cánh (hoa)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	8 - Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	Ú Liu	(- -)	Cộng Liu	(XỀ)
	9 -	(- -)	Là	(XỪ)
	Xê Xang	(XỰ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
	10 - Cống Xê Xang	(XỰ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
	Xê Xang	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	11 -	(- -)	Tồn	(CỐNG)
	Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	12 - Tồn	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XỰ)
	Ú Liu	(CỘNG)	Xề Cộng Liu	(Ú)
	13 - Líu	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	Xê Xang	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	14 - Xê Xang	(XỰ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
	Hò Là	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	15 -	(- -)	Tồn	(XÊ)
	Líu Cống	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
	16 - Xự Xang	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
	Xê Xang	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	17 -	(- -)	Tồn	(CỐNG)
	Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	18 - Tồn	(CỐNG)	Xê Xang Cống	(XÊ)
	Cống Hò	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	19 -	(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xê Xang	(XỰ)	Xang Cống Xê	(XANG)
	20 - Xang	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XỀ)
	Xế Xáng	(- -)	Cộng Ú	(LIU)
<u>Lớp II</u> :	21 -	(- -)	Tồn	(HÒ)
(Lớp Hò)	Hò Là	(XỰ)	Xê Xang	(HÒ)
	22 - Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	Cộng Liu	(Ú)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
	23 -	(- -)	Tồn	(HÒ)
	Hò Là	(XỰ)	Xê Xang	(HÒ)
	24 - Hò	(XỰ)	Xang Hò Xự	(XANG)
	Hò	(CỐNG)	Xê Xang Cống	(XÊ)
	25 -	(- -)	Tồn	(CỐNG)
	Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	26 - Tồn	(CỐNG)	Xê Xang Cống	(XÊ)
	Cống Hò	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	27 -	(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xê Xang	(XỰ)	Xang Cống Xê	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

8 - Đài (gương) giá trong chói (rạng)
Xôn xao (nhìn) ong bướm vởn (vơ)
9 - (- -) Thúy (Kiều)
Hơn em (- -) đôi đường tài (sắc)
10 - Cung (thương) lãu thông đủ (bực)
Gió mưa (sầu) mấy ngón đêm (thanh)
11 - (- -) Thi (phú)
Nhả (- -) ngọc phun (châu)
12 - Nét (vẽ) thiên tài đã (nên)
Sắc yêu (kiều) có ai (hơn)
13 - Làn thu (thủy) nét xuân (sơn)
Đóa hoa (ghen) thắm tươi phải (nhường)
14 - Hương (- -) đượm nồng phẩm (giá)
So cung (Thiềm) cũng thẹn bóng (gương)
15 - (- -) Một (đôi)
Nghiêng (- -) nước nghiêng (thành)
16 - Sắc (tài) vẹn cả (hai)
Gác tía (- -) ẩn giá (gương)
17 - Cầm (họa) phú thi trau (giồi)
Bức cao (tường) rào bầy chim (xanh)
18 - Vườn (Thúy) hoa đào thắm (tươi)
Mặc tường (đông) bướm ong đi (về)
19 - (- -) Trời (xanh)
Lắm (- -) phần trớ (trêu)
20 - Tuổi (xanh) ghét ghen cho đến (điều)
Đá (- -) nát vàng (phai)

<u>Lớp II</u> : 21 - (- -) Sắc (nầy)
(Lớp Hò) Rõ ràng (- -) trong ngọc trắng (ngà)
22 - Làm (chi) phải nơi phong (trần)
Để (- -) lụy với (thân)
23 - (- -) Đọa (đày)
Trong vòng (- -) nắng dãi mưa (dầu)
24 - Hiếu (tình) hoằng mảnh (thân)
Đâu dám (- -) tiếc với (xuân)
25 - Đem tấc (cỏ) trả ơn sanh (thành)
Chứng tất (lòng) cùng vừng nguyệt (soi)
26 - Hạnh (phúc) nào đâu dám (mong)
Chút duyên (xưa) kiếp sau xin (đền)
27 - (- -) Nào (khi)
Buổi Kiều (- -) còn ấu (xuân)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	28 -	Xang	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XỀ)
		Xế Xáng	(- -)	Cộng Ú	(LIU)
	29 -	Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
		Cộng Liu	(Ú)	Liu Cộng Liu	(Ú)
	30 -	Tồn	(XÊ)	Xang Xự Xê	(XANG)
		Xế Xáng	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	31 -	Cộng	(- -)	Ủ Liu	(XỀ)
		Cộng Ú	(- -)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
	32 -	Tồn	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
		Cống Hò	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	33 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
		Cống Líu	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XỰ)
	34 -	Tồn Xang	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XỰ)
		Xế Xáng	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	35 -	Cộng Cộng	(- -)	Ú Liu	(XỀ)
		Cộng Ú	(- -)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
	36 -	Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
		Hò Là	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
<u>Lớp III</u> :	37 -		(- -)	Liu Phạn	(XỀ)
(Lớp Xề)		Xề Xề	(- -)	Cộng Lủu Liu	(XỀ)
	38 -	Xề Cộng	(- -)	Cộng Xề	(- -)
		Xề	(CỘNG)	Lủu Liu Liu	(XỀ)
	39 -		(- -)	Liu Phan	(XỀ)
		Xề Xề	(- -)	Cộng Liu Liu	(XỀ)
	40 -	Xề Cộng	(- -)	Liu Xề	(- -)
		Xế Xáng	(U)	Liu Phạn Xáng	(LIU)
	41 -	Tồn	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
		Xề Tồn	(- -)	Cộng Liu	(Ú)
	42 -	Tồn	(XÊ)	Xang Xự Xê	(XANG)
		Xế Xáng	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	43 -	Tồn	(U)	Ủ U Liu	(XỀ)
		Cộng	(U)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
	44 -	Xê Xang	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
		Cống Hò	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	45 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
		Cống Líu	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	46 -	Tồn Xang	(- -)	Cống Xê Xang	(XỰ)
		Xế Xáng	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	47 -	Tồn	(U)	Ủ U Liu	(XỀ)
		Cộng Ú	(- -)	Liu Cộng Xáng	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

28 - Phong (hoa) tiên đoán một (đời)
Phải số (- -) phận trầm (luân)
29 - Đành (cam) lấy thân đoạn (trường)
Chán chường (- -) tàn mảnh (hoa)
30 - Do (nơi) thầy du (phang)
Tướng sĩ đoán (xem) trong số (mạng)
31 - (- -) Thôi (đành)
Bạc (- -) phận từ (sau)
32 - Ngàn (vàng) thân chi (kể)
Tang thương (- -) cam vùi (dập)
33 - (- -) Còn (chi)
Tấm (thân) ngọc tốt vàng (ròng)
34 - Những (ước) tài tử giai (nhân)
Gió đưa (duyên) trăm năm được (vẹn)
35 - (Nương) bóng (tùng)
Dây (- -) các chở (che)
36 - Thương (ôi) chưa vui sum (hiệp)
Chia đôi (đường) nặng gánh tương (tư)

<u>Lớp III</u> : 37 - (- -) Phận (đành)
(Lớp Xề) Mưa (- -) Sở mây (Tần)
38 - Biết bao (- -) nhiêu lần (- -)
Còn (chi) trong giá trắng (ngần)
39 - (- -) (Nào)
Khi (- -) phong gấm rũ (là)
40 - Nầy lúc (bóng) chiều tà (- -)
Lá gió (- -) lại qua (đưa)
41 - Thanh (lâu) trải qua mấy (lượt)
Thanh y (- -) chịu đôi (phen)
42 - Vắng (tin) người Liêu (Dương)
Há biết (đâu) duyên em trót (đặng)
43 - (- -) Nối (lời)
Thề nguyền (- -) trả nghĩa cho (ai)
44 - Năm (canh) ngổn ngang trăm (mối)
Giọt tuôn (- -) rơi đòi (đoạn)
45 - (- -) Mười lăm (năm)
Biết (- -) bao nhiêu (tình)
46 - Nào (lúc) Phật Các náu (nương)
Những trông (mong) mượn hơi kinh (kệ)
47 - (- -) Bụi (hồng)
Giũ sạch (- -) nợ trần (ai)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	48 -	Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
		Là Hò	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
<u>Lớp IV</u> :	49 -		(- -)	Là	(XỰ)
(Lớp Chót)		Xê Xang	(XỰ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
	50 -	Cống Xê Xang	(XỰ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
		Là Hò	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	51 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
		Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	52 -	Tồn	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XỰ)
		Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
	53 -	Hò Là	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
		Cống Xê Xang	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	54 -	Hò Là	(XỰ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
		Hò Là	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	55 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
		Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	56 -	Tồn	(CỐNG)	Xê Xang Cống	(XÊ)
		Cống Hò	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	57 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
		Xang Xê	(- -)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	58 -	Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
		Hò Là	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	59 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
		Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	60 -	Cống Hò	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
		Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xáng	(Ú)
	61 -	Hò Là	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
		Cống Xê Xang	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	62 -	Hò Là	(XỰ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
		Hò Là	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	63 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
		Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	64 -	Tồn	(CỐNG)	Xê Xang Cống	(XÊ)
		Xế Xáng	(Ú)	Liu Cộng Xáng	(LIU)

NGŨ ĐỐI THƯỢNG

(61 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

<u>Lớp I</u> :	1 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
		Liu Xề	(- -)	Cộng Tồn	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

48 - Hoài (công) muối dưa khổ (hạnh)
Số hoa (đào) mở buộc theo (tay)

Lớp IV : 49 - (- -) Tiền (Đường)
(Lớp Chót) Liều thân (- -) trả rồi nợ (thế)
50 - Lời (xưa) Đạm Tiên đã (dặn)
Nơi hẹn (hò) căn quả đều (xong)
51 - (- -) Há (tiếc)
Chút (- -) mảnh hương (thừa)
52 - Nào (hay) nợ tình chưa (dứt)
Nguyệt vừa (- -) tròn gương (xưa)
53 - Giòng (nước) rửa thân (nhơ)
Nối tơ (duyên) Kim Lang nặng (lời)
54 - Xuân huyên (- -) vầy một (cửa)
Hai em (cùng) gặp bước hiển (vinh)
55 - (- -) Trướng (liễu)
Trổi (- -) tiếng tơ (đồng)
56 - Hoa (cũ) phỉ vầy bướm (xưa)
Trống tàn (canh) mười phân chung (tình)
57 - (- -) Cho (hay)
Có (thân) nơi cõi dinh (hoàn)
58 - Gian truân (- -) dầu gặp (lúc)
Thanh cao (tròn) mới được thanh (cao)
59 - (- -) Luân (chuyển)
Thế (- -) cuộc tang (thương)
60 - Muôn (- -) sự đời rủi (may)
Nhơn (định) nào thắng (thiên)
61 - Sắc (tài) ấy mà (chi)
Chữ mạng (kia) khắt khe lắm (phần)
62 - Tai mưa (- -) cùng họa (gió)
Lụy tài (tình) thiên cổ xiết (bao)
63 - (- -) Cho (hay)
Trần kiếp (- -) nặng nghiệp má (đào)
64 - Hương (sắc) gồm vào mảnh (thân)
Để treo (gương) lưu cùng thế (gian)

NGŨ ĐỐI THƯỢNG
Kiều du Thanh Minh

Soạn lời : Cao Hoài Sang 1940

Lớp I : 1 - Cùng (nhau) du Thanh Minh (hội)
Vương Quan (- -) cùng chị (em)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	2 -	Xế Xáng	(- -)	Cộng Liu	(Ú)
		Ú Liu	(- -)	Cộng Liu	(Ú)
	3 -		(- -)	Tồn	(XANG)
		Xang Xê	(- -)	Xê Xang Tồn	(HÒ)
	4 -	Tồn	(XÁNG)	Xế Xáng Xáng	(Ú)
		Xế Xáng	(Ú)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
	5 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(Ú)
		Ủ Ú	(Ú)	Tồn Ú	(- -)
	6 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
		Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
	7 -		(- -)	Là	(XỰ)
		Xang	(- -)	Cống Líu	(XÊ)
	8 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
		Xang Xê	(- -)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	9 -	Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
		Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	10 -	Tồn	(CỐNG)	Xê Xang Cống	(XÊ)
		Cống Hò	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	11 -		(- -)	Tồn	(XANG)
		Xang Xê	(- -)	Xê Xang Tồn	(HÒ)
	12 -	Tồn	(XÁNG)	Xế Xáng Xáng	(Ú)
		Xế Xáng	(Ú)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
	13 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
		Ú Liu	(CỘNG)	Líu Xự Xang	(CỐNG)
	14 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(XỀ)
		Xê Xang	(XỰ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
	15 -		(- -)	Tồn	(LIU)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(XỀ)
	16 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
		Xế Xáng	(Ú)	Liu Phạn Xáng	(LIU)
Lớp II :	17 -	Ú Liu	(CỘNG)	Lủu Liu	(XỀ)
		Cộng	(- -)	Xề Cộng Tồn	(LIU)
	18 -	Tồn	(CỐNG)	Xê Xang Cống	(XÊ)
		Cống Hò	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	19 -		(- -)	Tồn	(XANG)
		Xang Xê	(- -)	Xê Xang Tồn	(HÒ)
	20 -	Tồn	(XÁNG)	Xế Xáng Xáng	(Ú)
		Xế Xáng	(Ú)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
	21 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
		Xê Xang	(XỪ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

2 - Nhìn (tiết) rỡ vẻ xuân (quang)
Một bầu (- -) trời cảnh (xinh)
3 - (- -) Vàng (rơi)
Hương (- -) đốt dặm (đường)
4 - Tài (tử) lẫn khách giai (nhân)
Ngựa xe (chật) một đoàn đạp (thanh)
5 - Chào (khách) hớn hở cỏ (hoa)
Dặm (- -) đường xa (- -)
6 - Lơ (thơ) tơ liễu buông (mành)
Líu lo (-) kìa hơi (oanh)
7 - (- -) Bụi (hồng)
Ong bướm (-) lả lướt vẩn (vơ)
8 - (- -) Ngàn (hoa)
Khoe duyên (- -) đua nở khắp (nơi)
9 - Sắc (liễu) lẫn xanh da (trời)
Khách du (nhàn) mặc tình ngắm (xem)
10 - Nhạc (suối) bên đàng uốn (quanh)
Tiếng đờn (ve) lẫn chen như (hòa)
11 - (- -) Kiều, (Vân)
Ngắm xem (- -) biết bao phỉ (lòng)
12 - Dừng (bước) chẫm rãi thưởng (xuân)
Cảnh xinh (đẹp) người lại (thanh)
13 - Thiều (quang) xuân chín (chục)
Sáu mươi (-) ngày thấm (thoát)
14 - Ngày (xuân) nay đương (còn)
Tấc vàng (- -) tua yêu (chuộng)
15 - (- -) Đời (hoa)
Nghĩ thôi (- -) có mấy lăm (ngày)
16 - Vướng (nhiều) tang thương (- -)
Thấm thoát (- -) cảnh xuân (qua)

<u>Lớp II</u> : 17 - (Đương) nghĩ (nghị)
Ác vàng sao (đà) vội xế (chinh)
18 - Xào xạc (bước) người trở (chơn)
Bóng thiều (đưa) hơi âm nặng (nề)
19 - (- -) Kiều (nhi)
Ngẩn ngơ (- -) khó ở lỡ (về)
20 - Nhìn (khách) vó ký thẳng (xông)
Bước trở (lại) Kiều càng bâng (khuâng)
21 - Non (tà) vừng ác (lặn)
Ngày (xuân) sao quá (vắn)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	22 -	Tồn	(Ú)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
		Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xề	(- -)
	23 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
		Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	24 -	Tồn	(CỐNG)	Xê Xang Cống	(XÊ)
		Cống Hò	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
Lớp III :	25 -		(- -)	Là	(HÒ)
		Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
	26 -	Xang Xê	(- -)	Líu Xự	(- -)
		Xang Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	27 -	Tồn	(CỐNG)	Xê Xang Cống	(XÊ)
		Xang Xê	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	28 -	Ú Liu	(CỘNG)	Xề Cộng Liu	(Ú)
		Xế Xáng	(- -)	Phạn Xáng	(LIU)
	29 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
		Ú Liu	(CỘNG)	Líu Xự Xang	(CỐNG)
	30 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(XỀ)
		Xê Xang	(XỰ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
	31 -		(- -)	Tồn	(LIU)
		Liu Lỉu	(LIU)	Liu Cộng Liu	(XỀ)
	32 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
		Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xáng	(Ú)
Lớp IV :	33 -		(- -)	Tồn	(Ú)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(Ú)
	34 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
		Xế Xáng	(- -)	Phạn Xáng	(LIU)
	35 -		(- -)	Tồn	(CỘNG)
		Liu Liu	(CỘNG)	Cộng Liu	(Ú)
	36 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
	37 -		(- -)	Tồn	(CỘNG)
		Liu Liu	(CỘNG)	Cộng Liu	(Ú)
	38 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
		Xế Xáng	(- -)	Phạn Xáng	(LIU)
	39 -		(- -)	Tồn	(Ú)
		Xế Xáng	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
	40 -	Ú Liu	(XỀ)	Xàng Xề Cộng	(LIU)
		Liu Lỉu	(LIU)	Liu Cộng Liu	(XỀ)
	41 -		(- -)	Xê	(XANG)
		Xang Xê	(- -)	Xê Líu	(XỰ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

22 - Nhìn (xem) cỏ cây bảng (lảng)
(Pha) lẫn màu (- -)

23 - (- -) Trở (gót)
Tua kíp (- -) mau ra (về)

24 - Vừng (ác) đà lẫn (chen)
Vương (Quan) vội khuyên hai (chị)

Lớp III :

25 - (- -) Dặm đường (về)
Nhìn còn (- -) nhiều xa (xôi)

26 - Bóng (- -) dương tà (- -)
Ta chớ (- -) khá trễ (chơn)

27 - (Mới) dăng (tay)
Đề huề (- -) chị cùng (em)

28 - (Dựa) tiểu (khê)
Thấy có (- -) giòng nước (quanh)

29 - (Cảnh) phong (quang)
Xinh (- -) đẹp một (bầu)

30 - (Khỏi) nhịp (cầu)
Bên đường (- -) kìa nấm (mộ)

31 - (- -) Vàng (xanh)
Cỏ (tranh) đoanh bốn (bề)

32 - Hương khói (nhìn) vắng tanh (- -)
Kiều muốn (- -) tường mối (manh)

Lớp IV :

33 - (- -) Vương (Quan)
Ứng đáp (- -) dẫn tích (xưa)

34 - Mộ của (người) ca nhi (- -)
Danh tánh (- -) thiệt Đạm (Tiên)

35 - (- -) Xa (gần)
Sắc tài (- -) nàng nổi (danh)

36 - Thiếu gì (- -) yến anh (- -)
Hoa khôi (- -) dành có (một)

37 - (- -) Nửa (chừng)
Bỗng dứt (-) người tài (hoa)

38 - Một (đời) mỏng manh (-)
Thoạt gãy (- -) nhánh thiên (hương)

39 - (- -) Người (xa)
Khách du (- -) mến danh toan (gặp)

40 - (Chàng) vừa đến (nơi)
Mới hay (- -) trâm gãy bình (tan)

41 - (- -) Vô (duyên)
Phận ta (- -) thôi đã (đành)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	42 - Xê Xang	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
	Xể Xê	(XANG)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
	43 -	(- -)	Là	(XỰ)
	Xang Xê	(- -)	Xê Líu	(CỐNG)
	44 - Xê Xang	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
	Cống Xê Xang	(XỰ)	Xang Xê Hò	(XÊ)
	45 - Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	46 - Tồn	(CỐNG)	Xê Xang Cống	(XÊ)
	Cống Hò	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	47 -	(- -)	Tồn	(Ú)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(Ú)
	48 - Tồn Xáng	(- -)	Xáng Liu	(- -)
	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
Lớp V :	49 -	(- -)	Là	(HÒ)
	Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
	50 - Xang Xê	(- -)	Líu Xự	(- -)
	Xàng Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	51 - Tồn	(CỐNG)	Xê Xang Cống	(XÊ)
	Xang Xê	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	52 - Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xề	(Ú)
	Xế Xáng	(Ú)	Liu Phạn Xáng	(LIU)
	53 - Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
	Ú Liu	(CỘNG)	Líu Xự Xang	(CỐNG)
	54 - Tồn	(Ú)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
	Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xề	(- -)
	55 -	(- -)	Tồn	(CỐNG)
	Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	56 - Tồn	(CỐNG)	Xê Xang Cống	(XÊ)
	Cống Hò	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	57 -	(- -)	Là	(HÒ)
	Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
	58 - Tồn	(CỐNG)	Ú Líu	(XÊ)
	Cống Hò	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	59 - Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
	Xế Xáng	(Ú)	Liu Xề Cộng	(LIU)
	60 - Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xề Ú	(- -)
	Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xáng	(Ú)
	61 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
	Xế Xáng	(Ú)	Liu Cộng Xáng	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

42 - Đành (dành) duyên sau (- -)
Xe châu (- -) cùng nếp (tử)
43 - (- -) Liền (khi)
Mới sắm (- -) sanh lễ (vật)
44 - Đem an (táng) nơi đây (- -)
Ấy là (mộ) người hồng (nhan)
45 - Trải (đã) mấy thu (đông)
Nên điêu (tàn) cùng thê (lương)
46 - Hoa (cỏ) mặc dầu nắng (mưa)
Khách làng (chơi) mấy ai đoái (nhìn)
47 - (- -) Kiều (nghe)
Chua xót (- -) động mối thương (tâm)
48 - Giọt hồng (- -) khó ngăn (- -)
Nghĩ nỗi (niềm) thôi xốn (xang)

<u>Lớp V</u> : 49 - (- -) Má (hồng)
Bạc (phần) là xưa (nay)
50 - Sao nỡ (- -) phụ phàng (- -)
Chi bấy (- -) hỡi Hóa (Công)
51 - (Tay) rút (trâm)
Cổ thọ (- -) đề bốn (câu)
52 - (Ấy) gọi (chút)
Giữa (- -) đường gặp (nhau)
53 - (Đau) đớn (chung)
Cho (- -) phận đàn (bà)
54 - (Tạm) nén (hương)
Xin ai (chứng) chiếu lòng (- -)
55 - (- -) Gió (thoảng)
Bỗng chút (- -) đưa hương (trầm)
56 - (Đầy) dấu (chơn)
Nơi đất (- -) in thấy (rạn)
57 - (- -) Ngơ ngẩn (nhìn)
Nàng Kiều (- -) càng kinh (tâm)
58 - Vội (tiếp) nối bài (thi)
Cùng (- -) nhau tạ (lòng)
59 - Trở (gót) ngẩn dạ hồng (nhan)
Đương bâng (khuâng) gặp người thơ (sanh)
60 - Ấy vốn (- -) chàng Kim (- -)
Giải cấu (- -) vì đâu (gây)
61 - Tơ (hồng) se dây (- -)
Tài tử (- -) khách giai (nhân)

Digitized by www.namkyluctinh.org

NGŨ ĐỐI HẠ

(38 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

Lớp I :	1 -	(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Cộng Liu	(Ú)
	2 - Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
	Xế Xáng	(Ú)	Liu Xề Cộng	(LIU)
	3 - Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Ú	(- -)
	Xế Xáng	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
	4 - Hò	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	Cống Xê Xang	(XỰ)	Xang Hò Xang	(XỰ)
	5 - Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	Xang Xê	(- -)	Xang Xự Xê	(XANG)
	6 - Cống Líu	(XÊ)	Xang Xự Xê	(XANG)
	Xế Xáng	(U)	Liu Xề Cộng	(LIU)
	7 - Ú Liu	(CỘNG)	Liu Cộng	(- -)
	Liu Liu	(XỀ)	Xàng Xê Líu	(CỐNG)
	8 - Tồn	(U)	Ủ U Liu	(XỀ)
	Ú Liu	(- -)	Xề Cộng Tồn	(LIU)
	9 - Ú Liu	(CỘNG)	Xáng Liu	(- -)
	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
Lớp II :	10 - Hò	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	Xang Xê	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	11 - Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	Cống Hò	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	12 - Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
	Xế Xáng	(Ú)	Liu Xề Cộng	(LIU)
	13 - Ú Xáng	(LIU)	Ú Xàng	(- -)
	Hò Là	(XỰ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
	14 - Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	Cống Líu Xê	(- -)	Xang Xê Líu	(XỰ)
	15 - Xê Xang	(XỰ)	Xang Cống	(- -)
	Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(XỀ)
Lớp III :	16 - Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	Cống Hò	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	17 - Hò Là	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
	Xự Xang	(- -)	Xê Cống Líu	(XÊ)
	18 - Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Cống Liu	(- -)	Xê Xang	(XÊ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

NGŨ ĐỐI HẠ
Kim, Kiều hoa viên ngộ

Soạn lời : Cao Hoài Sang 1940

Lớp I :

1 - (- -) Nghĩ chạnh (thương)
Nỗi niềm (- -) chàng Kim (Sanh)

2 - Từ (lúc) gặp gỡ Thúy (Kiều)
Khi chia (tay) tấc lòng bâng (khuâng)

3 - Nhớ đến (- -) nghi dung (- -)
Xao xuyến (- -) mối sầu khó (khuây)

4 - Tuần trăng (khuyết) dĩa dầu (hao)
Tưởng mơ mặt (ngọc) lòng càng xốn (xang)

5 - Một (mình) ngồi đêm (thanh)
Thơ song (- -) nhìn vắng (tanh)

6 - Mùi (hương) gây nhớ suốt (canh)
Bóng giai (nhân) đâu tường mối (manh)

7 - Nào biết (duyên) hay nợ (- -)
Lướt dặm (tìm) nơi kỳ (ngộ)

8 - Nhìn (quanh) cỏ xanh một (vùng)
Kìa dựa (- -) suối nước (ngâm)

9 - Một màu (- -) cỏ cây (- -)
Nào đâu (- -) cành huê (dung)

Lớp II :

10 - Còn hiu (hắt) phơ phất bông (lau)
Cảnh cũ (- -) thấy nơi (đây)

11 - Dấu người (- -) đà bặt (- -)
Gió chiều (- -) khêu mạch (sầu)

12 - Chạnh (lòng) nỗi thảm khó (dằn)
Quyết đưa (chơn) dò lần tìm (xuân)

13 - Lam (Kiều) trẫy sang (- -)
Lầu trang (- -) kìa thấy (bóng)

14 - Thâm (nghiêm) nhìn tạn (mặt)
Trước sau (- -) kín cổng cao (tường)

15 - Giai nhân (- -) nào thấy (- -)
Vàng xanh (- -) hoa đầy (thềm)

Lớp III :

16 - Nhành (mai) oanh thưa (nhặt)
Cảnh xuân (- -) khéo trêu chi (người)

17 - Bận lòng (- -) dời chơn (- -)
Lần bước (- -) dọ đường (quanh)

18 - Nhìn (thấy) nẻo sau có (nhà)
Han hỏi (- -) mới lân (la)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	19 - Xê Xang	(XỰ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
	Hò Là	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	20 - Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Xế Xáng	(U)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
	21 - Ú Liu	(CỘNG)	Xáng Liu	(- -)
	Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xáng	(U)
Lớp IV :	22 - Hò	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	Cống Xê Xang	(XỰ)	Xang Hò Xang	(XỰ)
	23 - Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	Xang Xê	(- -)	Xang Xự Xê	(XANG)
	24 - Cống Líu	(XÊ)	Xang Xự Xê	(XANG)
	Xế Xáng	(U)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
	25 - Ú Ú	(LIU)	Ú Xàng	(- -)
	Xê Xang	(- -)	Xự Xê	(XANG)
	26 - Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	Hò Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
	27 - Xê Xang	(XỰ)	Xang Cống	(- -)
	Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(XỀ)
Lớp V :	28 - Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	Cống Hò	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	29 - Xê Xang	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
	Hò Là	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	30 - Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Xế Xáng	(U)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
	31 - Ú Liu	(CỘNG)	Xáng Liu	(- -)
	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
	32 - Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
	Xế Xáng	(U)	Liu Xề Cộng	(LIU)
	33 - Ú Liu	(CỘNG)	Liu Cộng	(- -)
	Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(XỀ)
	34 - Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Cống Líu	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	35 - Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
	Cống Líu	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	36 - Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
	Xế Xáng	(U)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
	37 - Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Ú	(- -)
	Ú Liu	(CỘNG)	Liu Tồn Xáng	(U)
	38 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
	Xế Xáng	(U)	Liu Cộng Xáng	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

19 - Lòng (- -) mừng chi (xiết)
Nhà (- -) Ngô Việt thương (gia)
20 - Bước (khách) chủ nhơn giang (hồ)
Mới để (- -) lời hỏi (thuê)
21 - Đặng (- -) náu nương (- -)
Vội vàng (- -) về thơ (trang)

Lớp IV :

22 - Đờn (sách) kíp dời (sang)
Những mong gặp (mặt) tấc lòng nào (an)
23 - Trùng (phùng) nhờ hội (nay)
Hoa viên (- -) nhìn cúc (mai)
24 - Lãm Thúy (Hiên) nét vàng chưa (phai)
Gẫm đôi (bên) duyên trời khiến (xui)
25 - Hằng (ngày) chờ trông (- -)
Cách bức (- -) tường bỗng (đâu)
26 - Tiếng oanh (- -) đưa bên (triện)
Sanh (- -) buông cầm vội (ra)
27 - (Đâu) đã bặt bóng (hồng)
Mà hơi (hương) quanh đây (còn)

Lớp V :

28 - Kim (Sanh) đương nghĩ (nghị)
Chợt đâu (- -) trên nhành (đào)
29 - Một chiếc (- -) kim thoa (- -)
Người ấy (- -) với của nầy (đây)
30 - Nếu (chẳng) phải nợ ba (sanh)
Dễ khiến (- -) đâu về đến (ta)
31 - Thiệt (rất) khó nghĩ (- -)
Vội vàng (- -) trở bước về thơ (trang)
32 - Còn nghĩ (đến) khách mất trâm (vàng)
Khi tan (sương) thấy người vẩn (vơ)
33 - Dường như (- -) kiếm tìm (- -)
Dịp may (- -) đâu sẵn (dành)
34 - Nhìn (thấy) rõ khách giai (nhân)
Hôm nay (- -) cho tạn (mặt)
35 - Kiều (còn) ngờ là (ai)
Để lời (- -) Sanh gạn (lòng)
36 - Về (lấy) khăn xuyến kim (hoàn)
Giao cho (ai) để làm của (tin)
37 - Mấy tiếng (- -) đinh ninh (- -)
Thề cùng (- -) nhau tử (sinh)
38 - Một niềm (- -) tiết trinh (- -)
Vàng đá (- -) giữ đến (xương)

Digitized by www.namkyluctinh.org

LONG ĐĂNG

(40 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

Lớp I :	1 -	Tồn	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
		Líu Xê	(- -)	Xang Hò Xang	(XỰ)
	2 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
		Hò Là	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	3 -	Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
		Xế Xáng	(- -)	Cộng Liu	(U)
	4 -	Ú Liu	(PHẠN)	Liu Ú	(- -)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Xáng	(LIU)
	5 -	Tồn	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
		Líu Xê	(- -)	Xang Hò Xang	(XỰ)
	6 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
		Hò Là	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	7 -	Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
		Cống Líu	(- -)	Xê Xang	(XÊ)
	8 -		(- -)	Xê	(XANG)
		Xê	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	9 -	Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
		Xế Xáng	(U)	Liu Xề Phạn	(LIU)
	10 -	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Ú	(- -)
		Xế Xáng	(- -)	Liu Xáng	(U)
	11 -	Tồn	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XỰ)
		Hò Là	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	12 -		(- -)	Xê	(XANG)
		Xê	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	13 -	Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
		Xế Xáng	(U)	Liu Xề Phạn	(LIU)
	14 -	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Ú	(- -)
		Xế Xáng	(- -)	Liu Xáng	(U)
	15 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
		Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
	16 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
		Xế Xáng	(U)	Xáng Xề Phạn	(LIU)
Lớp II :	17 -	Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
		Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xề	(- -)
	18 -	Cộng Liu	(XỀ)	Cộng Liu	(- -)
		Ú Liu	(PHẠN)	Liu Xáng	(Ú)

Digitized by www.namkyluctinh.org

LONG ĐĂNG
Kiều vãng Trọng hiên

Soạn lời : Cao Hoài Sang 1940

Lớp I :

1 - Kiều (Nhi) đâu nay gặp (dịp)
Ngoại Ông (- -) sanh nhựt đến (ngày)
2 - Song thân (cùng) hai em (- -)
Dời gót (- -) khỏi gia (trang)
3 - Kiều (mới) để bước vội (vàng)
Một mình (- -) đến hoa (viên)
4 - Cách (dưới) cụm hoa (- -)
Đã thấy (- -) sẵn chàng (Kim)
5 - Vì (đâu) trách ai sao (phụ)
Lửa hương (- -) bấy lâu lạnh (lùng)
6 - Tháng (đợi) ngày trông (- -)
Lần lữa (- -) mãi đến (nay)
7 - Âu (hẳn) may mắn hội (nầy)
Xin cạn (- -) chút niềm (tây)
8 - (- -) Kiều (phân)
Kể từ (- -) lúc chia (tay)
9 - Vì (chưng) gió bắt mưa (cầm)
Thôi đã (cam) phụ lòng tình (chung)
10 - Được (buổi) hôm nay (- -)
Tạ lòng (- -) chàng đến (đây)
11 - Mừng (thôi) mấy khi đặng (gặp)
Sanh mời (Kiều) vào đến thơ (trang)
12 - (- -) Đâu (may)
Lở dở (- -) tiệc chưa (tan)
13 - Kiều (nhi) đặng hay tin (nhà)
Song thân (- -) cùng hai (em)
14 - Vắng (mặt) thâu đêm (- -)
Lòng mừng (- -) nàng mới (an)
15 - Với (chàng) Kim Sanh (- -)
Hội (ngộ) cùng đêm (thanh)
16 - Gương (- -) nga (- -)
Chếch bóng (- -) hé dòm (song)

Lớp II :

17 - Kề (vai) đinh ninh hai (mặt)
Phỉ bấy (lâu) công đợi (chờ)
18 - Hẹn (thề) non sông (- -)
Tóc mây (- -) nàng chia (đôi)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	19 - Tồn	(XÊ)	Xang Xự Xế	(XANG)
	Xế Xáng	(- -)	Cộng Ú	(LIU)
	20 - Ú Liu	(CỘNG)	Liu Cộng	(- -)
	Liu Liu	(- -)	Xàng Xê Liu	(CỐNG)
	21 -	(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xang	(- -)	Ú Liu	(XỀ)
	22 - Xê Xang	(XỰ)	Xang Cống	(- -)
	Cống Xê Xang	(XỪ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
	23 - Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	Ú Liu	(CỘNG)	Líu Xê	(- -)
	24 - Tồn	(CỐNG)	Xê Xang	(- -)
	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	25 - Xang Xê	(CỐNG)	Xê Xang	(- -)
	Ú Liu	(- -)	Xề Phạn	(LIU)
	26 - Ú Ú	(LIU)	Ú Xàng	(- -)
	Xự Xang	(XÊ)	Xang Cống Xê	(XANG)
	27 - Cống Líu	(XÊ)	Xang Xừ Xê	(XANG)
	Xế Xáng	(- -)	Cộng Liu	(Ú)
	28 - Ú Liu	(PHẠN)	Liu Ú	(- -)
	Xế Xáng	(U)	Liu Phạn Xáng	(LIU)
<u>Lớp III</u> :	29 - Tồn	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	Líu Xê	(- -)	Xang Hò Xang	(XỰ)
	30 - Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
	Xừ Xang	(- -)	Cống Líu	(XÊ)
	31 - Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Cống Líu	(- -)	Xê Xang	(XÊ)
	32 -	(- -)	Xê	(XANG)
	Xê	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	33 - Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
	Xế Xáng	(U)	Liu Xề Phạn	(LIU)
	34 - Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Ú	(- -)
	Xế Xáng	(- -)	Liu Xáng	(U)
	35 - Tồn	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XỰ)
	Xê Xang	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	36 -	(- -)	Xê	(XANG)
	Xê	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	37 - Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
	Xế Xáng	(U)	Liu Xề Phạn	(LIU)
	38 - Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Ú	(- -)
	Xế Xáng	(- -)	Liu Xáng	(U)

Digitized by www.namkyluctinh.org

19 - Đá (vàng) nguyền đến (xương)
Cảnh Thiên (thai) lòng những (mong)
20 - Chày sương (nện) Lam Kiều (- -)
Một lời (- -) vàng phân (cạn)
21 - (- -) Rằng (nghe)
Nên biết (- -) nổi danh cầm (đài)
22 - Bấy lâu (lòng) ao ước (- -)
Được lắng (- -) tai Chung (Tử)
23 - Kiều (nhi) đành vâng (dạy)
So (bực) võ văn (-)
24 - Trổi mấy (khúc) nhỏ to (-)
Dường (như) oán như (sầu)
25 - Khi dựa gối (lúc) mày châu (- -)
Kim Sanh (- -) cùng ngẩn (ngơ)
26 - Thể như (tơ) rối vò (- -)
Trống trên (lầu) đà trở (canh)
27 - Ngắm dung (nhan) khó cầm đêm (thanh)
Càng nhìn (- -) càng xinh (tươi)
28 - Nghiêm (nghị) Kiều nhi (- -)
Thỏ thẻ (- -) sau trước thưa (qua)

<u>Lớp III</u> :

29 - Đào (thơ) quản chi thân (phận)
Chim xanh (- -) đâu ngăn vườn (hồng)
30 - Một (lời) đã trao (- -)
Tùng phu (- -) lấy chữ (trinh)
31 - Tiết (giá) chẳng hổ với (chàng)
Đắp bồi (- -) cũng có (khi)
32 - (- -) Tan (canh)
Giục giã (- -) khó nổi phân (tay)
33 - Tin (sương) bỗng đâu đưa (về)
Gõ cửa thơ (phòng) gia đồng đã (sang)
34 - Thúc (phụ) Liêu Dương (- -)
Giữa đường (- -) đà mạng (chung)
35 - Thung (huyên) mới cho lịnh (dạy)
Chàng kíp (về) đặng hộ (tang)
36 - (- -) Mảng (tin)
Chi xiết (- -) nỗi kinh (mang)
37 - Đài (trang) tỏ phân với (nàng)
Nỗi tóc (tơ) đã đành xa (xuôi)
38 - Mối (thảm) chi nguôi (- -)
Nặng lời (- -) vàng với (ai)

Digitized by www.namkyluctinh.org

39 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
40 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
	Xế Xáng	(U)	Liu Cộng Xáng	(LIU)

LONG NGÂM

(33 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

Lớp I :	1 -		(- -)	Líu (XỰ)
		Xang	(-)	Xê Líu (CỐNG)
	2 -	Tồn	(Ú)	Ủ U Liu (CỘNG)
		Líu Xê	(-)	Xang Hò Xang (XỰ)
	3 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê (-)
		Xừ Xang	(-)	Cống Líu (XÊ)
	4 -	Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê (XANG)
		Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu (XỰ)
	5 -		(- -)	Líu (XỰ)
		Xang	(-)	Xê Líu (CỐNG)
	6 -	Tồn	(Ú)	Ủ U Liu (CỘNG)
		Líu Xê	(-)	Xang Hò Xang (XỰ)
	7 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê (-)
		Xừ Xang	(-)	Cống Líu (XÊ)
	8 -	Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê (XANG)
		Cống Líu	(-)	Xê Xang (XÊ)
Lớp II :	9 -		(- -)	Xê (XANG)
		Xang	(-)	Cống Xê (XANG)
	10 -	Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang (HÒ)
		Ú Liu	(-)	Xề Phạn (LIU)
	11 -	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Ú (-)
		Ú Liu	(PHẠN)	Liu Xáng (U)
	12 -	Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang (XỰ)
		Xê Xang	(XỪ)	Xang Cống Líu (XÊ)
	13 -		(- -)	Xê (XANG)
		Xang Xê	(-)	Xể Xê Xang (XỪ)
	14 -	Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang (HÒ)
		Xế Xáng	(Ú)	Ủ U Liu (CỘNG)
	15 -	Liu Liu	(-)	Xề Cộng (LIU)
		Ú Liu	(CỘNG)	Liu Ú Xáng (LIU)
	16 -	Xự Xang	(HÒ)	Xự Xang (-)
		Cống Líu	(-)	Xê Xang (XỪ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

39 - Ngàn (trùng) đâu phai (- -)
Vì hiếu (- -) phải chia (tay)
40 - (Ngổn) ngang (- -)
Tình (- -) cảnh thêm (đau)

LONG NGÂM
Tống Trọng qui tang

Soạn lời : Cao-Hoài-Sang 1940

<u>Lớp I</u> :

1 - (- -) Thân (nầy)
Đành cam (-) dầm mưa dãi (nắng)
2 - Liêu (Dương) cách xa muôn (dặm)
Nước non (-) bao nhiêu tháng (ngày)
3 - Tua gìn vàng giữ (ngọc) cho hay (-)
Cho đành lòng (-) kẻ chơn (mây)
4 - Chi (khiến) hương lửa chóng (phai)
Tang tóc (-) chia mảnh trăng (thề)
5 - (- -) Thúy (Kiều)
Nghe qua (-) tấc lòng chua (xót)
6 - Duyên (kia) chưa vui sum (họp)
Ông tơ (-) lơi mối chỉ (hồng)
7 - Một (lời) vàng trao (-)
Mặc dầu (-) tình cảnh thế (nao)
8 - Bao (quản) mái tóc điểm (sương)
Dám đâu (-) sai tấm lòng (son)

<u>Lớp II</u> :

9 - (- -) Lên (yên)
Quảy gánh (-) lướt mấy dặm (xa)
10 - Trông (theo) muôn dâu lẫn (màu)
Chạnh tủi (-) má hồng phôi (pha)
11 - Xót thương (người) quan san (-)
Lướt dậm (hồng) bụi cuốn chinh (an)
12 - Quạnh (hiu) kẻ đi muôn (dậm)
Người quay (về) chích bónh năm (canh)
13 - (- -) Lui (chơn)
Trở bước (-) chốn khuê (phòng)
14 - Về (đến) gặp đủ song (thân)
Với hai (em) vừa mãn (tiệc)
15 - Chưa cạn (lời) tỏ nỗi hàn (huyên)
Đà trông (thấy) đám sai (nha)
16 - Bốn (bề) phủ vây (-)
Họa đến (-) bất thình (lình)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	17 -	Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
		Xế Xáng	(Ú)	Liu Xề Cộng	(LIU)
	18 -	Ú Ú	(LIU)	Ú Xàng	(- -)
		Xừ Xang	(XÊ)	Xang Cống Xê	(XANG)
	19 -	Xê Xang	(XỪ)	Líu Cống	(- -)
		Cống Xê Xang	(XỰ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
Lớp III :	20 -		(- -)	Tồn	(Ú)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
	21 -	Liu Liu	(- -)	Xề Cộng	(LIU)
		Liu Xáng	(Ú)	Liu Ú Xáng	(LIU)
	22 -	Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
		Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xề	(- -)
	23 -	Cộng Liu	(XỀ)	Cộng Liu	(- -)
		Ú Liu	(PHẠN)	Liu Tồn Xáng	(U)
	24 -	Tồn	(XÊ)	Xang Xự Xê	(XANG)
		Xế Xáng	(U)	Xáng U	(- -)
	25 -	Xế Xáng	(U)	Tồn Liu	(- -)
		Liu Liu	(U)	Xáng Tồn	(LIU)
	26 -		(- -)	Tồn	(LIU)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(U)
	27 -		(- -)	Tồn	(XANG)
		Xê	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
	28 -	Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
		Xế Xáng	(U)	Xáng Xề Cộng	(LIU)
	29 -	Ú Liu	(CỘNG)	Liu Cộng	(- -)
		Cống Xê	(XANG)	Xừ Xang Xê	(CỐNG)
	30 -		(- -)	Tồn	(LIU)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(XỀ)
	31 -	Xê Xang	(XỪ)	Xang Cống	(- -)
		Cống Xê	(XANG)	Xừ Xang Xê	(CỐNG)
	32 -	Tồn	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
		Cống Xê	(XANG)	Cống Xê	(- -)
	33 -	Xê Xang	(CỐNG)	Xê Xang	(- -)
		Xừ Xang	(XÊ)	Xang Cống Xê	(XANG)

VẠN GIÁ

(47 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

Lớp I :	1 -		(- -)	Tồn	(LIU)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(XỀ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

17 - Một (nhà) ngơ ngác kinh (hồn)
Căn do (- -) bởi đứa bán (tơ)
18 - Gây lắm (- -) bất bình (- -)
Lụy Vương (Ông) cùng với Vương (Quan)
19 - Một dây (- -) buộc trói (- -)
Đầy túi (tham) thẳng tay vơ (vét)

<u>Lớp III</u> : 20 - (- -) Cửa (công)
Bỗng dưng (- -) cha con chịu (tội)
21 - Họa (nầy) vì đâu (gây)
Thảm (khốc) độc ác lắm (thay)
22 - Tra (tấn) dây oan rút (ngược)
Xét bấy (phận) cha già (- -)
23 - Nên (Kiều) liều thân (- -)
Phải nhờ (cậy) kẻ từ (tâm)
24 - Quyết (bán) thân mình báo (ân)
Đúng ba trăm (lượng) cân phân (- -)
25 - Việc ắt (- -) mới xuôi (- -)
Kiều (luống) điêu đứng chi (nguôi)
26 - (- -) Đã (đành)
Ngộ biến (- -) phải tùng (quyền)
27 - (- -) Hai (vai)
Nặng trĩu (- -) gánh hiếu (tình)
28 - Cạn (suy) hiếu trọng tình (khinh)
Phải xao (lảng) thệ hải sơn (minh)
29 - Trước phải (liệu) báo đền (- -)
Bán mình (nầy) hòng chuộc (tội)
30 - (- -) Người (xa)
Khách (du) nghe mối tiến (hành)
31 - Mới tìm (vào) coi mắt (- -)
Thử (tài) xong cân (sắc)
32 - Lâm (Thanh) nơi quê (ngụ)
Mã cáo (già) Giám Sanh (- -)
33 - Dứt (giá) đành rành (- -)
Nào (đâu) rõ ngọn (ngành)

VẠN GIÁ
Biệt mải thanh lâu

Soạn lời : Cao Hoài Sang 1940

<u>Lớp I</u> : 1 - (- -) Hạt (mưa)
Sá chi (- -) thân phận (hèn)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	2 -	Xề Cộng	(- -)	Liu Xề	(- -)
		Xê Xang	(XỰ)	Xang Hò	(- -)
	3 -	Xự Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
		Xự Xang	(XÊ)	Xang Cống Xê	(XANG)
	4 -	Xang Xể	(- -)	Xế Xang	(- -)
		Xê Xang	(XỰ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
	5 -		(- -)	Tồn	(LIU)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(XỀ)
	6 -	Xề Cộng	(- -)	Liu Xề	(- -)
		Xê Xang	(XỰ)	Xang Hò	(- -)
	7 -	Xự Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
		Xự Xang	(XÊ)	Xang Cống Xê	(XANG)
	8 -	Xang Xê	(- -)	Líu Cống	(- -)
		Xừ Xang	(XÊ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
Lớp II :	9 -		(- -)	Tồn	(Ú)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
	10 -	Ú Liu	(XỀ)	Tồn Xề Cộng	(LIU)
		Liu Xáng	(Ú)	Liu Ú Xáng	(LIU)
	11 -	Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
		Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xề	(- -)
	12 -	Cộng Liu	(XỀ)	Cộng Liu	(- -)
		Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
	13 -	Tồn	(XÊ)	Xang Xự Xê	(XANG)
		Xế Xáng	(U)	Xáng U	(- -)
	14 -	Xế Xáng	(- -)	Tồn Liu	(- -)
		Xế Xáng	(Ú)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
Lớp III :	15 -		(- -)	Tồn	(LIU)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(XỀ)
	16 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
		Xê	(- -)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	17 -	Xê Xang	(CỐNG)	Líu Xê	(- -)
		Xang Xê	(- -)	Xang Cống Xê	(XANG)
	18 -	Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
		Xế Xáng	(U)	Liu xề Cộng	(LIU)
	19 -	Ú Liu	(CỘNG)	Liu Cộng	(- -)
		Ú Liu	(- -)	Xàng Xê Líu	(CỐNG)
	20 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
		Xê	(- -)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	21 -	Xê Xang	(CỐNG)	Líu Xê	(- -)
		Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

2 - Tấc cỏ (cũng) toan liều (- -)
Đành chuộc (tội) cha già (- -)
3 - Nợ (tình) cùng ai (- -)
Dành duyên (sau) sẽ đáp (đền)
4 - Há đâu (tiếc) chi mình (- -)
Mặc (dầu) trải thân mưa (gió)
5 - (- -) Tiền (trao)
Đủ số (- -) đã xong tụng (kỳ)
6 - Thu xếp đâu (đó) an bài (- -)
Kiều xót phận khôn (ngăn) mạch sầu (- -)
7 - Một mình (ngồi) tàn canh (- -)
Người xa (xuôi) có thấu (chăng)
8 - Nhờ (ai) nhắn nhủ (- -)
Cõi lòng (thôi) thêm tan (nát)

<u>Lớp II</u> :

9 - (- -) Cùng (em)
Thúy Vân (- -) xin nhờ (cậy)
10 - Chịu (lời) giùm ngồi (lên)
Chị lễ (bái) rồi sẽ (thưa)
11 - Kim (Lang) từ khi gặp (mặt)
Đã hẹn (ngọc) thề vàng (- -)
12 - Sự đâu (đành) biệt ly (- -)
Hiếu tình (- -) không tròn đôi (bên)
13 - Chắp (nối) tơ tình nơi (em)
Dầu chị xương (tan) thịt nát (- -)
14 - Thân (mình) đành cam (- -)
Kỷ vật này (đây) em giữ của (tin)
15 - (- -) Vì (đâu)
Nên rụng (- -) cải rơi (kim)
16 - (- -) Sanh (ly)
Giục giã (- -) đến phút chia (tay)
17 - Nhìn mấy (- -) dặm khơi (- -)
Như nung (- -) nấu gan (vàng)
18 - Từ (đây) mặt biển chơn (mây)
Trăm năm (- -) cũng từ (đây)
19 - Tấm thân (kể) đã liều (- -)
Quê người (- -) đành phận (bạc)
20 - (- -) Đêm (xuân)
Khó nỗi (- -) dễ nào cầm (xuân)
21 - Nồng giấc (- -) vu sơn (- -)
Dễ thoát (- -) tay bợm (già)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	22 -	Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
		Liu Xáng	(Ú)	Liu Xề Cộng	(LIU)
	23 -	Xế Xáng	(CỘNG)	Liu Ú	(- -)
		Ú Liu	(CỘNG)	Xề Cộng Liu	(Ú)
	24 -	Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
		Xê Xang	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
Lớp IV :	25 -		(- -)	Xê	(XANG)
		Xang Xê	(- -)	Xể Xê Xang	(XỰ)
	26 -	Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
		Xế Xáng	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	27 -	Liu Liu	(- -)	Xề Cộng	(LIU)
		Xế Xáng	(U)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
	28 -	Xự Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
		Cống Líu	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
	29 -	Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
		Xế Xáng	(U)	Liu xề Cộng	(LIU)
	30 -	Ú Xáng	(LIU)	Ú Xàng	(- -)
		Xừ Xang	(XÊ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
	31 -	Xang Xê	(- -)	Líu Cống	(- -)
		Xừ Xang	(XÊ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
	32 -		(- -)	Tồn	(U)
		Xế Xáng	(- -)	U Liu	(CỘNG)
	33 -	Liu Liu	(- -)	Xề Cộng Tồn	(LIU)
		Xế Xáng	(U)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
	34 -	Tồn	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
		Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xề	(- -)
	35 -	Cộng Liu	(XỀ)	Cộng Liu	(- -)
		Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xáng	(U)
	36 -	Tồn	(XÊ)	Xang Xự Xê	(XANG)
		Xế Xáng	(U)	Xáng U	(- -)
	37 -	Xế Xáng	(- -)	Tồn Liu	(- -)
		Liu Liu	(U)	Liu U Xáng	(LIU)
	38 -	Tồn U	(- -)	Xáng Liu	(- -)
		Xế Xáng	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
Lớp V :	39 -		(- -)	Tồn	(CỘNG)
		Liu Liu	(- -)	Cộng Liu	(U)
	40 -	Tồn	(U)	Xáng U	(- -)
		Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xề	(- -)
	41 -	Cộng Liu	(XỀ)	Cộng Liu	(- -)
		Cộng Liu	(Ú)	Xáng Tồn	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

22 - Tuồng (chi) giống hôi (tanh)
Ngàn vàng (- -) để ô (danh)
23 - Đời (người) đến thế (- -)
Kiếp sống (đục) nầy kể (chi)
24 - Cầm (dao) toan liều với (phận)
E liên (- -) lụy song (thân)

<u>Lớp IV</u> : 25 - (- -) Lâm (Truy)
Đường xa (- -) phải đến tháng (tròn)
26 - Để (bước) vào đến tư (gia)
Kiều xem (qua) ngơ ngẩn (dạ)
27 - Trung (đường) thờ nơi (trên)
Tượng mày (trắng) ấy tiên (sư)
28 - Mịt (mờ) khói hương (- -)
Ngả ngớn (- -) mấy ả mày (ngài)
29 - Cùng (đám) khách làng (chơi)
Xem ra (- -) nhiều lả (lơi)
30 - Những (khi) đứng ngồi (- -)
Kìa giường (trên) đã có Tú (Bà)
31 - Dương oai (- -) quát tháo (- -)
Kiều ngẩn (ngơ) biết gì lễ (bái)
32 - (- -) Điều (đâu)
Phải đổi (- -) ngôi thay (bậc)
33 - Xin một (lời) cho rõ phân (minh)
Vì (trước) cam phận tiểu (tinh)
34 - Cùng Mã (Sanh) đã chung (chạ)
Vu qui lễ (nạp) đủ điều (- -)
35 - Mụ (vừa) nghe qua (- -)
Trận lôi (đình) phát nổi (lên)
36 - Sự (thế) đã quả (nhiên)
Mi cướp (sống) chồng min (- -)
37 - Cho biết (- -) phép ta (- -)
Bì tiên (rắp) sẵn ra (tay)
38 - Kiều (nhi) khó kêu oan (- -)
Sẵn dao (giấu) rút ra tự (tận)

<u>Lớp V</u> : 39 - (- -) Mụ (còn)
Xanh (mặt) nàng đã quá (tay)
40 - Liều (hoa) ngọc nát (- -)
Thảm thương (ôi) sắc tài (- -)
41 - Nợ (trần) nặng mang (- -)
Giấc mê (- -) đã lần (tan)

Digitized by www.namkyluctinh.org

42 -	Tồn	(U)	Xáng Liu	(- -)
	Xế Xáng	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
43 -		(- -)	Tồn	(CỘNG)
	Liu Liu	(- -)	Cộng Liu	(U)
44 -	Tồn	(U)	Xáng U	(- -)
	Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xề	(- -)
45 -	Cộng Liu	(XỀ)	Cộng Liu	(- -)
	Cộng Liu	(Ú)	Xáng Tồn Liu	(LIU)
46 -	Tồn	(U)	Xáng Liu	(- -)
	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
47 -		(- -)	Tồn	(Ú)
	Xế Xáng	(U)	Liu Phạn Xáng	(LIU)

TIỂU KHÚC

(29 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

Lớp I :	1 - Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
	2 -	(- -)	Xê	(XANG)
	Xang Xê	(- -)	Xể Xê Xang	(HÒ)
	3 -	(- -)	Ú Xáng	(LIU)
	Liu	(- -)	Xề Phạn	(LIU)
	4 - Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	Xê Xang	(- -)	Xê Líu	(CỐNG)
	5 - Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	Líu Xê	(- -)	Xang Xê	(- -)
	6 - Cống Líu	(CỐNG)	Xê Xang	(- -)
	Xừ Xang	(XÊ)	Líu Cống Xê	(XANG)
	7 - Xê Xang	(CỐNG)	Xê Xang	(- -)
	Xê Xang	(XỪ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
	8 - Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
	9 - Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
	Ú Liu	(XỀ)	Tồn Xề Cộng	(LIU)
	10 - Cộng	(LIU)	Liu Cộng Xáng	(Ú)
	Xế Xáng	(Ú)	Xáng Xề Phạn	(LIU)
Lớp II :	11 - Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xề	(- -)
	12 - Xê Xang	(XỪ)	Xang Cống	(- -)
	Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

42 - Phòng có (việc) dở dang (- -)
Mụ mới (- -) nhỏ to khuyến (dụ)
43 - (- -) Không (buộc)
Ép nàng (- -) điều trăng (hoa)
44 - Mưu sâu (mướn) Sở Khanh (- -)
Trao Tích Việt (gạt) Thúy Kiều (- -)
45 - Tin (người) nào hay (- -)
Chàng chớp (- -) cánh cao (bay)
46 - Vì mắc (kế) thất cơ (- -)
Vóc ngọc (- -) phải nhuốc (nhơ)
47 - (- -) Thôi (thôi)
Nào con (- -) có ra (chi)

TIỂU KHÚC
Dữ Thúc thành hôn

Soạn lời : Cao Hoài Sang 1940

Lớp I :

1 - Lầu (xanh) đưa chơn đánh (liều)
Còn (- -) chi tiếc (thân)
2 - (- -) Ôi mảnh (xuân)
Phú cho (- -) lượn sóng (đưa)
3 - (- -) (Thôi)
Cũng cam (- -) phận hèn từ (đây)
4 - Vàng (thau) phải khi chung (chạ)
Hương (- -) vùi ngọc (nát)
5 - Ngồi (bâng) khuâng đêm (lụn)
Số (- -) đào hoa (- -)
6 - Nghĩ (nỗi) phong trần (- -)
Mặc người (- -) Mưa Sở mây (Tần)
7 - Lầu (trang) khi (- -)
Đêm quạnh (đèn) tàn một (bóng)
8 - Ngùi (trông) vơi muôn (dặm)
Cỏ cây (- -) chen lẫn (màu)
9 - Bức tranh (sầu) khêu đau (- -)
Chạnh nỗi (- -) niềm thần (hôn)
10 - Quê (nhà) ngàn dặm (xa)
Nào lúc (- -) hiến trân (cam)

Lớp II :

11 - (Khi) quạt nồng ấp (lạnh)
Nghĩ nỗi (nghĩa) sanh thành (- -)
12 - Thôi đành (chờ) kiếp khác (- -)
Mối duyên (- -) xưa đền (bồi)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	13 -	Tồn	(XÊ)	Xang Xự Xê	(XANG)
		Xế Xáng	(Ú)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
	14 -	Liu Ú	(- -)	Xáng Liu	(- -)
		Xế Xáng	(Ú)	Liu Xáng	(Ú)
	15 -	Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
		Xê Xang	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	16 -	Xê Xang	(XỪ)	Xang Cống	(- -)
		Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
	17 -	Xang	(XÊ)	Xang Xự Xê	(XANG)
		Xế Xáng	(Ú)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
Lớp III :	18 -	Liu Ú	(- -)	Xáng Liu	(- -)
		Liu Liu	(- -)	Ú Xáng	(LIU)
	19 -	Liu Ú	(- -)	Xáng Liu	(- -)
		Ú Liu	(CỘNG)	Liu Cộng	(- -)
	20 -	Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
		Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
	21 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
		Ú Liu	(- -)	Xề Cộng	(LIU)
	22 -	Cộng	(LIU)	Liu Cộng Liu	(Ú)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Xáng	(LIU)
	23 -	Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
		Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xề	(- -)
	24 -	Xê Xang	(XỪ)	Xang Cống	(- -)
		Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
	25 -	Tồn	(XÊ)	Xang Xự Xê	(XANG)
		Xế Xáng	(Ú)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
Lớp IV :	26 -	Liu Ú	(- -)	Xáng Liu	(- -)
		Xế Xáng	(Ú)	Liu Xáng	(Ú)
	27 -	Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
		Xê Xang	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	28 -	Xê Xang	(XỪ)	Xang Cống	(- -)
		Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
	29 -	Tồn	(XÊ)	Xang Xự Xê	(XANG)
		Xế Xáng	(Ú)	Liu Cộng Xáng	(LIU)

NGŨ ĐỐI AI

(38 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

Lớp I :	1 -		(- -)	Tồn	(LIU)
		Xế Xáng	(- -)	Cộng Liu	(Ú)

Digitized by www.namkyluctinh.org

13 - Xưa nặng (lời) nguyền sắt (son)
Biết đâu (em) nối lời nước (non)
14 - Tủi (- -) phấn son (- -)
Thu đông (- -) ngày thấm (thoắt)
15 - Khách (du) vừa khi bỗng (gặp)
Người (- -) lữ thứ ghé (chơn)
16 - Cân (tài) sánh sắc (- -)
Thúc Kỳ (- -) Tâm tên (người)
17 - Mặn (mà) vì nét (yêu)
Cảnh Thiên (Thai) mơ màng giấc (xuân)

<u>Lớp III</u> : 18 - Trống (- -) trở canh (- -)
Nguyệt (- -) chói bóng (gương)
19 - Sắc (- -) với hương (- -)
Càng thêm (mê) mẩn lòng (- -)
20 - Từ (đây) xuân chói (rạng)
Đinh ninh (- -) biển hẹn non (thề)
21 - Chim xổ (lồng) cao bay (- -)
Duyên đẹp (- -) nợ đành (trao)
22 - Bèo nước (- -) từ gặp (nhau)
Mừng bõ (- -) lúc gió (mưa)
23 - Cầm (sắt) thôi phỉ (nguyện)
Gió (mát) trăng thanh (- -)
24 - Đêm (trường) mê mẩn khách (- -)
Giấc vu (- -) sơn nồng (nàn)
25 - Đóa (yêu) đào những (mong)
Vuông tròn (- -) thệ bách (niên)
26 - Mới (- -) phỉ duyên (- -)
Nào có (- -) dè đâu (phải)
27 - Thúc (Ông) vừa khi hay (đặng)
Lôi đình (- -) trận gió (giông)
28 - Mới kêu (chàng) khuyên bảo (- -)
Chốn lầu (- -) xanh cho Kiều (về)
29 - (Đứt) ruột tằm khó (vâng)
Cửa công (quan) khuyên hòa cả (hai)

NGŨ ĐỐI AI
Công ơn Cha, Mẹ.

Soạn lời : Trần Ngọc Thạch

<u>Lớp I</u> : 1 - (- -) Công (ơn)
Mẹ cha (- -) như biển trời bao (la)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	2 - Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
	Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xề Cộng	(LIU)
	3 - Ú Liu	(CỘNG)	Liu Ú	(- -)
	Xế Xáng	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
	4 - Hò	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	Cống Xê Xang	(XỰ)	Xang Hò Xang	(XỰ)
	5 - Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	Xang Xê	(- -)	Xang Xự Xê	(XANG)
	6 - Cống Líu	(XÊ)	Xang Xự Xê	(XANG)
	Xế Xáng	(U)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
	7 - Ú Liu	(CỘNG)	Liu Cộng	(- -)
	Liu Liu	(- -)	Xàng Xê Líu	(CỐNG)
	8 - Tồn	(U)	Ủ U Liu	(XỀ)
	Ú Liu	(- -)	Xề Cộng Tồn	(LIU)
	9 - Ú Liu	(CỘNG)	Xáng Liu	(- -)
	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
<u>Lớp II</u> :	10 - Hò	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	Xang Xê	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	11 - Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	Cống Hò	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	12 - Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
	Xế Xáng	(Ú)	Liu Xề Cộng	(LIU)
	13 - Ú Xáng	(LIU)	Ú Xàng	(- -)
	Hò Là	(XỰ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
	14 - Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	Cống Xê	(- -)	Xang Xê Líu	(XỰ)
(Trở Ai	15 - Tồn	(LIU)	Xứ U Liu	(CỘNG)
dây Hò 3	Ú Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
qua dây	16 - Tồn	(LIU)	Xế Xáng Liu	(XỀ)
Hò Tư)	Liu Xáng	(XỀ)	Liu Xàng Xề	(LIU)
	17 - Xê Xang	(HÒ)	Tồn Cống Xê	(XANG)
	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	18 - Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XƯ)
	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Cống Xê	(XANG)
	19 - Xê Xang	(HÒ)	Tồn Xang Xế	(XỂ)
	Xể Xế	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	20 - Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XƯ)
	Xê Xang	(XỰ)	Tồn Cống Xê	(XANG)
(Trở lại	21 - Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(HÒ)
dây Hạ Hò 3)	Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xáng	(U)

Digitized by www.namkyluctinh.org

2 - Ngàn (xưa) sử xanh lưu (truyền)
Nhị Thập Tứ (Hiếu) nay còn rạng (danh)
3 - Tấm gương (lành) soi chung (- -)
Khắc ghi (lòng) hai chữ hiếu (ơn)
4 - Làm (người) đâu phải cỏ (cây)
Mà chẳng nhớ (- -) ơn dưỡng dục sanh (thành)
5 - Nặng (hoằng) chín tháng cưu (mang)
Mong cho (con) ra đời bình (an)
6 - Bao hiểm (nguy) nào có thở (than)
Lắng tai chờ (nghe) tiếng khóc đầu (tiên)
7 - Lòng mẹ (như) mở hội (- -)
Còn cha (- -) vào ra lo (lắng)
8 - Cho đến (khi) mẹ con yên (lành)
Bao nỗi (lo) vất vả ngày (đêm)
9 - Nhìn con trong (giấc) ngủ êm (- -)
Gánh ưu (phiền) thoát nhẹ đôi (vai)

<u>Lớp II</u> :

10 - Từ (ngày) bú mớm nằm (nôi)
Cho đến (lúc) chơi đùa tung (tăng)
11 - Tháng năm (dài) đầy những băn (khoăn)
Thuở ấu (thơ) đến khi trưởng (thành)
12 - Mẹ (cha) tháng năm nhọc (nhằn)
Nuôi con khôn (lớn) nào quản gian (nan)
13 - Những khi đêm (lạnh) canh tàn (- -)
Mẹ trở (mình) khi con thức (giấc)
14 - Nhìn (con) xốn xang tấc (dạ)
Những khi (- -) mưa nắng trở (trời)
15 - Canh (khuya) sầu tư mang (nặng)
Con trở (bịnh) chân lạnh tay (mềm)
16 - Lo cho (con) thân xác khô (cằn)
Mẹ biếng (cười) cha ít nói (năng)
17 - Con bịnh (tình) ngày một héo (hon)
Mẹ ưu (phiền) cha những lo (toan)
18 - Nhìn (con) vào ra câm (lặng)
Mong (con) sớm được yên (vui)
19 - Thân (già) quản chi vất (vả)
Con mạnh (lành) gia đạo yên (vui)
20 - Lòng mẹ (cha) ví như biển (rộng)
Trăm con (sông) dòng nước đổ (xuôi)
21 - Biển có (khi) sóng gió mịt (mùng)
Nhưng vẫn (- -) là mẹ của sông (con)

Digitized by www.namkyluctinh.org

Lớp III :	22 -	Hò	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
		Cống Xê Xang	(XỰ)	Xang Hò Xang	(XỰ)
	23 -	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
		Xang Xê	(- -)	Xang Xự Xê	(XANG)
	24 -	Cống Líu	(XÊ)	Xang Xự Xê	(XANG)
		Xế Xáng	(U)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
	25 -	Ú Ú	(LIU)	Ú Xàng	(- -)
		Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	26 -	Cống Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
		Hò Là	(XỰ)	Xang Cống Xê	(XANG)
(Trở Ai	27 -	Tồn	(LIU)	Xứ U Liu	(CỘNG)
dây Hò 3		Ú Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XÀNG)
qua dây	28 -	Tồn	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XỀ)
Hò 4)		Liu Phan	(XỀ)	Liu Xàng Xề	(LIU)
	29 -	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Cống Xê	(XANG)
		Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	30 -	Tồn	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XƯ)
		Xê Xang	(XƯ)	Tồn Cống Xê	(XANG)
(Trở lại	31 -	Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(HÒ)
dây Hạ Hò 3)		Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
Lớp IV :	32 -	Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
		Xế Xáng	(U)	Liu Xề Cộng	(LIU)
	33 -	Ú Liu	(CỘNG)	Liu Cộng	(- -)
		Tồn	(Ú)	Ủ U Liu	(XỀ)
	34 -	Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
		Cống Líu	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	35 -	Xê Xang	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
		Cống Líu	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	36 -	Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
		Xế Xáng	(U)	Liu Xề Cộng	(LIU)
	37 -	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Ú	(- -)
		Ú Liu	(CỘNG)	Liu Tồn Xáng	(U)
	38 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
		Xế Xáng	(U)	Liu Cộng Xáng	(LIU)

CHIẾT TỨ VĨ

(33 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

Lớp I :	1 -		(- -)	Tồn	(LIU)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(XỀ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

Lớp III : 22 - Rồi (ngày) con tuổi lớn (khôn)
Rời xa cha (mẹ) lăn thân vào (đời)
23 - Dòng (đời) xuôi ngược bôn (ba)
Nhưng nghe (lời) khuyên nhủ của mẹ (cha)
24 - Thì dù (bao) tráo trở điêu (ngoa)
Ta vẫn (- -) dễ dàng vượt (qua)
25 - Lời gia huấn (chẳng) phai nhòa (- -)
Một ngày (kia) nghe đau nhói trong (tim)
26 - Khi biết (tin) cha mẹ mãn (phần)
Quay gót (về) bên mái nhà (xưa)
27 - Ngước nhìn (lên) khói hương mờ (mịt)
Ôi linh (vị) bên cạnh ảnh (thờ)
28 - Thôi còn (đâu) cha yếu mẹ (già)
Nay đã (về) miền cực lạc tiêu (diêu)
29 - Gối (quỳ) dòng lệ thảm (thương)
Cha mẹ (già) mờ bóng khói (sương)
30 - Dưỡng (nuôi) chưa tròn câu hiếu (đạo)
Mà (nay) đã cách biệt hai (phương)
31 - Tiếng mõ (chuông) hiu hắt gọi (sầu)
Bên những (- -) vòng hoa (tang)

Lớp IV : 32 - Măng (non) thay gốc tre (tàn)
Luật Tạo (Hóa) từ thủơ hồng (hoang)
33 - Vòng tử (sanh) đã định (- -)
Nay mẹ (cha) chưa hết tuổi (đời)
34 - Làm con (hiền) phải biết dưỡng (nuôi)
Chữ hiếu (ơn) luôn luôn thấm (nhuần)
35 - Cha mẹ (già) bóng xế chiều (hôm)
Đạo làm (con) quyết tâm giữ (tròn)
36 - Nhìn (ra) bốn cõi sơn (hà)
Không thẹn (cùng) cây cỏ lá (hoa)
37 - Nơi chốn miếu (đường) đâu xa (- -)
Ta ngước (nhìn) hai câu chữ vàng (son)
38 - Công cha như (núi) Thái Sơn (- -)
Nghĩa mẹ như (nước) trong nguồn chảy (ra)

CHIẾT TỨ VĨ
Kinh Kha náo Tần đình

Soạn lời : Trần Ngọc Thạch

Lớp I : 1 - (- -) Thái tử (Đan)
Tìm trang (- -) hiệp khách anh (hùng)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	2 - Tồn Ú	(- -)	Liu Xề	(- -)
	Xề Xế Xáng	(Ú)	Liu Cộng Liu	(XỀ)
	3 - Xề Ú	(- -)	Liu Xề	(- -)
	Xang Xê	(- -)	Xang Cống Xê	(XANG)
	4 - Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
	Xế Xáng	(U)	Liu Xề Cộng	(LIU)
	5 - Ú Liu	(CỘNG)	Liu Cộng	(- -)
	Xê Xàng	(- -)	Xàng Xê Líu	(CỐNG)
	6 -	(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(XỀ)
	7 - Xề Ú	(- -)	Liu Xề	(- -)
	Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
	8 - Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
	Liu Xáng	(Ú)	Liu Xề Cộng	(LIU)
	9 - Xế Xáng	(CỘNG)	Liu Ú	(- -)
	Ú Liu	(CỘNG)	Xề Cộng Liu	(Ú)
	10 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
	Xế Xáng	(Ú)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
Lớp II :	11 -	(- -)	Xê	(XANG)
	Xang Xê	(- -)	Xể Xê Xang	(XỰ)
	12 - Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
	Xế Xáng	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	13 - Liu Liu	(- -)	Xề Cộng	(LIU)
	Xế Xáng	(U)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
	14 - Xự Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
	Cống Líu	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
	15 - Tồn	(XẠNG)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
	Xế Xáng	(U)	Liu Xề Cộng	(LIU)
	16 - U U	(LIU)	U Xàng	(- -)
	Xừ Xang	(XÊ)	Xang Cống Xê	(XANG)
	17 - Xang Xê	(- -)	Líu Cống	(- -)
	Xừ Xang	(XÊ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
	18 -	(- -)	Tồn	(U)
	Xế Xáng	(- -)	U Liu	(CỘNG)
	19 - Liu Liu	(- -)	Xề Cộng Tồn	(LIU)
	Ú Liu	(CỘNG)	Xáng Liu	(- -)
	20 - Tồn	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xề	(- -)
	21 - Cộng Liu	(XỀ)	Cộng Liu	(- -)
	Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xáng	(U)

Digitized by www.namkyluctinh.org

2 - Cứu dân thoát (cảnh) gông cùm (- -)
Giang san (- -) xã tắc nguy (cùng)
3 - Ai vào (chốn) hang hùm (- -)
Thừa cơ (- -) hạ sát Tần (Vương)
4 - Điền (Quang) tiến cử Kinh (Kha)
Tạ lòng (- -) quyết chí xông (pha)
5 - Hiểm (nguy) không ngại (- -)
Liều thân (- -) đáp tình tri (kỷ)
6 - (- -) Kinh (Kha)
Thọ ơn (- -) quyết tâm lên (đường)
7 - Thái tử trọng (đãi) khôn lường (- -)
Ăn cùng (mâm) ngủ cùng (giường)
8 - Chìu (theo) sở thích ngông (cuồng)
Ném vàng (- -) thay đá như (không)
9 - Còn chặt (tay) mỹ nhân (- -)
Vì lời (khen) trong buổi tiếp (tân)
10 - Gan ngựa (quý) cũng dâng (- -)
Chàng nặng (lòng) đền đáp nghĩa (ân)

<u>Lớp II</u> :

11 - (- -) Thâm (tâm)
Kinh (Kha) ôm mối cảm (hoài)
12 - Trượng (phu) oán trả ơn (đền)
Tình (thâm) nghĩa sâu mang (nặng)
13 - Vừa nghe vua (Tần) điều động ba (quân)
Vương Tiển (- -) ngàn dặm chinh (Yên)
14 - Thái tử lo (lắng) ưu phiền (- -)
Nghĩ mưu (- -) ngăn bước quân (Tần)
15 - Ngày (đêm) vấn kế luận (bàn)
Chỉ (còn) một cách cứu (nguy)
16 - Là phải hành (thích) vua Tần (- -)
Trọng trách (nầy) tráng sĩ xin (vâng)
17 - Nát thân (nào) dám tiếc (- -)
Sứ mạng (- -) vui lòng gánh (vác)
18 - (- -) Mùa (đông)
Tuyết sương (- -) phủ giăng sông (Dịch)
19 - Tiếng tiêu (sầu) của Cao Tiệm (Ly)
Chén quan hà đưa (tiễn) người đi (- -)
20 - Kinh Kha qua (sông) thi hành sứ (mạng)
Mang theo thủ (cấp) Phàn Ô Kỳ (- -)
21 - Kẻ thù (của) Tần Vương (- -)
Và bức (- -) địa đồ Đốc (Cương)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	22 -	Tồn	(XÊ)	Xang Xự Xê	(XANG)
		Xế Xáng	(U)	Xáng U	(- -)
	23 -	Xế Xáng	(- -)	Tồn Liu	(- -)
		Liu Liu	(U)	Liu U Xáng	(LIU)
	24 -	Tồn U	(- -)	Xáng Liu	(- -)
		Xế Xáng	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
Lớp III :	25 -		(- -)	Tồn	(CỘNG)
		Liu Liu	(- -)	Cộng Liu	(U)
	26 -	Tồn	(U)	Xáng U	(- -)
		Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xề	(- -)
	27 -	Cộng Liu	(XỀ)	Cộng Liu	(- -)
		Cộng Liu	(Ú)	Xáng Tồn	(LIU)
	28 -	Tồn	(U)	Xáng Liu	(- -)
		Xế Xáng	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	29 -		(- -)	Tồn	(CỘNG)
		Liu Liu	(- -)	Cộng Liu	(U)
	30 -	Tồn	(U)	Xáng U	(- -)
		Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xề	(- -)
	31 -	Cộng Liu	(XỀ)	Cộng Liu	(- -)
		Cộng Liu	(Ú)	Xáng Tồn	(LIU)
	32 -	Tồn	(U)	Xáng Liu	(- -)
		Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
	33 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
		Xế Xáng	(U)	Liu Phạn Xáng	(LIU)

V – CÁC BẢN NAM

NAM XUÂN

(68 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

Lớp I :	1 -	Xê	(XANG)	Xang	(- -)
		Hò	(- -)	Tồn Xề	(XANG)
	2 -	Xang Xê	(- -)	Xê Xang	(- -)
		Liu Xáng	(TỒN)	Xề Xang	(- -)
	3 -	Xàng	(LIU)	Liu Xáng	(XÀNG)
		Liu Liu	(- -)	Liu Tồn Liu	(XỆ)
	4 -	Xệ Liu	(- -)	Xáng Xàng	(- -)
		Liu Xáng	(XÀNG)	Xề Xang	(- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

22 - Toàn (cõi) sơn hà Yên (bang)
Để thực (hiện) kế mưu (- -)
23 - Thừa dịp đến (gần) Tần Vương (- -)
Lưỡi gươm vàng (- -) sẽ nhuộm máu cừu (nhơn)
24 - Muôn dân chung (hưởng) yên vui (- -)
Mùa đông trôi (qua) xuân về ảm (đạm)

Lớp III :

25 - (- -) Tháng (hạ)
Kinh Kha (- -) được lịnh Tần (Vương)
26 - Dâng địa (đồ) Đốc Cương (- -)
Nên được diện (kiến) vua Tần (- -)
27 - Tay áo (chàng) ẩn ngọn dao (- -)
Vừa đối diện (- -) Kinh Kha tấn (công)
28 - Nắm áo vua Tần và (rút) dao đâm (- -)
Nhưng chẳng (may) Tần Vương tránh (được)
29 - (- -) Tức (giận)
Vua Tần (- -) vừa thoát cơn (nguy)
30 - Gươm dài tám (thước) oai nghi (- -)
Chém lại (kẻ) gan trời (- -)
31 - Kinh Kha trở (thành) phế nhân (- -)
Đại náo Tần (đình) nhưng lại nát (thân)
32 - Mộng lớn như (áng) phù vân (- -)
Gió mưa (sầu) giăng phủ nước (Yên)
33 - Thái (tử) ưu tư (- -)
Than ôi (- -) vận nước ngửa (nghiêng)

V – CÁC BẢN NAM

NAM XUÂN
Tích Thúy Kiều

Soạn lời : Phan Trúc Quân 'Tục danh Sáu Lục'
(trước năm 1900)

Lớp I :

1 - (Thương) thân (- -)
Người (- -) cõi trần trăm (năm)
2 - Khắp (- -) chín châu (- -)
Mấy lăm (người) tri âm (- -)
3 - Như Kim (Lang) cùng Vương Thúy (Kiều)
(Duyên) âm (thầm)
4 - Gian (- -) nan rồi (- -)
Nên (bạn) tình thâm (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	5 - Xê	(XANG)	Xang Xế	(- -)	
	Xàng	(- -)	Liu Liu	(XỆ)	
	6 - Xệ Liu	(- -)	Xáng Xàng	(- -)	
	Liu Xáng	(XÀNG)	Xề Xang	(- -)	
	7 - Xê	(XANG)	Xảng Ú Liu	(PHẠN)	
	Phạn	(XỀ)	Xề Phạn	(LIU)	
	8 - Phạn Liu	(LỈU)	Lỉu U Liu	(PHẠN)	
	Liu Liu	(TỊCH)	Xàng Liu	(- -)	
Lớp II :	9 - Xê	(XANG)	Xang	(- -)	
	Xang Xê	(- -)	Xế Xang	(HÒ)	
	10 - Xàng	(- -)	Tồn Xang	(- -)	
	Xang Xế	(XÊ)	Tồn Hò	(- -)	
	11 - Tồn	(HÒ)	Hò Tồn	(XANG)	
	Xê	(XẢNG)	Xê Xảng	(XANG)	
	12 - Tồn Liu	(- -)	Liu Xáng Xàng	(- -)	
	Liu Xáng	(XÀNG)	Xề Xang	(- -)	
	13 - Xê	(XANG)	Xang Xể	(- -)	
	Xể Xể	(- -)	Xê Tồn Xang	(XỄ)	
	14 - Xang Xế	(- -)	Xế Xang	(- -)	
	Liu Xáng	(XÀNG)	Xề Xang	(- -)	
	15 - Xế Xế	(XANG)	Xảng Xang Tồn	(PHAN)	
	Liu Tồn	(LIU)	Xáng Liu Xế	(TÍCH)	"Líu"
	16 -	(LIU)	Liu Xáng	(XÀNG)	
	Liu Xáng	(XỀ)	Phạn Liu	(- -)	
Lớp III :	17 - Xê	(XANG)	Xang	(- -)	
	Hò	(- -)	Tồn Xề	(XANG)	
	18 - Xang Xê	(- -)	Xê Xang	(- -)	
	Liu Xáng	(TỒN)	Xề Xang	(- -)	
	19 - Xê	(XANG)	Xảng Ú Liu	(PHẠN)	
	Phạn	(XỀ)	Xề Phạn	(LIU)	
	20 - Phạn Liu	(Ú)	Lỉu U Liu	(PHẠN)	
	Liu Liu	(TỊCH)	Xàng Liu	(- -)	
	21 - Xê	(XANG)	Xang	(- -)	
	Xang Xê	(- -)	Xế Xang	(HÒ)	
	22 - Xàng	(- -)	Tồn Xang	(- -)	
	Xang Xế	(XÊ)	Tồn Hò	(- -)	
	23 - Tồn	(HÒ)	Hò Tồn	(XANG)	
	Xê	(XẢNG)	Xê Xảng	(XANG)	
	24 - Tồn Liu	(- -)	Xáng Xàng	(- -)	
	Liu Xáng	(XÀNG)	Xề Xang	(- -)	

Digitized by www.namkyluctinh.org

5 - Nhớ (xưa) tiết (- -)
Thanh minh (- -) cỏ hoa tươi (rậm)
6 - Hiệp (- -) một đoàn (- -)
Đạp (thanh) hành ngâm (- -)
7 - (Xem) thấy cô (phần)
Chạnh (- -) cảm cô (cầm)
8 - Câu thi (đề) hương nguyện lâm (râm)
Than (thân) tủi thầm (- -)

<u>Lớp II</u> : 9- Xảy (đâu) gặp khách (- -)
Kim Lang (- -) đương khi lạ (lùng)
10 - Tình (- -) thừa ưa (- -)
Ý (còn) ngại ngùng (- -)
11 - Vội (vàng) chia nhành (tơ)
Vó (ký) thẳng (xông)
12 - Trăng (già) lẳng (lơ)
Khiến tấm (lòng) ước mong (- -)
13 - (Cơn) hội ngộ (- -)
Biết (- -) chắc có (xứng)
14 - Nỗi (- -) tóc tơ (- -)
Ủ ê (màu) huê dung (- -)
15 - Chưa (an) giấc loan (phòng)
Đạm Tiên ứng (mộng) tường mấy (khúc)
16 - Thức (ngồi) đau lòng (vàng)
Nghĩ thương (người) tình chung (- -)

<u>Lớp III</u> : 17 - (Nghe) huyên (- -)
Đường (- -) mấy lời khuyên (can)
18 - Lụy (- -) châu tuôn (- -)
Thắt ruột (tằm) không an (- -)
19 - Tiếng (oanh) đưa (sầu)
Nơi bên (đàng) nghe nhộn (nhàng)
20 - Thói (- -) hữu (tình)
Hai bên (đều) cưu mang (- -)
21 - Kim (Lang) từ khi (- -)
Trở lui (- -) đến nơi gia (đàng)
22 - Chạnh (- -) niềm tây (- -)
Xót (xa) sự nàng (- -)
23 - Mối chung (tình) hằng (mang)
Xiết (kể) thở (than)
24 - Lam (Kiều) tách (sang)
Quyết bắc (cầu) Hớn giang (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

Lớp IV :	25 -	Xê	(XANG)	Xang	(- -)
		Hò	(- -)	Tồn Xề	(XANG)
	26 -	Xang Xê	(- -)	Xê Xang	(- -)
		Liu Xáng	(TỒN)	Xề Xang	(- -)
	27 -	Xàng	(LIU)	Liu Xáng	(XÀNG)
		Liu Liu	(- -)	Liu Tồn Liu	(XỆ)
	28 -	Xệ Liu	(- -)	Xáng Xàng	(- -)
		Liu Xáng	(XÀNG)	Xề Xang	(- -)
	29 -	Xê	(XANG)	Xang Xế	(- -)
		Xàng	(- -)	Liu Liu	(XỆ)
	30 -	Xệ Liu	(- -)	Xáng Xàng	(- -)
		Liu Xáng	(XÀNG)	Xề Xang	(- -)
	31 -	Xê	(XANG)	Xảng Ú Liu	(PHẠN)
		Phạn	(XỀ)	Xề Phạn	(LIU)
	32 -	Phạn Liu	(Ú)	Lủu U Liu	(PHẠN)
		Liu Liu	(TỊCH)	Xàng Liu	(- -)
Lớp V :	33 -	Xáng	(XÀNG)	Liu Xệ	(- -)
(Lớp Trống 1)		Liu Liu	(- -)	Xáng Tồn	(LIU)
	34 -	Liu Xáng	(- -)	Xáng Xàng	(- -)
		Liu Xáng	(TỒN)	Xừ Liu	(- -)
	35 -	Là	(LIU)	Xê Líu	(HÒ)
		Là Là	(HÒ)	Là Là	(HÒ)
	36 -	Xự	(XANG)	Xang Xừ	(- -)
		Liu Xáng	(TỒN)	Xừ Liu	(- -)
	37 -	Là Là	(LIU)	Liu	(- -)
		Liu	(- -)	Liu Tịch Là	(HÒ)
	38 -	Xự	(XANG)	Xang Xừ	(- -)
		Liu Xáng	(TỒN)	Xừ Liu	(- -)
	39 -	Xáng	(XÀNG)	Tồn Liu	(XỆ)
		Xàng	(- -)	Xệ Xề	(LIU)
	40 -	Liu	(XÁNG)	Xáng Xàng	(- -)
		Tồn Liu	(XÁNG)	Xáng Xàng	(- -)
Lớp VI :	41 -	Xáng	(XÀNG)	Liu Xệ	(- -)
(Lớp Trống 2)		Liu Liu	(- -)	Xáng Tồn	(LIU)
	42 -	Liu Xáng	(- -)	Xánh Xàng	(- -)
		Liu Xáng	(TỒN)	Xừ Liu	(- -)
	43 -	Là	(LIU)	Xê Líu	(HÒ)
		Là Là	(HÒ)	Là Là	(HÒ)
	44 -	Xự	(XANG)	Xang Xừ	(- -)
		Liu Xáng	(TỒN)	Xừ Liu	(- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

<u>Lớp IV</u> : 25 - (Tạm) nơi (- -)
Gần (- -) mướn nhà thương (gia)
26 - Lãm (- -) Thúy hiên (- -)
Túi thi (cầm) dọn qua (- -)
27 - Mượn hơi (cầm) đưa câu (tình)
Xuân (- -) la đà (- -)
28 - Chạnh (- -) đêm ngày (- -)
Trông thấy (dạng) hằng nga (- -)
29 - May (đâu) máy (- -)
Thiên công (- -) khiến nên chăng (mà)
30 - Hiệp (- -) duyên lành (- -)
Cũng nhờ (cành) kim thoa (- -)
31 - Trao (khăn) xuyến (cầm)
Của tin (nầy) chút gọi (là)
32 - Non sông (thề) đâu dạ phui (pha)
Xuân lan thu (cúc) giao hoà (- -)

<u>Lớp V</u> : 33 - Từ (ngày) phụng (- -)
(Lớp Trống Loan (- -) mới tin (thông)
Xuân 1) 34 - Thỏa (- -) tấm lòng (- -)
Bấy lâu (hằng) ước mong (- -)
35 - Vắng (vẻ) gió đưa hơi (cầm)
Sương đượm (- -) vườn (hồng)
36 - Sông (tương) kẻ (- -)
Đợi (- -) người trông (- -)
37 - (Tương) tư (nầy)
Hơi (- -) đương (nồng)
38 - Vừa (- -) ngày (- -)
Sanh (nhựt) ngoại ông (- -)
39 - Hớn (hở) vui mừng (thầm)
Cơn trùng (phùng) nối giải (đồng)
40 - (Câu) giai ngẫu (- -)
Phỉ bấy (duyên) má hồng (- -)

<u>Lớp VI</u> : 41 - Đêm (thanh) vườn (- -)
(Lớp Trống Hạnh (- -) lối trải (qua)
Xuân 2) 42 - Chốn (- -) thơ phòng (- -)
Bút chung (đề) tiên hoa (- -)
43 - Núi (biển) trăm năm (thề)
Chứng có (- -) trăng (già)
44 - Nguyền (ghi) tạc (- -)
Đôi (lòng) ta (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	45 - Là Là	(LIU)	Liu	(- -)	
	Liu	(- -)	Liu Tịch Là	(HÒ)	
	46 - Xự	(XANG)	Xang Xư	(- -)	
	Liu Xáng	(TỒN)	Xừ Liu	(- -)	
	47 - Xáng	(XÀNG)	Tồn Liu	(XỆ)	
	Xàng	(- -)	Xệ Xề	(LIU)	
	48 - Liu	(XÁNG)	Xáng Xàng	(- -)	
	Tồn Liu	(XÁNG)	Xáng Xàng	(- -)	
Lớp VII :	49 - Xê	(XANG)	Xang	(- -)	
	Hò	(- -)	Tồn Xề	(XANG)	
	50 - Xang Xê	(- -)	Xê Xang	(- -)	
	Liu Xáng	(TỒN)	Xề Xang	(- -)	
	51 - Xàng	(LIU)	Liu Xáng	(XÀNG)	
	Liu Liu	(- -)	Liu Tồn Liu	(XỆ)	
	52 - Xệ Liu	(- -)	Xáng Xàng	(- -)	
	Liu Xáng	(XÀNG)	Xề Xang	(- -)	
	53 - Xê	(XANG)	Xang Xế	(- -)	
	Xàng	(- -)	Liu Liu	(XỆ)	
	54 - Xệ Liu	(- -)	Xáng Xàng	(- -)	
	Liu Xáng	(XÀNG)	Xề Xang	(- -)	
	55 - Xê	(XANG)	Xảng Ú Liu	(PHẠN)	
	Phạn	(XỀ)	Xàng Xề Phạn	(LIU)	
	56 - Phạn Liu	(Ú)	Lỉu U Liu	(PHẠN)	
	Liu Liu	(TỊCH)	Xàng Liu	(- -)	
Lớp VIII :	57 - Xê	(XANG)	Xang Xể	(- -)	
	Xảng	(- -)	Xế Xang	(HÒ)	
	58 - Xàng	(- -)	Tồn Xang	(- -)	
	Xang Xế	(XÊ)	Tồn Hò	(- -)	
	59 - Tồn	(HÒ)	Hò Tồn	(XANG)	
	Xê	(XẢNG)	Xê Xảng	(XANG)	
	60 - Tồn Liu	(- -)	Xáng Xàng	(- -)	
	Liu Xáng	(XÀNG)	Xề Xang	(- -)	
	61 - Xang	(XỂ)	Xể	(- -)	
	Xể	(- -)	Xê Tồn Xang	(XỂ)	
	62 - Xế	(- -)	Xế Xang	(- -)	
	Liu Xáng	(XÀNG)	Xề Xang	(- -)	
	63 - Xế	(XANG)	Xảng Xang Tồn	(PHAN)	
	Liu Tồn	(LIU)	Xáng Liu Xế	(TÍCH)	"Líu"
	64 -	(LIU)	Liu Xáng	(XÀNG)	
	Liu Xáng	(XỀ)	Phạn Liu	(- -)	

Digitized by www.namkyluctinh.org

45 - (Nơi) trướng (- -)
Liễu (- -) đượm hơi hương (trà)
46 - Hòa vận (- -) thi cầm (- -)
Loan (phụng) ca (- -)
47 - Tóc (tơ) khăng khăng dặn (lòng)
Trăng tỏ (rạng) bóng dương (tà)
48 - Mai (trước) sắc (sảo)
(Duyên) mặn mà (- -)

Lớp VII : 49 - (Xuân) nảo (- -)
Nồng (- -) đêm tràng hiên (tây)
50 - Bạn (- -) tri âm (- -)
Trao nguyệt (cầm) so dây (- -)
51 - (Khúc) Phụng (Cầu)
Nghe thâm (trầm) câu chưa (đầy)
52 - Tiếng (- -) tơ đồng (- -)
Vui trên (tiệc) người say (- -)
53 - Hay (đâu) giấc (- -)
Vu sơn (- -) những nay còn (chầy)
54 - Đóa (- -) yêu đào (- -)
Đặng nương (gần) là may (- -)
55 - (So) khác (nào)
Cao (đường) mưa (mây)
56 - Như phụng (hoàng) chung đậu trên (cây)
Non ân bể (ái) chi tày (- -)

Lớp VIII : 57 - (Giao) kết (- -)
Nghĩa (- -) sắt son mười (phần)
58 - Bạn (- -) thiền quyên (- -)
Kể xiết (chi) lòng mầng (- -)
59 - Càng (nhìn) càng (tươi)
Nhan (sắc) huê (dung)
60 - Một (niềm) hiếu (trinh)
Miển cho (trọn) thủy chung (- -)
61 - (Cơn) hội ngộ (- -)
Biết (- -) có đối (xứng)
62 - Mối (- -) tơ duyên (- -)
Nguyệt lão (dầu) buộc chưn (- -)
63 - Ba (sinh) đã phỉ mười (nguyền)
Xem đà (đáng) trai tài gái (sắc)
64 - Thiếp (nguyện) một (lòng)
Trọn niềm (cùng) lang quân (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

Lớp IX :

65 -	Xê	(XANG)	Xang	(- -)
	Hò	(- -)	Tồn Xề	(XANG)
66 -	Xang Xê	(- -)	Xê Xang	(- -)
	Liu Xáng	(TỒN)	Xề Xang	(- -)
67 -	Xê	(XANG)	Xảng Ú Liu	(PHẠN)
	Phạn	(XỀ)	Xàng Xề Phạn	(LIU)
68 -	Phạn Liu	(Ú)	Lỉu U Liu	(PHẠN)
	Liu Liu	(TỊCH)	Xàng Liu	(- -)

(Tiếp theo qua Nam Ai)

NAM AI

(84 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

4 câu Phản Xuân qua Ai :

1 -	Xê	(XANG)	Xang	(- -)
	Xảng Xê	(- -)	Xê Tồn	(HÒ)
2 -	Xàng	(- -)	Tồn Xang	(- -)
	Xang Xế	(XỀ)	Tồn Hò	(- -)
3 -	Tồn	(HÒ)	Hò Tồn	(XANG)
	Xê	(XẢNG)	Xế Xảng	(XANG)
4 -	Liu	(- -)	Phan Xàng	(- -)
	Liu Phan	(XÀNG)	Xề Xang	(- -)

Vô Nam Ai :

Lớp I :

1 -	Xê	(XANG)	Xảng Xang Tồn	(HÒ)
	Liu Phan	(XÀNG)	Tồn Hò Xế	(XANG)
2 -	Xể Phan Liu	(LỈU)	Xế Xàng	(- -)
	Liu Liu	(TỒN)	Xề Xang	(- -)
3 -	Xế	(XẢNG)	Xang Xê Tồn	(LỊU)
	Xang	(XỀ)	Tồn Xảng Xang	(HÒ)
4 -	Liu	(XỂ)	Xể Xê	(XÀNG)
	Liu	(XÀNG)	Xề Liu	(- -)
5 -	Xê	(XANG)	Xang	(- -)
	Xảng	(- -)	Xang Xang	(XỂ)
6 -	Xang Xể	(- -)	Xế Xang	(- -)
	Liu Liu	(TỒN)	Xề Xang	(- -)
7 -	Xê	(XANG)	Xang Xê Tồn	(LỊU)
	Xư Xang	(XỀ)	Tồn Xảng Xang	(HÒ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

Lớp IX : 65 - (Đưa) tin (- -)
Gà (- -) chưa tàn hơi (nhang)
66 - Ý (- -) thiết tha (- -)
Dám đâu (rời) bạn lang (- -)
67 - Xảy (nghe) thơ (đồng)
Đem tin (nhà) thưa bên (màn)
68 - (Đặng) tin (nhà)
Tấc (dạ) nào an (- -)

NAM AI
Tích Thúy Kiều (tiếp theo)

4 câu Phản Xuân qua Ai :

1 - Mảng (tin) thúc phụ (- -)
Sớm (- -) từ (đàng)
2 - Nảo nùng (- -) thay (- -)
Tha (hương) dặm ngàn (- -)
3 - Nghiêm (đường) dạy về (quê)
Sanh (kíp) hộ (tang)
4 - (Thương) chàng Kim (- -)
Chi xiết (nỗi) kinh mang (- -)

Vô Nam Ai :

Lớp I : 1 - Xót (xa) tấm (lòng)
Lén (vào) lầu (trang)
2 - Tỏ trước (sau) với nàng (- -)
Vẵng nghe (thảm) sầu than (- -)
3 - (Căn) duyên (gì)
Khiến (xui) cho phận lỡ (làng)
4 - (Tình) lang (ôi)
Hỡi (- -) Kim Lang (- -)
5 - Đôi (ta) trìu mến (- -)
Chưa (- -) đầy mấy (tháng)
6 - Sự (- -) bởi đâu (- -)
Mới hiệp (rồi) lại tan (- -)
7 - Xót (xa) tấm lòng (sầu)
Lụy tuôn (- -) theo đôi (hàng)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	8 -	Liu	(XỂ)	Xể Xê	(XÀNG)
		Liu Liu	(TỒN)	Xề Xang	(- -)
Lớp II :	9 -	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xê	(XANG)
		Xang Xê	(XẢNG)	Xang Xê	(XANG)
	10 -	Liu Lỉu	(- -)	Xế Xàng	(- -)
		Liu Liu	(TỒN)	Xề Xang	(- -)
	11 -	Xê	(XANG)	Xang Xê Tồn	(LỊU)
		Xư Xang	(XỀ)	Tồn Xảng Xang	(HÒ)
	12 -	Liu	(XỂ)	Xể Xê	(XÀNG)
		Liu Liu	(XỀ)	Tồn Liu	(- -)
	13 -	Xê	(XANG)	Xang	(- -)
		Xảng Xê	(- -)	Xê Tồn	(HÒ)
	14 -	Xàng	(- -)	Tồn Xang	(- -)
		Xang Xể	(XỀ)	Tồn Hò	(- -)
	15 -	Tồn	(HÒ)	Hò Tồn	(XANG)
		Xê	(XẢNG)	Xế Xảng	(XANG)
	16 -	Liu Lỉu	(- -)	Phan Xàng	(- -)
		Liu Phan	(XÀNG)	Xề Xang	(- -)
Lớp III :	17 -	Xê	(XANG)	Xang	(- -)
		Xang Xê	(- -)	Xể Xê Xang	(HÒ)
	18 -	Xề Ú	(- -)	Liu Phạn	(- -)
		Xề Xáng	(U)	Liu Phạn	(- -)
	19 -	Liu Xáng	(XỀ)	Xàng Xề Phạn	(LIU)
		Liu	(LỈU)	Xảng Xáng	(LIU)
	20 -	Liu	(XỂ)	Xể Xê	(XÀNG)
		Liu Liu	(TỒN)	Xề Liu	(- -)
	21 -	Xê	(XANG)	Xang	(- -)
		Lỉu Liu	(- -)	Liu Xáng	(XÀNG)
	22 -	Xàng Xệ	(- -)	Liu Xàng	(- -)
		Liu Liu	(TỒN)	Xề Xang	(- -)
	23 -	Xê	(XANG)	Xang Tồn Xư	(LỊU)
		Xư Xang	(XỀ)	Tồn Xảng Xang	(HÒ)
	24 -	Liu	(XỂ)	Xể Xê	(XÀNG)
		Liu Liu	(TỒN)	Xề Liu	(- -)
Lớp IV :	25 -	Xang	(XƯ)	Xư	(- -)
(Lớp ngăn)		Xư Xư	(- -)	Hò Xang	(XƯ)
	26 -	Xư Xê	(- -)	Xang Xư	(- -)
		Xê Xang	(XƯ)	Xư Xang	(- -)
	27 -	Xê Xê	(XANG)	Xang Xế Tồn	(HÒ)
		Liu Lỉu	(XỨ)	Xảng Xang Xư	(HÒ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

8 - (Tống) ly (biệt)
Xa xuôi (miền) quan san (- -)

Lớp II : 9 - (Dựa) lầu (tây)
Trăm mối (thảm) kể xiết (chi)
10 - Dạ (- -) bao đành (- -)
Kẻ (ở) người đi (- -)
11 - Trách (thay) trăng (già)
Khóc (trao) duyên phận (gì)
12 - (Lại) mang (nặng)
Cái (gánh) tương tri (- -)
13 - (Ngưu) lang (- -)
Chức nữ (- -) trông gặp (thì)
14 - Dằn (- -) lòng son (- -)
Dám (đâu) lỗi nghì (- -)
15 - Mọi (đàng) tình (duyên)
Đây (đó) còn (ghi)
16 - (Bóng) ô (rạng)
Song đường (đà) hồi qui (- -)

Lớp III : 17 - Hỏi (han) vừa mới hay (- -)
Họa tai (- -) đâu đến thình (lình)
18 - Mộc già (- -) oan (- -)
Buộc (hai) thâm tình (- -)
19 - Bởi (đâu) khiến (xui)
Cho (- -) sự bất (bình)
20 - (Mặt) (nhìn)
Phách (sảng) hồn kinh (- -)
21 - (Chung) Lão (- -)
Cố xin (- -) cho thục (hình)
22 - Cảm (- -) thương nàng (- -)
Có (lòng) trung trinh (- -)
23 - (Cơn) biến (thường)
Phải toan (- -) sự bán (mình)
24 - Báo (- -) nghĩa trọng (- -)
Thân (nầy) khinh (- -)

Lớp IV : 25 - May (đâu) xui (- -)
(Lớp Ngăn) Có chàng (- -) Mã Giám (Sanh)
26 - Lén (- -) mời vào (- -)
Mua (người) tuổi xanh (- -)
27 - Cái (thân) liễu (bồ)
Dám đâu (- -) trông duyên (lành)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	28 -	Liu Xáng	(XỆ)	Xê Xệ Xê	(XÀNG)
		Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Liu	(- -)
	29 -	Xế	(XANG)	Xế	(- -)
		Xang Xể	(- -)	Xang Tồn	(XẾ)
	30 -	Xang Xể	(- -)	Xê Xang	(- -)
		Liu Liu	(TỒN)	Xề Xang	(- -)
	31 -	Xê Xê	(XANG)	Xê Xể Tồn	(HÒ)
		Xứ Xứ	(LỈU)	Liu Phan Phạn	(LIU)
	32 -	Xê	(XẾ)	Xể Xê	(XÀNG)
		Liu Liu	(TỒN)	Xề Xang	(- -)
Lớp V :	33 -	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xê	(XANG)
		Xang Xê	(XẢNG)	Xang Xê	(XANG)
	34 -	Xảng Xế	(- -)	Liu Xàng	(- -)
		Liu Liu	(TỒN)	Xề Xang	(- -)
	35 -	Xê	(XANG)	Xang Xê Tồn	(LỊU)
		Xư Xang	(XÊ)	Tồn Xảng Xang	(HÒ)
	36 -	Liu	(XỄ)	Xể Xê	(XÀNG)
		Liu Liu	(XÀNG)	Xề Liu	(- -)
	37 -	Xê	(XANG)	Xang	(- -)
		Xảng Xê	(- -)	Xê Tồn	(HÒ)
	38 -	Xàng	(- -)	Tồn Xang	(- -)
		Xang Xể	(XÊ)	Tồn Hò	(- -)
	39 -	Tồn	(HÒ)	Hò Tồn	(XANG)
		Xê	(XẢNG)	Xế Xảng	(XANG)
	40 -	Liu Lỉu	(- -)	Phan Xàng	(- -)
		Liu Liu	(XÀNG)	Xề Xang	(- -)
Lớp VI :	41 -	Xê	(XANG)	Xang	(- -)
		Xang Xê	(- -)	Xể Xê Xang	(HÒ)
	42 -	Xề Ú	(- -)	Liu Phạn	(- -)
		Xề Xáng	(U)	Liu Phạn	(- -)
	43 -	Liu Xáng	(XỀ)	Xề Phạn	(LIU)
		Liu	(LỈU)	Xảng Xáng	(LIU)
	44 -	Liu	(XỄ)	Xể Xê	(XANG)
		Liu Liu	(TỒN)	Xề Liu	(- -)
	45 -	Xê	(XANG)	Xang	(- -)
		Liu Liu	(- -)	Liu Xáng	(XÀNG)
	46 -	Xàng Xệ	(- -)	Liu Xàng	(- -)
		Liu Liu	(TỒN)	Xề Xang	(- -)
	47 -	Xê	(XANG)	Xang Tồn Xư	(LỊU)
		Xư Xang	(XÊ)	Tồn Xảng Xang	(HÒ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

28 - (Lạ) lùng (chi)
Cái (giống) hôi tanh (- -)

29 - (Kiều) bạc phận (- -)
Biết khó (- -) trốn (tránh)

30 - Lúc (- -) ngửa nghiêng (- -)
Quản chi (là) thân danh (- -)

31 - Sa (cơn) ly (hoài)
Như hoa (- -) đã lìa (cành)

32 - (Tiếng) quyên (trổi)
Trổi (trót) năm canh (- -)

Lớp V :

33 - (Sầu) trời (thu)
Rã đôi (nhạn) Kim Lang (ôi)

34 - Lỡ (- -) làng (- -)
Nước (chảy) hoa trôi (- -)

35 - Đôi (ta) chưa cạn ân (tình)
Đà cam (- -) phụ nhau (rồi)

36 - (Nguyệt) đương (tròn)
Ai (nỡ) xẻ đôi (- -)

37 - Thúy (Vân) em (- -)
Có thương (- -) nỗi sụt (sùi)

38 - Phiền (- -) lòng em (- -)
Dám (xin) lên ngồi (- -)

39 - Mọi (đàng) tình (duyên)
Đau dạ (ngọc) mới hở (môi)

40 - (Có) đoái (tưởng)
Cho cái (kiếp) nổi trôi (- -)

Lớp VI :

41 - (Phiền) cùng em (- -)
Nối chút duyên (- -) trước đã nặng (lời)

42 - Thìn (- -) lòng son (- -)
Dám (đâu) đổi đời (- -)

43 - Xét (soi) chứng (tri)
Phú có (- -) lượng đất (trời)

44 - (Những) sắt (son)
Phải chi (điều) nói chơi (- -)

45 - Chẳng (may) khiến (- -)
Xui (- -) Sâm Thương rã (rời)

46 - Đoạn (- -) ly kỳ (- -)
Non (nước) xa khơi (- -)

47 - Phím (hương) tiên (thề)
Của chung (- -) nầy để (đời)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	48 - Liu	(XỂ)	Xể Xê	(XÀNG)
	Liu Liu	(TỒN)	Xề Liu	(- -)
Lớp VII :	49 - Xáng	(XÀNG)	Liu Liu	(XỆ)
(Trống Ai 1	Xê	(XÀNG)	Xệ Xê	(XÀNG)
thường gọi	50 - Liu Liu	(- -)	Xáng Xề	(- -)
Mái Ai 1)	Xề Xáng	(U)	Liu Phạn	(- -)
	51 - Liu Xáng	(XỀ)	Xề Phạn	(LIU)
	Liu Ú	(LỈU)	Lỉu Xứ	(LIU)
	52 - Liu Liu	(XỆ)	Xệ Xê	(XÀNG)
	Là Là	(HÒ)	Là Liu	(- -)
	53 - Xáng Xáng	(LIU)	Liu Xáng	(- -)
	Lỉu Liu	(- -)	Liu Xáng Liu	(XÀNG)
	54 - Xề Xệ	(- -)	Xê Xàng	(- -)
	Là Là	(HÒ)	Là Liu	(- -)
	55 - Xáng	(XÀNG)	Liu Liu	(XỆ)
	Xê Xế	(XẢNG)	Xảng Xê	(XÀNG)
	56 - Là Xê	(- -)	Là Hò	(- -)
	Xê Líu	(XỂ)	Xê Xang	(- -)
Lớp VIII:	57 - Xáng U Liu	(PHẠN)	Phạn	(- -)
(Trống Ai 2	Liu Phạn	(- -)	Xáng U Liu	(PHẠN)
thường gọi	58 - Phạn Liu	(- -)	Xáng Xề	(- -)
Mái Ai 2)	Xề Xáng	(U)	Liu Phạn	(- -)
	59 - Liu Xáng	(XỀ)	Xề Phạn	(LIU)
	Liu U	(LỈU)	Lỉu Xứ	(LIU)
	60 - Liu Liu	(XỆ)	Xệ Xê	(XÀNG)
	Là Là	(HÒ)	Là Liu	(- -)
	61 - Xáng Xáng	(LIU)	Liu Xáng	(- -)
	Lỉu Liu	(- -)	Xáng Liu	(XÀNG)
	62 - Xàng Xệ	(- -)	Xê Xàng	(- -)
	Là Là	(HÒ)	Là Liu	(- -)
	63 - Xáng	(XÀNG)	Liu Liu	(XỆ)
	Xê Xế	(XẢNG)	Xảng Xê	(XÀNG)
	64 - Là Xê	(- -)	Là Hò	(- -)
	Xê Líu	(XỂ)	Xê Xang	(- -)
Lớp IX :	65 - Xê	(XANG)	Xảng Xê Xang	(HÒ)
	Liu Phan	(XÀNG)	Liu Xệ Xề	(XANG)
	66 - Xang Xể	(- -)	Xế Xàng	(- -)
	Liu Liu	(TỒN)	Xề Xang	(- -)
	67 - Xế	(XẢNG)	Xang Xê Tồn	(LỊU)
	Xư Xang	(XÊ)	Tồn Xảng Xang	(HÒ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

48 - (Mối) dây (loan)
Xin (đừng) lơi (- -)

<u>Lớp VII</u> : 49 - Lúc phân (kỳ) ứa (lụy)
(Trống Ai 1 thường gọi Mái Ai 1) Chi xiết (kể) thảm (sầu)
50 - Dặm (- -) trường đình (- -)
Khách đã (giục) xa châu (- -)
51 - Đưa (mắt) nhìn (nhau)
Nỗi (thảm) kể xiết (đâu)
52 - (- -) Cơ (trời)
Biến đổi (bóng) biển dâu (- -)
53 - Xa (đưa) xem (- -)
Chứa (- -) chan mạch (sầu)
54 - Song (- -) thân thảm (- -)
Đôi (mày) châu (- -)
55 - Xa (loan) bỗng (liền)
Đã đến (- -) nơi giang (đầu)
56 - (Chiếc) thuyền tình (- -))
Đã (lướt) biển sâu (- -)

<u>Lớp VIII</u> : 57 - Quan (san) trải (- -)
(Trống Ai 2 thường gọi Mái Ai 2) Qua (- -) mấy dặm xa (xuôi)
58 - Lâm Thanh (- -) nầy (- -)
Phong cảnh (lạ) chi vui (- -)
59 - Phận bạc (vào) thanh (lâu)
Nỗi thảm (- -) kể xiết (tủi)
60 - (Ô) danh (nầy)
Tấc dạ (nào) nguôi (- -)
61 - Xót (thân) đã (- -)
Cam (- -) nỗi sụt (sùi)
62 - Phải (- -) Tú Bà (- -)
Lắm (điều) dể duôi (- -)
63 - Đem vóc (ngọc) mình (vàng)
Để cho (tro) nhơ thân (vùi)
64 - (Phận) lạc loài (- -)
Không (dễ) tới lui (- -)

<u>Lớp IX</u> : 65 - Đất khách bơ (vơ) liễu mai tơi (bời)
Gan thục (nữ) coi thác như (không)
66 - Đạm Tiên (- -) nàng (- -)
Thần (mộng) giao thông (- -)
67 - Biết cái (thân) liễu (bồ)
Trả chưa (xong) nợ má (hồng)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	68 -	Liu	(XỄ)	Xể Xê	(XÀNG)
		Liu	(XÀNG)	Xề Liu	(- -)
	69 -	Xê	(XANG)	Xang	(- -)
		Xảng Xê	(- -)	Xang Xê	(XỄ)
	70 -	Xang Xể	(- -)	Xế Xang	(- -)
		Liu Liu	(TỒN)	Xề Xang	(- -)
	71 -	Xê	(XANG)	Xang Xê Tồn	(LỊU)
		Xư Xang	(XÊ)	Tồn Xảng Xang	(HÒ)
	72 -	Liu	(XỄ)	Xể Xê	(XÀNG)
		Liu Liu	(TỒN)	Xề Xang	(- -)
Lớp X :	73 -	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xê	(XANG)
		Xang Xê	(XẢNG)	Xế Xảng	(XANG)
	74 -	Xảng Xế	(- -)	Liu Xàng	(- -)
		Liu Liu	(TỒN)	Xề Xang	(- -)
	75 -	Xê	(XANG)	Xang Xê Tồn	(LỊU)
		Xư Xang	(XÊ)	Tồn Xảng Xang	(HÒ)
	76 -	Liu	(XỄ)	Xể Xê	(XÀNG)
		Liu Liu	(XỀ)	Tồn Liu	(- -)
	77 -	Xê	(XANG)	Xang	(- -)
		Xảng Xê	(- -)	Xê Tồn	(HÒ)
	78 -	Xàng	(- -)	Tồn Xang	(- -)
		Xang Xể	(XÊ)	Tồn Hò	(- -)
	79 -	Tồn	(HÒ)	Hò Tồn	(XANG)
		Xê	(XẢNG)	Xế Xảng	(XANG)
	80 -	Liu	(- -)	Phan Xàng	(- -)
		Liu Phan	(XÀNG)	Xề Xang	(- -)

Nam Xuân : *(20 câu đầu)*

Lớp I :	1 -	Xê	(XANG)	Xang	(- -)
		Hò	(- -)	Tồn Xề	(XANG)
	2 -	Xang Xê	(- -)	Xê Xang	(- -)
		Liu Xáng	(TỒN)	Xề Xang	(- -)
	3 -	Xàng	(LIU)	Liu Xáng	(XÀNG)
		Liu Liu	(- -)	Liu Tồn Liu	(XỆ)
	4 -	Xệ Liu	(- -)	Xáng Xàng	(- -)
		Liu Xáng	(XÀNG)	Xề Xang	(- -)
	5 -	Xê	(XANG)	Xang Xể	(- -)
		Xàng	(- -)	Liu Liu	(XỆ)
	6 -	Xệ Liu	(- -)	Xáng Xàng	(- -)
		Liu Xáng	(XÀNG)	Xề Xang	(- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

68 - Nơi Tiền (Đường) (sau)
Sẽ (đợi) trông (- -)
69 - Giấc (mộng) tỉnh (- -)
Chắc (- -) biết kiếp (sống)
70 - Nhơ nhuốt (- -) náu nương (- -)
Rủi may (nhờ) Thiên công (- -)
71 - Nửa (nhớ) ơn cha (mẹ)
Nửa chạnh (- -) tình đèo (bồng)
72 - (- -) Năm (canh)
Những (thảm) sầu đong (- -)

Lớp X :

73 - Tú (Bà) Sở (Khanh)
Thi kế (hiểm) thiết mưu (cao)
74 - Yến (- -) anh nầy (- -)
Lụy cho (người) lao đao (- -)
75 - (Tơ) tuần (hoàn)
Đổi (thay) lường đặng (nào)
76 - (May) (đâu)
Gặp (chốn) thân giao (- -)
77 - Thúc (sanh) từ khi (- -)
Kết (- -) duyên má (đào)
78 - Bạn (- -) thiền quyên (- -)
Biết (trang) anh hào (- -)
79 - Như (hạn) gặp mưa (rào)
Cá (hết) trông (sao)
80 - Ái (ân) so (tài)
Dây tơ (hồng) vui trao (- -)

Nam Xuân : *(20 câu đầu)*

Lớp I :

1 - (Nay) đã (- -)
Cam bề (- -) tùng (lương)
2 - Bạn (- -) tri âm (- -)
Gởi tấm (lòng) băng sương (- -)
3 - (Sấm) sét (nầy)
Nhờ mang (ơn) Huyện (Đường)
4 - (Nghiêm) thân rày (- -)
Đoái (phận) càng thương (- -)
5 - Đôi (- -) lứa (- -)
Phỉ tình (- -) mừng duyên loan (phượng)
6 - Nối (- -) dây cầm (- -)
Như toại (lòng) Thôi Trương (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	7 - Xê	(XANG)	Xảng Ú Liu	(PHẠN)	
	Phạn	(XỀ)	Xề Phạn	(LIU)	
	8 - Phạn Liu	(LỈU)	Lỉu U Liu	(PHẠN)	
	Liu Liu	(TỊCH)	Xàng Liu	(- -)	
Lớp II :	9 - Xê	(XANG)	Xang	(- -)	
	Xảng Xê	(- -)	Xế Xê Xang	(HÒ)	
	10 - Xàng	(- -)	Tồn Xang	(- -)	
	Xang Xế	(XÊ)	Tồn Hò	(- -)	
	11 - Tồn	(HÒ)	Hò Tồn	(XANG)	
	Xê	(XẢNG)	Xê Xảng	(XANG)	
	12 - Tồn Liu	(- -)	Xáng Xàng	(- -)	
	Liu Xáng	(XÀNG)	Xề Xang	(- -)	
	13 - Xê	(XANG)	Xang Xể	(- -)	
	Xang Xể	(- -)	Xê Tồn Xang	(XỀ)	
	14 - Xể Xế	(- -)	Xế Xang	(- -)	
	Liu Xáng	(XÀNG)	Tồn Xang	(- -)	
	15 - Xế Xế	(XANG)	Xảng Xang Tồn	(PHAN)	
	Liu Tồn	(LIU)	Xáng Liu Xế	(TÍCH)	"Líu"
	16 -	(LIU)	Liu Xáng	(XÀNG)	
	Liu Xáng	(XỀ)	Phạn Liu	(- -)	
Lớp III :	17 - Xê	(XANG)	Xang	(- -)	
	Hò	(- -)	Tồn Xề	(XANG)	
	18 - Xang Xê	(- -)	Xê Xang	(- -)	
	Liu Xáng	(TỒN)	Xề Xang	(- -)	
	19 - Xê	(XANG)	Xảng Ú Liu	(PHẠN)	
	Phạn	(XỀ)	Xề Phạn	(LIU)	
	20 - Phạn Liu	(LỈU)	Lỉu U Liu	(PHẠN)	
	Liu Liu	(TỊCH)	Xàng Liu	(- -)	

ĐẢO NGŨ CUNG

(52 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

<u>4 câu phản xuân</u> :

1 - Xê	(XANG)	Xang Xê	(- -)	
Xang	(- -)	Xê Xang	(LỊU)	
2 - Ú Liu Phàn	(- -)	Phàn Xê	(- -)	
Xáng Xáng	(TỒN)	Xang Xê	(- -)	
3 - Xang	(XÊ)	Xang Xể	(XÊ)	
Xê	(- -)	Xể Xê Xang	(LỊU)	

Digitized by www.namkyluctinh.org

7 - (Sánh) trong cõi (trần)
Hiệp ly (- -) ấy lẽ (thường)
8 - Đặng nguôi (lòng) chút phận tha (hương)
Rủi may (dễ) chi lường (- -)
9 - (Trong) chốn an vui (- -)
Khiến đố nữ (- -) tay lạ (lùng)
10 - Phận (- -) bèo mây (- -)
Chẳng cho (vẹn) câu tùng (- -)
11 - Càng (- -) dày gió (mưa)
Càng (- -) tươi huê (dung)
12 - Một (niềm) hiếu (trung)
Miễn cho (tròn) thủy chung (- -)
13 - (Cơn) hoạn nạn (- -)
Đá (- -) sắt dễ (núng)
14 - Phận (- -) nữ nhi (- -)
Quản chi (là) kiết hung (- -)
15 - Riêng (than) ngơ ngẩn dây (cầm)
Bao nỡ (dứt) lòng chàng (Thúc)
16 - Lánh (mình) nương cửa (thiền)
Cam phụ (lời) non sông (- -)
17 - (Chiêu) am (- -)
Từ (- -) bạn cùng Giác (Duyên)
18 - Cám (- -) nghĩa sâu (- -)
Dốc báo (đền) chưa yên (- -)
19 - (Nợ) phong (trần)
Đâu Bạc (Bà) đem cho (liền)
20 - Vận (thời) lại (đưa)
Đến (người) hiệp duyên (- -)

ĐẢO NGŨ CUNG
Tích Thúy Kiều (tiếp theo)

<u>4 Câu Phản Xuân</u> :

1 - Bỗng (đâu) có (- -)
Khách (- -) nơi biên (đình)
2 - Người (- -) hào kiệt (- -)
Sánh (trang) thiền quyên (- -)
3 - Nước (non) tri (âm)
Đôi tấm (lòng) ưa phỉ (nguyền)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	4 - Xư	(- -)	Ú Liu Phan	(- -)
	Ú Liu	(PHÀN)	Phàn Xê	(- -)

Vô Đảo Ngũ Cung :

Lớp I :	1 - Xang	(XÊ)	Xang Xể	(XÊ)
	Xang Xê	(- -)	Xê Xê Xang	(LỊU)
	2 - Xư	(- -)	Ú Liu Phan	(- -)
	Ú Liu	(PHÀN)	Phàn Xê	(- -)
	3 - Xang	(XÊ)	Xang Xể	(XÊ)
	Xáng Ú	(LIU)	Phan Liu Phan	(XỀ)
	4 - Phan Liu	(- -)	Xáng Xề	(- -)
	Liu Phan	(XỀ)	Xàng Liu	(- -)
	5 - Tồn	(LIU)	Liu Liu Ú	(LIU)
	Liu Liu	(- -)	Liu Phan	(XỀ)
	6 - Phan Liu	(- -)	Phan Xề	(- -)
	Liu Phan	(XỀ)	Phan Ú	(- -)
	7 - Ú Xáng	(XỀ)	Xề Xáng	(Ú)
	Xề Xáng	(Ú)	Xề Ú Liu	(PHAN)
	8 - Liu Xáng	(Ú)	Liu Phan	(- -)
	Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(- -)
Lớp II :	9 - Xư	(XANG)	Xang Xư Xư	(XANG)
	Ú Xáng	(XỀ)	Xàng Xề Phan	(LIU)
	10 - Liu Ú	(- -)	Xáng Xề	(- -)
	Phan Xáng	(XỀ)	Phạn Liu	(- -)
	11 - Tồn	(LIU)	Xế Xáng	(LIU)
	Liu	(- -)	Liu Phan	(XỀ)
	12 - Phan Xáng	(XÀNG)	Phan Xề	(- -)
	Liu Liu	(XỀ)	Phạn Liu	(- -)
	13 - Tồn	(LIU)	Xế Xáng	(LIU)
	Liu	(- -)	Liu Phan	(XỀ)
	14 - Phan Xáng	(XÀNG)	Phan Xề	(- -)
	Liu Liu	(XỀ)	Phan Ú	(- -)
	15 - Ú Xáng	(XỀ)	Xề Xáng	(Ú)
	Xề Xáng	(Ú)	Xề Ú Liu	(PHAN)
	16 - Liu Xáng	(Ú)	Liu Phan	(- -)
	Ú Liu	(PHÀN)	Phàn Xê	(- -)
Lớp III :	17 - Xang	(XÊ)	Xê Xể	(XÊ)
	Xê	(- -)	Xê Xang	(XÊ)
	18 - Xể Xê	(- -)	Xê	(- -)
	Ú Liu	(PHÀN)	Phàn Xê	(- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

4 - Nơi (- -) trướng huê (- -)
Loan phụng) ngửa nghiêng (- -)

Vô Đảo Ngũ Cung :

Lớp I :

1 - (Gái) đức (tài)
Văn chương (- -) nết na trọn (vẹn)
2 - Sánh vai (- -) cùng (- -)
Trai râu (hùm) sánh duyên (- -)
3 - Từ (đây) gót (sen)
Đã thoát (- -) vòng nảo (phiền)
4 - Quyết (trọn) một giềng (- -)
Mừng thân (nầy) được yên (- -)
5 - Đứng nam (nhi) chí bốn (phương)
Nay (- -) một lời giao (hẹn)
6 - Cơn (- -) phong trần (- -)
Gươm anh (hùng) mài bén (- -)
7 - Sắc (tài) cơn giông (tố)
Nào (sá) chi thân (hèn)
8 - (Câu) tiết nghĩa (- -)
Cũng (khá) khen (- -)

Lớp II :

9 - (Trai) như Từ (Công)
Đáng giá (- -) khách tài (ba)
10 - Chí (- -) lọc lừa (- -)
Lướt biển (trời) cao xa (- -)
11 - Trót nửa (năm) non (sông)
Vững một (chèo) thâu nửa sơn (hà)
12 - (Danh) chói lòa (- -)
Cuộc vui (vầy) khải ca (- -)
13 - Kiều (nương) vững sắt (son)
Quyết (- -) tình một (dạ)
14 - Còn nhiều (- -) hiểm nghèo (- -)
Chi phai (lòng) vàng đá (- -)
15 - Bỗng (liền) thấy mười (tướng)
Kiệu (rước) đến bên (nhà)
16 - Rực (rỡ) thay là (- -)
(Loan) phụng ca (- -)

Lớp III :

17 - (Lịnh) ban (ra)
Kíp truyền (- -) tiếp giá vu (qui)
18 - Tiếng (- -) trúc tơ (- -)
Vang nghê (thường) vũ y (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	19 -	Xang Xang	(XÊ)	Xang Xể	(XÊ)
		Xể Xê	(- -)	Xê Xang	(LỊU)
	20 -	Liu Ú	(- -)	Liu Phan	(- -)
		Ú Liu	(PHÀN)	Phàn Xê	(- -)
	21 -	Xang Xang	(XÊ)	Xang Xể	(XÊ)
		Xể Xê	(- -)	Xê Xang	(LỊU)
	22 -	Liu Ú	(- -)	Liu Phan	(- -)
		Ú Liu	(PHÀN)	Phàn Xê	(- -)
	23 -	Xang	(XÊ)	Xể Xê	(XÊ)
		Xê Xang	(XƯ)	Xang Xang	(XƯ)
	24 -	Xang Xê	(- -)	Xang Xư	(- -)
		Xê Xang	(XƯ)	Xế Xang	(- -)
Lớp IV :	25 -	Xang	(XÊ)	Xể Xê	(XÊ)
		Xê Xang	(XƯ)	Xang Xang	(XƯ)
	26 -	Xang Xê	(- -)	Xang Xư	(- -)
		Xang Xang	(XƯ)	Xế Xang	(- -)
	27 -	Tồn	(LIU)	Xế Xáng	(LIU)
		Liu	(- -)	Liu Phan	(XỀ)
	28 -	Phan Xáng	(XÀNG)	Phan Xề	(- -)
		Liu Liu	(XỀ)	Phạn Liu	(- -)
	29 -	Tồn	(LIU)	Xế Xáng	(LIU)
		Liu	(- -)	Liu Phan	(XỀ)
	30 -	Phan Xáng	(XÀNG)	Phan Xề	(- -)
		Liu Liu	(XỀ)	Phan Ú	(- -)
	31 -	Ú Xáng	(XỀ)	Xề Xáng	(Ú)
		Xề Xáng	(Ú)	Xề Ú Liu	(PHAN)
	32 -	Liu Xáng	(Ú)	Liu Phan	(- -)
		Ú Liu	(PHAN)	Liu Ú	(- -)
Lớp V :	33 -	Xáng	(Ú)	Ú Ủ	(Ú)
		Ú Liu	(PHAN)	Phan Liu	(Ú)
	34 -	Phan Xáng	(XÀNG)	Phan Xề	(- -)
		Liu Liu	(XỀ)	Phan Ú	(- -)
	35 -	Tồn	(LIU)	Liu Liu Ú	(LIU)
		Liu Liu	(- -)	Liu Liu Phan	(XỀ)
	36 -	Phan Xáng	(XÀNG)	Phan Xề	(- -)
		Liu Phan	(XỀ)	Phan Ú	(- -)
	37 -	Tồn	(LIU)	Liu Liu Ú	(LIU)
		Liu Liu	(- -)	Liu Liu Phan	(XỀ)
	38 -	Phan Xáng	(XÀNG)	Phan Xề	(- -)
		Liu Phan	(XỀ)	Phan Ú	(- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

19 - (Gió) đưa (xuân)
Bên (đường) sanh (kỳ)
20 - (Cuộc) tao phùng (- -)
Rạng (danh) nữ nhi (- -)
21 - (Nay) Từ Công thân (nghinh)
Áo xiêm (- -) chỉnh (bị)
22 - Giáp (- -) mặt cùng (- -)
Đẹp (lòng) tương tri (- -)
23 - (Công) bấy (lâu)
Đợi (chờ) nay phải (thì)
24 - (Phỉ) vui vầy (- -)
Trọn đạo hội (hiệp) cố tri (- -)

Lớp IX : 25 - Oán (ân) nay (còn)
Dốc báo (đền) chưa (an)
26 - Xét (- -) thân nầy (- -)
Lúc mưa (gió) nắng chang (- -)
27 - (So) đôi (nơi)
Ân tình (cùng) phụ (phàng)
28 - (Nghe) mấy lời (- -)
Bất (bình) sấm vang (- -)
29 - (Tay) anh (hùng)
Như khêu (- -) xúc động gan (vàng)
30 - Nơi (- -) trướng tiền (- -)
Quân (lịnh) truyền phán (- -)
31 - Hùng (hổ) tùy (tướng)
Sắp đội (ngũ) sẵn (sàng)
32 - Hạch (các) tội phạm (- -)
Cung chiêu (rồi) thẩm án (- -)

Lớp V : 33 - Giác (Duyên) người (xưa)
Đã vẹn (- -) tình (hảo)
34 - Đến (- -) Hoạn Thơ (- -)
Xét lý (tình) châu đáo (- -)
35 - Thúc (Sanh) cố (nhân)
Phải đáp (đền) nghĩa anh (hào)
36 - Truyền lễ (đưa) gấm tiền (- -)
Tạ lòng (xin) trả thảo (- -)
37 - Dẫn (ác) trước tội (nhơn)
Cửa (viên) đồng đưa (vào)
38 - Trước (- -) lịnh tiền (- -)
Giác Duyên (lời) từ cáo (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	39 -	Ú Xáng	(XỀ)	Xề Xáng	(Ú)
		Xề Xáng	(Ú)	Xề Ú Liu	(PHAN)
	40 -	Liu Xáng	(Ú)	Liu Phan	(- -)
		Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(- -)
Lớp VI :	41 -	Xư	(XANG)	Xang Xư Xư	(XANG)
		Liu Phan	(XỀ)	Xàng Xề Phạn	(LIU)
	42 -	Ú Xáng	(LIU)	Phan Xề	(- -)
		Liu Phan	(XỀ)	Phạn Liu	(- -)
	43 -	Tồn	(LIU)	Xế Xáng	(LIU)
		Liu	(- -)	Liu Phan	(XỀ)
	44 -	Phan Xáng	(XÀNG)	Phan Xề	(- -)
		Liu Phan	(XỀ)	Phạn Liu	(- -)
	45 -	Tồn	(LIU)	Xế Xáng	(LIU)
		Liu	(- -)	Liu Phan	(XỀ)
	46 -	Phan Xáng	(XÀNG)	Phan Xề	(- -)
		Liu Phan	(XỀ)	Phan Ú	(- -)
	47 -	Ú Xáng	(XỀ)	Xề Xáng	(Ú)
		Xề Xáng	(Ú)	Xề Ú Liu	(PHAN)

(Chuyển hơi ai oán và chuyển cung từ Hò Tư sang Hò Nhứt để qua Song Cước).

	48 -	Xang Xê	(CỐNG)	Xê Xang	(- -)
		Liu Phan	(XỀ)	Xàng Liu	(- -)

Song Cước :

Lớp I :	1 -	Xáng	(XÀNG)	Liu Xệ	(- -)
		Liu	(- -)	Xáng Tồn	(LIU)
	2 -	Liu Xáng	(- -)	Xáng Xàng	(- -)
		Liu Xáng	(TỒN)	Là Liu	(- -)
	3 -	Là	(LIU)	Xê Líu	(HÒ)
		Hò Liu	(- -)	Xệ Liu	(XÀNG)
	4 -	Liu Xáng	(- -)	Liu Xàng	(- -)
		Xư Liu	(Xệ)	Xừ Liu	(- -)
	5 -	Là	(LIU)	Xê Líu	(HÒ)
		Hò Liu	(- -)	Xệ Liu	(XÀNG)
	6 -	Liu Xáng	(- -)	Liu Xàng	(- -)
		Xư Liu	(XỆ)	Xừ Liu	(- -)
	7 -	Xáng	(XÀNG)	Lủu Liu	(XỆ)
		Xàng Xàng	(- -)	Liu Xề	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

39 - Lành (dữ) rành (rẽ)
Người (dễ) than (nào)
40 - (Y) ước thệ (- -)
Lịnh (xuống) khai đao (- -)

<u>Lớp VI</u> : 41 - (- -) Oán (ân)
Xong (rồi) bái tạ trước Từ (Công)
42 - Thỏa (- -) tấm lòng (- -)
Biển oán (đà) sạch không (- -)
43 - Chỉn (ghê) máy Thiên (Công)
Tôn (Hiến) vừa đem binh (rồng)
44 - Chước bãi (binh) giao huề (- -)
Tương (lễ) thông (- -)
45 - Mưu (gian) tiếc (thay)
Uổng (-) trang anh (hùng)
46 - Gái (- -) sắc tài (- -)
Lụy (mình) thêm khốn đốn (- -)
47 - Nợ (trần) đành (phủi)
Gởi (thân) chốn đáy (sông)

(Chuyển hơi ai oán và chuyển cung từ Hò Tư sang Hò Nhứt để qua Song Cước).

48 - Nhiệm (mầu) cơ trời (- -)
Chẳng sai (lầm) mảy lông (- -)

<u>Song Cước</u> :

<u>Lớp I</u> : 1 - (Vì) hẹn (- -)
Cám thương (- -) vãi Giác (Duyên)
2 - Thảo (am) đành (- -)
Ở đợi (chờ) mấy niên (- -)
3 - Bủa (lưới) ngăn (sông)
Thủy (chung) trọn lời (nguyền)
4 - Nương (- -) cửa Phật (- -)
Bạn (cùng) thiền quyên (- -)
5 - (Nay) đã (phỉ)
Cốt (- -) nhục vẹn (tuyền)
6 - Cháu (- -) con hiền (- -)
Thinh danh (sử) còn biên (- -)
7 - Duyên Kim (Kiều) may tái (hợp)
Lời hẹn (xưa) đã phỉ (nguyền)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	8 -	Xang Xể	(- -)	Xê Xang	(- -)
		Xang Xế	(XỂ)	Xê Xàng	(- -)
Lớp II :	9 -	Xáng	(XÀNG)	Liu Xệ	(- -)
		Liu	(- -)	XángTồn	(LIU)
	10 -	Liu Xáng	(- -)	Xáng Xàng	(- -)
		Liu Xáng	(TỒN)	Là Liu	(- -)
	11 -	Là	(LIU)	Xê Líu	(HÒ)
		Hò Liu	(- -)	Xệ Liu	(XÀNG)
	12 -	Liu Xáng	(- -)	Liu Xàng	(- -)
		Liu Xáng	(XỆ)	Xừ Liu	(- -)
	13 -	Là	(LIU)	Xê Líu	(HÒ)
		Hò Liu	(- -)	Xệ Liu	(XÀNG)
	14 -	Liu Xáng	(- -)	Liu Xàng	(- -)
		Liu Xáng	(XỆ)	Xừ Liu	(- -)
	15 -	Xáng	(XÀNG)	Tồn Liu Liu	(XỆ)
		Phan Liu	(- -)	Liu Xáng	(XÀNG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

8 - Cầm (sắt) hòa (- -)
Bõ (lúc) đeo phiền (- -)

<u>Lớp II</u> : 9 - (Nhơn) khi (- -)
Nhàn hạ (- -) chốn thiên (hoa)
10 - Bút (- -) tay đề (- -)
Quyền Phong (Tình) phổ ra (- -)
11 - Nghiệp (duyên) xét (trong)
Cơ (trời) khi dung (hòa)
12 - So (- -) đôi ngả (- -)
Đà (toại) lòng ta (- -)
13 - (Phan) Trúc (Quân)
Bốn bể (- -) đâu đâu cũng là (nhà)
14 - Đem (- -) nghề mọn (- -)
Phổ (nên) huyền ca (- -)
15 - Chung (tình) ai giữ (vẹn)
Giai (ngẫu) mới nên chăng (là)

(Trước kia, khoảng cuối thế kỷ 19 và những thập niên đầu thế kỷ 20, đờn ca 3 bản Nam phải đờn suốt 239 câu như bài ca Tích Thúy Kiều nêu trên, nhưng hiện nay chỉ đờn ca riêng từng bản và trích ra mỗi bản vài lớp tiêu biểu mà thôi).

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Nhị Tấn

Phần Phụ Lục

Trung Tâm Văn Hóa quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử quận 8
– 1997 –
Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

ĐẢO NGŨ CUNG
Gương mê sắc (Lòng dạ đàn bà)

Soạn lời : Sáu Hải

1 - Thanh (niên) nếu (- -)
Muốn khỏi (- -) lụy vì (tình)
2 - Thì cần (- -) soi gương (- -)
Của (người) đời xưa (- -)
3 - Như Trụ (Vương) say mê Tô (Nương)
Tửu sắc tơi (bời) phế bỏ ngôi (trời)
4 - Vì một (mối) dục tình (- -)
Giết chú (là) Tỷ Cang (- -)
5 - Lấy linh lung (tâm) cho mỹ (nhân)
Để tiếng dâm (loàn) nhơ nhớp ngai (vàng)
6 - Làm lỗi (- -) đạo quân thần (- -)
Phụ cơ (nghiệp) Thành Thang (- -)
7 - Chung (qui) cũng tại con hồ (ly)
Xã tắc điêu (tàn) thân thế bẽ (bàng)
8 - Thác xuống (- -) suối vàng (- -)
Miệng thế (vẫn) cười chê (- -)
9 - Tài (cao) trí (cả)
Mấy ai (- -) bằng Châu Minh (Hoàng)
10 - Kế vị (- -) miếu bằng (- -)
Thần dân (đều) cảm đức (- -)
11 - (Vỗ) an lê (thứ)
(Nghĩa) khí có (dư)
12 - Vì một (mối) tình tư (- -)
Cùng Bao (Tỷ) mà hư (- -)
13 - Xé lụa (tơ) phá của (kho)
Đốt lửa (thành) gạt lê (dân)
14 - Thất lễ (với) chư hầu (- -)
Khinh (thường) quần liêu (- -)
15 - Đến (sau) bị giặc (vây)
Ra khổ (- -) bao nhiêu (lần)
16 - Tướng sĩ (chẳng) ân cần (- -)
Nên phải (đành) thiệt thân (- -)
17 - (Ôi) rất gớm ghê (thay)
Cho (- -) lòng dạ đàn (bà)
18 - Hư cửa (- -) hại nhà (- -)
Đổ (thành) nghiêng nước (- -)
19 - Trước (kia) khi Từ Hải (Thọ)
Võ (- -) dõng hiên (ngang)
20 - Hùng (cứ) nhứt phang (- -)
Nào có (sợ) gì ai (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

21 - (Sau) phải bị sa (cơ)
Là vì (- -) bởi lầm (mưu)
22 - Vợ là (- -) Huê Đàng (- -)
Cùng quân (nghịch) đồ mưu (- -)
23 - (Phục) rượu cho (say)
Giặc đến (- -) còn chưa (tường)
24 - Nên phải (- -) bỏ mình (- -)
Chịu (xử) bá đao (- -)
25 - (Những) mùi phú (quí)
Rẽ phân (- -) nghĩa vợ tình (chồng)
26 - Đem thói (- -) bưởi bồng (- -)
Thấy (biết) là bao (- -)
27 - Như (nàng) Phan Kim (Liên)
Vợ của (- -) Võ Đại (Lang)
28 - Chê chồng (- -) bần hàn (- -)
Phụ rãy (nghĩa) tào khang (- -)
29 - Muốn (đem) mảnh hường (nhan)
Bán rẻ (- -) chỗ giàu (sang)
30 - Nhưng ngặt (duyên) đã lỡ làng (- -)
Nên (mới) lầm than (- -)
31 - (Dứt) nẻo trái (oan)
Mưu (- -) độc thuốc (chồng)
32 - Bẻ (gãy) chữ đồng (- -)
Đặng (có) vầy duyên (- -)
33 - (Cùng) Tây Môn (Khánh)
Chớ (- -) chẳng kể (gì)
34 - Nhứt (dạ) đồng sàng (- -)
Thiên chung (hề) dạ ái (- -)
35 - (Nhứt) nhựt phu (thê)
(Hề) bá tải (ân)
36 - Cho (đến) hôm nay (- -)
Tích Võ (Tòng) sát tẫu (- -)
37 - Còn (bia) miệng thế (gian)
Đàm (tiếu) chuyện trái (oan)
38 - (Ôi) nhơn tình gì (- -)
Như (môn) tiền tuyết (- -)
39 - (Còn) ai chung (thủy)
Như (- -) thảo thượng (sương)
40 - Mới (chuộng) thì thương (- -)
Cũ (vong) lại ghét (- -)
41 - (Mấy) ai dám (chắc)
Thế (- -) sự thăng (trầm)
42 - Nghe (thì) phải lầm (- -)
Tin (thì) phải mắc (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

43 - (Lòng) người bất (trắc)
(Chớ) khá theo (chi)
44 - Những (tiếng) đẩy đưa (- -)
Chót (lưỡi) đầu môi (- -)
45 - Ai (ơ)i hể âu yếm bao (nhiêu)
(Thì) đoạn trường bấy (nhiêu)
46 - Dầu mình (có) muốn gần (- -)
Mà thiếu (sót) kim ngân (- -)
47 - (Thì) sự giao (thân)
Chi (- -) dễ nhiều (lần)
48 - Lâm (cảnh) cơ bần (- -)
Là (phải) lìa phân (- -)
49 - (Yêu) nhau vì (của)
Mến (- -) nhau vì (tiền)
50 - Phụ cũng (tại) vì tiền (- -)
Vong cũng (tại) vì của (- -)
51 - Nào ai (là) người trượng (nghĩa)
Nào (ai) đi bán chung (tình)
52 - Mà (nhọc) công trình (- -)
Câu hải (thệ) sơn minh (- -)

Song Cước : 1 - Trang (Tử) thử vợ (- -)
Lưu (- -) Cổ Bồn (Ca)
2 - Rằng nếu (- -) chẳng may (- -)
Ta có (thác) đi rồi (- -)
3 - (Thê) di tha nhơn (luyến)
Vợ (- -) giao tình cùng (người)
4 - Gia di (- -) tha nhơn cư (- -)
Nhà về (tay) người coi (- -)
5 - Điền (di) tha nhơn (canh)
Ruộng (- -) về tay người (cày)
6 - Mã (di) tha nhơn khóa (- -)
Ngựa về (tay) người đi (- -)
7 - Tử (di) tha nhơn (mạ)
Con (- -) về tay người (sai)
8 - Ôi (- -) gớm ghê thay (- -)
Cho cái (thói) dâm loàn (- -)
9 - Hữu nhan (sắc) hữu ác đức (- -)
Hữu xảo ngôn (- -) hữu lang (tâm)
10 - Những (- -) lời chung thủy (- -)
Là tiếng (hẹn) qua đường (- -)
11 - (Vẻ) bá mị thiên (kiều)
Để hại (- -) người nhiều (điều)
12 - Nghĩa trọng (- -) tài khinh (- -)
Đâu có (biết) là ai (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

13 - (Chung) qui chí (quyết)
Cũng (- -) tại vì tiền (tài)
14 - Ân mảng (- -) tình hoài (- -)
Cũng tại (vì) kim ngân (- -)
15 - Trường (đồ) tri mã (lực)
Sự (cựu) kiến nhơn (tình)

❄❄❄

Digitized by www.namkyluctinh.org

Đờn Tỳ Bà Với Nhạc Tài Tử

Bài viết : Nguyễn Tấn Nhì

Đờn Tỳ Bà có mặt rất lâu đời trong dàn Nhạc cổ truyền Việt Nam. Khi chưa có đờn ghi ta phím lõm, nó đã giữ một vị trí rất quan trọng trong việc hòa âm. Âm thanh phong phú, tiếng đục tiếng trong của những lái đờn trầm bổng, song thinh, reo dây, quyện nhau trong các làn điệu dân tộc, đã nâng nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ một thời lên đỉnh cao.

Cố nhạc sĩ Nguyễn văn Thinh tục gọi ông Giáo Thinh, được giới chơi nhạc kính nể như bực Hậu Tổ của Đờn ca tài tử Nam bộ, đã học Nhạc cổ truyền vào năm 14 tuổi, đầu tiên là học đờn Tỳ Bà với cụ Sư Dung ở Thủ Dầu Một. Những ngón đờn Tỳ Bà tuyệt diệu của ông Năm Diệm đất Mỹ Tho, cũng như cây đờn Tỳ Bà có phím ngà quí giá của thầy đờn Nguyễn Tùng Bá, nay đã thất lạc, được hai học giả Vương Hồng Sển và Trần văn Khải kể lại, cho thấy cách nay khoảng sáu bảy mươi năm, đờn Tỳ Bà còn được trân trọng và còn được nhiều người tìm học.

<u>Đờn Tỳ Bà xuất hiện ở Việt Nam vào thời nào</u> ?

Xa hơn đời nhà Trần thì thật rất khó biết là đờn Tỳ Bà có mặt trong dàn Nhạc dân tộc Việt Nam hay không. Có lẽ đờn Tỳ Bà đã xuất hiện ở Trung Quốc trước chúng ta.

Hốt văn thủy thượng Tỳ Bà thanh
Chủ nhân vong qui khách bất phiết

<u>Dịch nôm</u> : Tiếng Tỳ chợt vẳng trên sông
Chủ quên trở lại khách không vội về
(Đường Thi – Trần Trọng Kim – Nhà xuất bản Tân Việt)

Hai câu thơ trên đây, trích trong bài Trường cú ca mang tên Tỳ Bà Hành của thi hào Bạch Cư Dị, làm vào năm Nguyên Hòa thứ 10 đời vua Hiến Tôn nhà Đường năm 816, đã minh chứng cách nay hơn 1.000 năm ở Trung Quốc, đờn Tỳ Bà đã có mặt, rất hấp dẫn và làm say mê lòng người.

Đời nhà Trần (1.226 - 1.400) , ở nước ta mới thấy có sử sách ghi sự có mặt của đờn Tỳ Bà cùng hòa chung với các nhạc cụ khác như đờn Cầm, đờn Tranh, đờn Thất Huyền, Song Huyền, Ống Địch, Ống Sáo, (quyển An Nam Chí Lược của Lê Tắc (1300) và Sứ Giao Châu Tập của viên sứ giả nhà Nguyên, viết về ca vũ đời Trần).

Nguồn gốc:

Hầu hết các nhà nghiên cứu sưu tầm về âm nhạc, đều cho đờn Tỳ Bà là một nhạc cụ của dân tộc Hồ, một dân tộc ở về phía Tây Bắc Trung Quốc sáng chế nên

Digitized by www.namkyluctinh.org

đặt thêm cho nó một cái tên nữa là Hồ Cầm. Cách chế tác đờn Tỳ Bà rất gọn nhẹ, tiện lợi cho dân du mục vừa cỡi ngựa vừa khảy đờn.

Hai tiếng Tỳ Bà là cách phát âm của người Trung Quốc gọi đờn này là P'i P'a, ta dịch là Tỳ Bà, là do nghe hai thanh hợp âm của 4 dây đờn khi lấy tay khảy ngược lên từ bổng về trầm nghe tiếng P'i (tỳ), khảy xuôi xuống từ trầm lên bổng nghe tiếng P'a (bà).

Cấu trúc:

Đờn Tỳ Bà có thùng đóng bằng gỗ thông, mít, trắc hoặc ván hương, mặt làm bằng gỗ ngô đồng, lưng qui cổ phụng, đầu chạm hình dơi, mắc 4 dây có kích thước từ to đến nhỏ, trên gắn 4 trục. Cần đờn từ trên xuống được trang trí bằng 4 gò nhô lên gọi là mã Tứ Thiên Vương, tiếp theo gắn 9 phím, có một phím lẻ bằng phân nửa các phím khác gắn dưới cùng, cộng chung là 13.

Xuyên qua cách cấu trúc của đờn Tỳ Bà, ta thấy nhạc cụ này còn giữ nhiều điểm tương đồng với đờn Diêu Cầm cổ của Trung Quốc do vua Phục Hy sáng chế, ít nhứt là về căn bản của dịch lý âm dương ngũ hành trong Triết học đông phương. Trong cách bố trí âm thanh của các phím đờn, vẫn còn lưu lại nhiều nét của các biểu tượng thái cực, lưỡng nghi, tứ tượng, bát quái (4 mùa, 8 tiết, 12 tháng cộng 1 tháng nhuần trong năm).

Tính năng:

Đờn Tỳ Bà thích hợp với nền Âm nhạc cổ truyền đông phương, năm cung bảy thanh nên nó đã hội nhập một cách dễ dàng vào dàn Nhạc cổ truyền của chúng ta và không gây ra sự lai căng mất gốc của các làn điệu dân tộc mình.

Âm thanh bố trí từ trên xuống theo thứ tự của 7 thanh trong hệ thống ngũ cung cổ truyền của Trung Quốc là Hò, Xự, Y, Xang, Xê, Cống, Phán. Như vậy cách gắn phím đờn Tỳ Bà cũng giống như cách gắn phím của đờn Sến, đờn Đoản, không có chữ bán cung như các loại đờn khảy tây phương (âm thanh bình quân).

Đờn Tỳ Bà khi chưa được cải tiến, tính năng của nó còn rất hạn chế, chỉ thích hợp với các làn điệu dân ca đơn giản và các hơi điệu Bắc, Quảng, Tiều mà thôi.

Thời gian vài thập niên trở lại đây, đờn Tỳ Bà đã được bỏ hẳn 4 gò mả Tứ Thiên Vương, và được gắn phím thay vào đó thành 13, 14, 15,16 phím, tùy theo ý của người sử dụng. Sau khi được cải tiến bằng cách gắn thêm phím, đờn Tỳ Bà diễn đạt một cách tài tình hai dòng nhạc bình dân và bác học của các hơi điệu Bắc, Hạ, Nam, Oán, Ngự.v.v...của Đờn ca tài tử Nam bộ Việt Nam.

Digitized by www.namkyluctinh.org

Sự thiết bị 4 dây đờn kích thước từ to đến nhỏ đã tạo cho đờn Tỳ Bà đạt được 3 quảng âm thanh trầm, trung, bổng, xứng đáng đứng ngang hàng với những nhạc cụ hiện đại trên thế giới.

Từ lâu, đờn Tỳ Bà đã được xếp chung trong 5 nhạc khí là Tranh, Kìm, Cò, Tỳ Bà, Tam, hợp thành một bộ "Ngũ Tuyệt Nhạc Khí", không thể thiếu nó, nếu muốn có buổi hòa nhạc hoặc hòa ca lý tưởng.

Cách lên dây:

Muốn thử dây đờn Tỳ Bà cho đúng âm, người chơi đờn thường dùng 4 tiếng nhân thanh để tượng thanh theo cách nghe quen tai là "Tồn Tang Tôn Tính" hoặc câu "Tòng Lan Mai Trúc" *(The Vietnamese traditional music in bref by Van Giang)* và các nhạc sĩ Đờn ca tài tử Nam bộ, thường dùng hai câu "Trèo lên cây khế - Đứng trên cây tùng", để làm âm thanh mẫu tương ứng với 4 âm thanh phát ra của 4 dây đờn Tỳ Bà là Hò, Xang, Xê, Líu - Líu, Xê, Xang, Hò.

Tầm cử âm thanh của đờn Tỳ Bà khi chơi Nhạc tài tử và Cải lương thì được lên dây theo cách sau đây : ta khảy 4 dây buông ra từ trầm lên bổng hoặc từ dây lớn đến dây nhỏ, ta có Hò (dây 4) Xang (dây 3) Xê (dây 2) Líu (dây 1), tương đương với âm thanh biểu nhạc tây phương là Sol, Do, Ré, Sól (cải lương), Fa, La, Do, Fá (tài tử). Như vậy cách gọi dây đờn theo Hò nhứt, Hò nhì, Hò ba, Hò tư, Hò năm cũng giống như cách gọi ở cây đờn Kìm. Nếu gọi hò theo hệ thống dây Đào hay dây Bắc thì Hò Nhứt khảy buông dây 1 hoặc dây 4 (Xang), Hò Nhì chận phím 1 (Xê) Hò Ba chận phím 3 (Phan), Hò Tư chận phím 4 (Liu), Hò Năm chận phím 5 (Ú).

Thủ pháp:

Thủ pháp đờn Tỳ Bà là thủ pháp kết hợp giữa các thủ pháp đờn Kìm (nhấn nhá), đờn Sến (chạy chữ) đờn Đoản (chạy chữ đài và reo dây) và đờn Tranh (phi, chài, rung, mổ, song thinh).

Tóm lại, đờn Tỳ Bà được chế tác rất thích hợp với nền âm nhạc Ngũ Cung Đông Phương, vậy mà hiện nay lại có một số người chủ trương dùng ký âm pháp *(solfège)* và thủ pháp nhạc tây phương để dạy đờn Tỳ Bà, đã biến nhạc cụ này thành đờn banjo hay mandoline nên không hội nhập được với hai dòng âm nhạc dân tộc của chúng ta là ngũ cung lòng bản, tâm tấu, ngẫu hứng, sáng tạo.

Ngày nay, đờn Tỳ Bà cũng cùng chung số phận với đờn Tam, đờn Đoản, không còn thấy có mặt trong các dàn Nhạc tài tử nữa, có còn chăng là chỉ còn có một người ôm đờn và không chịu buông ra là nàng Vương Thúy Kiều trên những bức tranh của các họa sĩ mà thôi.

Digitized by www.namkyluctinh.org

Kết luận, đờn Tỳ Bà mặc dầu không do ta sáng chế, nhưng từ lâu sự có mặt của nhạc cụ này đã đưa Nền âm nhạc dân tộc, trong đó có loại hình Đờn ca tài tử Nam bộ, một thời lên đỉnh cao. Chúng ta, nhứt là các đơn vị chức năng có nhiệm vụ bảo tồn và phát huy nó, làm sao cho đúng hướng dân tộc, thì đây cũng là một sự góp phần đáng kể trong việc giữ gìn bản sắc dân tộc, để chống lại các thứ nhạc lai căng mất gốc, làm băng hoại nhạc truyền thống tốt đẹp của quê hương mình ./.

Hết Tập III

Digitized by www.namkyluctinh.org

MỤC LỤC – TẬP 3

Tên bài **Tựa** **Trang**

Phần chánh biên

F – Bộ Thập Thủ Liên Hườn:

1. Phẩm Tuyết ..... *Thú Cầm* 194
2. Nguyên Tiêu ..... *Thú Kỳ* 196
3. Hồ Quảng ..... *Thú Thi* 198
4. Liên Hườn ..... *Thú Họa* 198
5. Bình Nguyên ..... *Thú Rượu* 200
6. Tây Mai ..... *Thú Trà* 204
7. Kim Tiền ..... *Thú Bè Bạn* 204
8. Xuân Phong ..... *Thú Yêu Đương* 206
9. Long Hổ ..... *Thú Đợi Chờ* 206
10. Tẩu Mã ..... *Thú Cô Đơn* 208

G – Cửu Nhĩ:

1. Hội Ngươn Tiêu ..... *Thúy Kiều Hoa Viên Ngộ* 211
2. Bát Bản Chấn ..... *Thúy Kiều Tống Trọng Qui Tang* 212

IV. Các bài Nhạc Lễ:

1. Xàng Xê ..... *Thúy Kiều Vịnh Tích* 220
2. Ngũ Đối Thượng ..... *Kiều Du Thanh Minh* 226
3. Ngũ Đối Hạ ..... *Kim Kiều Hoa Viên Ngộ* 234
4. Long Đăng ..... *Kiều Vãng Trọng Hiên* 238
5. Long Ngâm ..... *Tống Trọng Qui Tang* 242
6. Vạn Giá ..... *Biệt Mãi Thanh Lâu* 244
7. Tiểu Khúc ..... *Dữ Thúc Thành Hôn* 250
8. Ngũ Đối Ai ..... *Công Ơn Cha Mẹ* 252
9. Chiết Tứ Vĩ ..... *Kinh Kha Náo Tần Đình* 256

V. Các bản Nam:

1. Nam Xuân ..... *Tích Thúy Kiều* 260
2. Nam Ai ..... *Tích Thúy Kiều (tiếp theo)* 268
3. Đảo Ngũ Cung ..... *Tích Thúy Kiều (tiếp theo)* 278

Phần Phụ Lục

1. Đảo Ngũ Cung ..... *Gương Mê Sắc* 291

Bài Khảo Cứu ..... *Đờn Tỳ Bà Với Nhạc Tài Tử* 295

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Nhị Tấn

MỤC LỤC

TẬP 1-5

Trung Tâm Văn Hóa quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử quận 8
– 1997 –
Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
Lời nói đầu		1	1
Lược khảo		5	1

Phần chánh biên

I. Các bản Lý:

1 .	Lý Vọng Phu	*Vọng Phu*	16	1
2 .	Lý Giao Duyên	*Trông Chồng*	18	1
3 .	Lý Ngựa Ô Bắc	*Bùi Kiệm Trêu Nguyệt Nga*	18	1
4 .	Lý Ngựa Ô Nam	*Nguyễn Trãi Tiễn Cha*	18	1
5 .	Lý Ngựa Ô Nam	*Nguyễn Trãi Tiễn Cha*	20	1
6 .	Lý Con Sáo	*Ngắm Cảnh Khơi Nguồn*	20	1
7 .	Lý Con Sáo	*Ngắm Cảnh Khơi Nguồn*	22	1
8 .	Lý Phước Kiến	*Từ Thị Quốc Thái*	22	1

II. Các bản gốc miền Trung:

1 .	Lưu Thủy Đoản	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ*	24	1
2 .	Bình Bán Vắn	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ (tiếp theo)*	24	1
3 .	Kim Tiền Huế	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ (tiếp theo)*	26	1
4 .	Hành Vân	*Nợ Cái Duyên Gì*	28	1
5 .	Tứ Đại Cảnh	*Nhị Thập Tứ Hiếu*	28	1

III. Các bản Bắc:

A – Thập bát thủ:

1 .	Thủ Lưu Thủy Tẩu Mã	*Đội Gạo Nuôi Cha Mẹ*	32	1
2 .	Thủ Phú Lục Tẩu Mã	*Kiếm Sữa Hươu Nuôi Cha Mẹ*	32	1
3 .	Thủ Bình Bán Tẩu Mã	*Đùa Để Vui Cha Mẹ*	34	1
4 .	Thủ Cổ Bản Tẩu Mã	*Khóc Tre Nẩy Măng*	34	1
5 .	Thủ Xuân Tình Tẩu Mã	*Bán Mình Chôn Cha*	36	1
6 .	Thủ Tây Thi Tẩu Mã	*Hái Dâu Nuôi Mẹ*	38	1
7 .	Thủ Lưu Thủy Vắn	*Cho Mẹ Chồng Bú*	40	1
8 .	Thủ Phú Lục Vắn	*Quạt Nồng Ấp Lạnh*	42	1
9 .	Thủ Bình Bán Vắn	*Nghe Tiếng Sấm Khóc Mồ Mẹ*	44	1
10 .	Thủ Cổ Bản Vắn	*Bỏ Quan Chức Đi Tìm Mẹ*	46	1
11 .	Thủ Xuân Tình Vắn	*Giữ Hổ Cứu Cha*	50	1
12 .	Thủ Tây Thi Vắn	*Nằm Trên Băng Tìm Cá Chép*	52	1
13 .	Thủ Lưu Thủy Trường	*Lòng Hiếu Cảm Động Đến Trời*	54	1
14 .	Thủ Phú Lục Chấn	*Cắn Tay Mẹ Đau Lòng Con*	58	1
15 .	Thủ Bình Bán Chấn	*Hưng Đạo Đại Vương*	62	1
16 .	Thủ Cổ Bản Trường	*Ông Trương Công Định*	66	1
17 .	Thủ Xuân Tình Chấn	*Anh Hùng Lý Thường Kiệt*	74	1
18 .	Thủ Tây Thi Trường	*Bình Định Vương Lê Lợi*	78	1

Phần Phụ Lục

1 .	Kim Tiền Huế	*Xuân Nghĩa Tình*	89	1

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
2 . Cửu Khúc Giang Nam	*Mộ Chiến Sĩ Vô Danh*	89	1
3 . Liêu Giang	*Mẹ*	91	1
4 . Tiểu Khúc	*Anh Hùng Dân Tộc Nguyễn Trung Trực*	91	1
Bài Khảo Cứu	*Đờn Kìm Và Dịch Học Đông Phương*	94	1

Phần chánh biên

B – Thập bát vĩ:

1 . Lưu Thủy Tẩu Mã	*Vân Tiên Cứu Nguyệt Nga*	100	2
2 . Phú Lục Tẩu Mã	*Nguyệt Nga Họa Tượng Vân Tiên*	100	2
3 . Bình Bán Tẩu Mã	*Vân Tiên Kết Bạn Hớn Minh*	102	2
4 . Cổ Bản Tẩu Mã	*Vân Tiên Kết Bạn Tử Trực*	102	2
5 . Xuân Tình Tẩu Mã	*Ông Quán*	104	2
6 . Tây Thi Tẩu Mã	*Ông Quán*	106	2
7 . Lưu Thủy Vắn	*Kiều Du Thanh Minh*	108	2
8 . Phú Lục Vắn	*Tiền Sử Việt Nam*	110	2
9 . Bình Bán Vắn	*Tích Đầm Nhứt Dạ*	110	2
10 . Cổ Bản Vắn	*Ngư Ông*	114	2
11 . Xuân Tình Vắn	*Bốn Vị Anh Hùng Chống Pháp*	116	2
12 . Tây Thi Vắn	*Trọng Thủy Mỵ Châu*	120	2
13 . Lưu Thủy Trường	*Bá Nha Tử Kỳ*	122	2
14 . Phú Lục Chấn	*Bá Nha Tử Kỳ (tiếp theo)*	126	2
15 . Bình Bán Chấn	*Nguyệt Nga Họa Tượng Vân Tiên*	130	2
16 . Cổ Bản Trường	*Tình Nghĩa Vợ Chồng*	134	2
17 . Xuân Tình Chấn	*Kiều Vãng Trọng Hiên*	140	2
18 . Tây Thi Trường	*Lễ Nhạc Giáo Hóa Dân Tâm*	146	2

C – 6 bản Bắc Tẩu Mã cải biên:

1 . Lưu Thủy Tẩu Mã	*Đường Quê*	152	2
2 . Phú Lục Tẩu Mã	*Đường Quê*	152	2
3 . Bình Bán Tẩu Mã	*Đường Quê*	154	2
4 . Xuân Tình Tẩu Mã	*Đường Quê*	154	2
5 . Tây Thi Tẩu Mã	*Đường Quê*	156	2
6 . Cổ Bản Tẩu Mã	*Đường Quê*	158	2

D – Bộ Ngũ Châu:

1 . Kim Tiền Bản	*Giống Rồng Tiên*	160	2
2 . Ngự Giá	*Từ Hải Lầm Mưu*	162	2
3 . Hồ Lan	*Thúy Kiều Lầm Mưu*	164	2
4 . Vạn Liên	*Dùng Mẹo Trị Côn Đồ*	164	2
5 . Song Phi Hồ Điệp	*Vọng Chinh Phu*	166	2

E – Bộ Tứ Bửu:

1 . Minh Hoàng Thưởng Nguyệt	*Khúc Nghê Thường*	168	2
2 . Ngự Giá Đăng Lâu	*Tửu, Nhạc Đăng Lâu*	170	2
3 . Phò Mã Giao Duyên	*Đêm Vu Quy*	172	2
4 . Ái Tử Kê	*Thương Bầy Gà Con*	174	2

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
Phần Phụ Lục			
1. Tứ Đại Oán	*Bùi Kiệm, Bùi Ông, Nguyệt Nga*	181	2
2. Bình Bán Vắn	*Bùi Kiệm Thi Rớt*	185	2
3. Hành Vân	*Hội Ca Cầm*	185	2
4. Tây Thi Vắn	*Tài Sắc Tây Thi*	186	2
5. Cổ Bản Vắn	*Trang Tử Thử Vợ*	187	2
Bài Khảo Cứu	*Từ Tứ Đại Cảnh Đến Tứ Đại Oán*	190	2
Phần chánh biên			
F – Bộ Thập Thủ Liên Hườn:			
1. Phẩm Tuyết	*Thú Cầm*	194	3
2. Nguyên Tiêu	*Thú Kỳ*	196	3
3. Hồ Quảng	*Thú Thi*	198	3
4. Liên Hườn	*Thú Họa*	198	3
5. Bình Nguyên	*Thú Rượu*	200	3
6. Tây Mai	*Thú Trà*	204	3
7. Kim Tiền	*Thú Bè Bạn*	204	3
8. Xuân Phong	*Thú Yêu Đương*	206	3
9. Long Hổ	*Thú Đợi Chờ*	206	3
10. Tẩu Mã	*Thú Cô Đơn*	208	3
G – Cửu Nhĩ:			
11. Hội Ngươn Tiêu	*Thúy Kiều Hoa Viên Ngộ*	211	3
12. Bát Bản Chấn	*Thúy Kiều Tống Trọng Qui Tang*	212	3
IV. Các bài Nhạc Lễ:			
1. Xàng Xê	*Thúy Kiều Vịnh Tích*	220	3
2. Ngũ Đối Thượng	*Kiều Du Thanh Minh*	226	3
3. Ngũ Đối Hạ	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ*	234	3
4. Long Đăng	*Kiều Vãng Trọng Hiên*	238	3
5. Long Ngâm	*Tống Trọng Qui Tang*	242	3
6. Vạn Giá	*Biệt Mãi Thanh Lâu*	244	3
7. Tiểu Khúc	*Dữ Thúc Thành Hôn*	250	3
8. Ngũ Đối Ai	*Công Ơn Cha Mẹ*	252	3
9. Chiết Tứ Vĩ	*Kinh Kha Náo Tần Đình*	256	3
V. Các bản Nam:			
1. Nam Xuân	*Tích Thúy Kiều*	260	3
2. Nam Ai	*Tích Thúy Kiều (tiếp theo)*	268	3
3. Đảo Ngũ Cung	*Tích Thúy Kiều (tiếp theo)*	278	3
Phần Phụ Lục			
1. Đảo Ngũ Cung	*Gương Mê Sắc*	291	3
2. Bài Khảo Cứu	*Đờn Tỳ Bà Với Nhạc Tài Tử*	295	3

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
Phần chánh biên			
VI. Các bản Oán:			
1 . Tứ Đại Vắn	*Thúy Kiều Tự Trầm*	300	4
2 . Tứ Đại Oán	*Bá Lý Hề*	303	4
3 . Phụng Hoàng Cầu	*Bỉ Vận Kiều Nương*	310	4
4 . Giang Nam Cửu Khúc	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ*	320	4
5 . Phụng Cầu Hoàng Duyên	*Tư Mã Tương Như*	332	4
6 . Ngươn Tiêu Hội Oán	*Đoạn Trường Tân Thanh*	340	4
7 . Võ Văn Hội Oán	*Khí Tiết Thủ Khoa Huân*	346	4
8 . Bình Sa Lạc Nhạn	*Khúc Đoạn Trường*	352	4
9 . Thanh Dạ Đề Quyên	*Chinh Phụ Thán Ca*	360	4
VII. Tám bản Ngự:			
1 . Đường Thái Tôn	*Cảnh Xuân*	368	4
2 . Vọng Phu	*Xuân Nhựt Hoài Cố Nhân*	370	4
3 . Chiêu Quân	*Cảm Xuân Chúc Cẩm Hồi Văn*	372	4
4 . Ái Tử Kê	*Thương Bầy Gà Con*	374	4
5 . Bát Man Tấn Cống	*Lạc Xuân*	374	4
6 . Tương Tư	*Nguyệt Nga Ký Ngụ Lão Bà*	380	4
7 . Duyên Kỳ Ngộ	*Nguyệt Nga Từ Biệt Kim Liên*	384	4
8 . Quả Phụ Hàm Oan	*Thuyền Quyên Bạc Phận*	388	4
Phần Phụ Lục			
1 . Ba Bản Nam	*Tô Huệ Chức Cẩm Hồi Văn*	395	4
2 . Xàng Xê	*Kho Vàng Sầm Sơn*	404	4
Bài Khảo Cứu	*Giỗ Tổ Nhạc Lễ*	407	4
Phần chánh biên			
VIII. Các bản Ai Oán:			
1 . TrườngTương Tư	*Phu Phụ Ly Sầu*	414	5
2 . Văn Thiên Tường	*Bá Lý Hề*	416	5
3 . Võ Tắc Biệt	*Anh Hùng Nguyễn Trung Trực*	424	5
4 . Võ Tắc Biệt	*Mẹ*	430	5
5 . Xuân Nữ	*Oan Án Lệ Chi Viên*	434	5
6 . Khổng Tử Khóc Nhan Hồi	*Khấp Phục Thánh Nhan Tử*	438	5
7 . Chinh Phụ Ly Tình	*Chinh Phụ Thán*	440	5
IX. Các bản có nhiều Hơi Điệu:			
1 . Liêu Giang	*Chinh Phụ Thán*	442	5
2 . Ngũ Quan	*Con Tế Mẹ*	444	5
3 . Dạ Cổ Hoài Lang	*Dạ Cổ Hoài Lang*	444	5
4 . Tứ Bửu Liêu Thành	*Tiếng Quê Hương*	446	5
5 . Ngũ Châu Minh Phổ	*Thú Cầm Ca*	450	5
6 . Nam Âm Ngũ Khúc	*Nguyễn Trãi Bình Ngô*	454	5

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
7 . Ngũ Cung Luân Hoán	*Anh Hùng Dân Tộc Nguyễn Trãi*	458	5
8 . Khúc Hận Nam Quan	*Khúc Hận Nam Quan*	460	5
9 . Ngũ Khúc Long Phi	*Xuân Lịch Sử*	466	5
X. Tam Bắc nhị Oán:			
1 . Hội Huê Đăng	*Cảnh Xuân*	468	5
2 . Lục Luật Tiêu Hà	*Từ Hải Sa Cơ*	472	5
3 . Bắc Ngự	*Bá Nha Tử Kỳ*	476	5
4 . Quả Phụ Hàm Oan	*Thân Phận Thúy Kiều*	480	5
5 . Xuân Tình Bát Oán	*Mẹ Dạy Con*	486	5
Phần Phụ Lục			
1 . Ngũ Đối Hạ	*Tôn Tẫn Bàng Quyên Tầm Sư Học Đạo*	499	5
2 . Long Đăng	*Bàng Quyên Xhống Núi*	501	5
3 . Tiểu Khúc	*Bàng Quyên Chặt Chơn Tôn Tẫn*	503	5

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org